

Do Võ Phi Hùng Cựu HS Petrus Ký (67-74) tặng Huỳnh Chiêu Đăng chủ Kho Sách Xưa Quán Ven Đường

PHỔ THÔNG

Tạp-chí Văn-Hóa ra ngày 1 và 15

Giám-đọc : **NGUYỄN - VỸ**

NOËL 1966

185

1 - 1 - 1967



PHỔ THÔNG

TẠP-CHÍ

GOP PHAN XAY DUNG VAN HOA VIETNAM
PHO BIEN VAN HOA DONG TAY KIM CO

Giám-đốc, Chủ-bút : Nguyễn-Vũ

Tòa-soạn : 231, đường Phạm-Ngũ-Lão, Saigon — Đ.T. 25.861



NĂM THỨ IX * SỐ 185 * 1-1-1967

1.— Noel và Hòa Bình	Nguyễn Vũ	5 — 10
2.— Mừng Giáng-sinh trong tinh thần mới	Thiếu Sơn	11 — 15
3.— Bà tước d' Estaing, định đánh cướp kho vàng của chúa Nguyễn	Phạm văn Sơn	16 — 22
4.— Đêm huyền diệu (thơ)	Huy Vũ	23
5.— Tình yêu thương (truyện)	Phong Sơn	24 — 30
6.— Hồ Hữu Tường, sẽ phi lạc về đâu ?	Thái Bạch	31 — 35
7.— Bức thư Paris : Mùa Thu	Nguyễn văn Cồn	36 — 42
8.— Lệ sầu chưa ráo (thơ)	Thế Lan	43
9.— Saigon — Châu Đốc	Tâm Tri N.V.	44 — 48
10.— Những vũ điệu Cao Miên	Lê Hương	49 — 55
11.— Buổi học của các cha Noel	Từ trầm Lệ	56 — 62
12.— Ngôi sao lạ (chuyện Noel)	Thanh Việt Thanh	63 — 67

13. — Noel và Hòa Bình	Nguyễn Vỹ	68 — 72
14. — Chiếc áo mưa đêm Giáng Sinh (truyện)	Hoàng Hồng Diệp	73 — 79
15. — Mùa thu đi	Ái Nguyễn	80
16. — Cảnh thư miền hỏa tuyến	Huy Vũ	81 — 83
17. — Những mũi gai sâu (truyện)	Lê tất Điều	84 — 91
18. — Cầu nguyện Noel Hòa Bình (thơ)	Bùi-hữu.Nghĩa	92 — 93
19. — Minh ơi !	Diệu.Huyền	94 — 106
20. — Những người dân bà.lừng danh trong lịch sử thế.giới : Hoàng.hậu Saba	Tân.Phong	107 — 114
21. — Vực thăm (truyện dài)	Thắm-thệ.Hà	115 — 120
22. — 4.000 năm dân ca V.N.	N. V.	121 — 122
23. — Đáp bạn bốn phương	Diệu-Huyền	123 — 130



- Chúng tôi hoàn-toàn không chịu trách-nhiệm về những bài lai cáo của bạn đọc, (theo thể-lệ chung của các tạp-chí quốc-tế).
- ★ Bài lai cáo không đăng, không trả lại.
- Các Sách Báo Việt-ngữ ở trong nước được tự-tiện trích đăng những bài trong tạp-chí PHỔ - THÔNG, nhưng yêu-cầu đề rõ xuất-xứ : « Trích tạp-chí PHỔ-THÔNG » và đừng viết tắt.
- ★ Cấm trích, dịch, phỏng đăng vào sách báo Ngoại-quốc mà không xin phép.
- Tous droits de traduction, d'adaptation, et de reproduction même partielle, réservés pour tous pays.
- ★ Copyright by PHỔ THÔNG, printed in Việt-Nam.

- Tổng phát hành PHỔ - THÔNG toàn quốc :
ĐỒNG NAI, 270, Đề-Thám — Saigon
- Tổng-phát-hành PHỔ-THÔNG ở Âu-Châu và Phi-châu
- Notre représentant général pour l'Europe et l'Afrique
- Our general agent in Europa & Africa
LONG-HIỆP

13 Rue de la Montagne Ste Geneviève — PARIS Vè
(vonté — abonnements — Publicité)

NOËL & HÒA-BÌNH



Tại sao
Hà-Nội
từ chối
thương
thuyết?

Tại sao
hòa-bình
‘còn chưa’?

★ NGUYỄN VỸ

W 227597
101

TRONG Đệ nhị Thế-chiến, khi Hitler sắp sửa tấn công Nga-xô, nhân một cuộc hội nghị bí mật, Churchill hỏi Staline nghĩ thế nào về lời hiệu-triệu hòa-bình của Đức Giáo-Hoàng Pie XII, nhà độc-tài Đổ hỏi lại Thủ-tướng Anh : « ông Giáo-hoàng ? Ông ấy có được mấy sư đoàn ? » (1)

Lãnh-tu Cộng-sản muốn nói rằng đã chiến-tranh thì phải đánh bằng quân-linh và súng đạn chứ không đánh bằng lời nói được. Và muốn nói hòa-bình thì cũng phải có mấy sư-đoàn trong tay lời nói mới có hiệu quả.

Lập trường từ trước đến nay về chiến-tranh của phe cộng-sản vẫn không thay đổi.

Nga-xô chống lại Đức Quốc-Xã, hay là Hà-nội quyết tiếp-tục chiến-tranh xâm lăng miền Nam Việt-nam, Cộng-sản đã đánh là không nói chuyện Hòa-bình, trừ trường hợp bất đắc dĩ lắm như ở Triều-tiên. Trong lúc đó, Mỹ là một Đại-cường-quốc giúp đắc-lực cho Việt-Nam Cộng-Hòa chống Việt-cộng xâm-lăng lại cứ kêu gọi Hòa-bình. Hết đi năn-nỉ người này lại đi ỉ oài với người khác để nhờ họ vận-động Hòa-bình với Bắc-Việt. Không những nhờ các nước bạn của Mỹ như Anh, Gia-nã-Đại, Ấn-Độ, lại nhờ các nước bạn của phe Cộng, như Algérie, Ai-Cập, Ru-ma-ni, chạy-chạy thương-thuyết... hòa-bình !

Thật là một mâu-thuần lạ-kỳ mà người ta mới thấy lần đầu-tiên trong lịch-sử chiến-tranh. Nhưng xét kỹ tình-hình chính-trị và quân-sự thì chẳng có gì lạ. Trên thực-tế, ai cũng thấy rằng quân-đội Mỹ ở Việt-Nam đã thu-hoạch được khá nhiều chiến-công vẻ-vang, nhờ đó làn sóng đỏ từ Bắc-Việt tràn vào, từ rừng-núi ở biên-giới Lào và Cao Miên đổ xuống, đã bị chặn lại tại những yếu-điểm chiến-lược

(1) Nguyên-văn bằng tiếng Pháp : « Le pape ? De combien de divisions peut-il disposer ? »

quan-trọng. Nhiều người tự hỏi, và ngay một số đồng dư-luân ở Mỹ cũng thắc-mắc, tại sao trong thế ưu-thắng đó Tổng-thống Johnson cứ không ngọt ngào gọi thương-thuyết đình-chiến thay vì giải-quyết chiến-cuộc bằng những vụ hành-quân liên-tục đại-quy-mô để tiêu diệt Việt-cộng ? Trái lại, Việt-cộng hao-tồn khá-nhiều, phần bị thất bại nặng trên các chiến-trường miền Nam, phần bị máy bay Mỹ oanh-tạc rơi-bởi tại các căn-cứ quân-sự và các kho nhiên liệu ở miền Bắc, thế mà họ vẫn cương-quyết tiếp-tục chiến-tranh, một mực từ-chối tất cả các vận-động hòa-bình của một số lớn Quốc-gia thân Mỹ hoặc thân Nga.

Nói riêng về Dân-tộc Việt-nam, người ta có nhiều lý do để tin rằng 13 triệu nhân-dân miền Nam và chắc-chắn cả 13 triệu đồng-bào miền Bắc đang quần-quai đau-khổ, đều mong-muốn chiến-tranh chấm-dứt sớm được ngày nào hay ngày ấy và Hòa-bình được vãn-hồi nhanh-chóng. Nhưng Hòa-bình cách nào ? Những điều-kiện hòa-bình như thế nào ? Đây là tất cả vấn đề.

oOo

CHIENTRANH nào cũng có một mục-phiêu chính-trị. Bắc-Việt xưa quân vào vĩ-tuyến 17, nói là để « giải phóng miền Nam », nhưng khẩu hiệu chiến-tranh đó có nghĩa là đánh đuổi người Mỹ ra khỏi miền Nam để Việt-cộng tự-do thao-lúng về quân-sự, chính-trị, kinh-tế, văn-hóa, và đặt miền Nam dưới chế-độ độc-tài Cộng-sản. Nếu Việt-cộng thắng, về mặt quốc-nội, miền Nam sẽ hoàn toàn lệ-thuộc vào Cộng-sản, sẽ phải chịu ách chuyên-chế của chế-độ Cộng-sản dưới quyền chỉ-huy sắt máu của Trung-cộng. Về mặt quốc-tế, miền Nam sẽ là tiền-đồn trọng yếu của Cộng-sản Trung Hoa, ở ngay ngã-ba Đông-Nam-Á. Như vậy, Việt-cộng dưới áp-lực mạnh của Trung-cộng, phải bắt

NOEL ★ HÒA-BÌNH

buộc đeo-đuôi chiến-tranh cho đến khi nào đạt được mục-
phiếu chính-trị và quân-sự nói trên. Nhưng đến khi nào ?
Câu hỏi đó, chính Hà-nội và Bắc-kinh cũng không thể trả
lời được.

Hiện ngày giờ này ai cũng thấy rằng Chiến-tranh Việt
Nam đã thành ra một cuộc phiêu-lưu không có lối thoát
cho cả đôi bên. Việt-cộng khó mong được một Điện-biên-
Phủ thứ hai, cũng như Mỹ không thể có một phần công
mãnh-liệt như trên bờ sông Yalu trong chiến cuộc Triều-
tiên, tháng 11.1950. Chúng ta nên nhớ rằng chính từ cuộc
phản-công thắng lợi quan trọng đó mà 8 tháng sau Trung-
cộng và Bắc-Hàn mới chịu chấp-nhận thương-thuyết đình
chiến. Nhưng cuộc vận-động thương -thuyết còn phải kéo dài
đến 2 năm, trong những trường hợp vô-cùng khó-khăn, từ
tháng 7.1951 đến tháng 7.1953 mới ký hiệp-định đình-chiến
thật-sự ở Panmunjo (Bàn-Môn-Điểm).

Xem lại bản-đồ chiến-tranh Nam — Bắc Cao-ly (Bắc-
Hàn khởi sự xâm lăng Nam Hàn bằng cuộc tấn-
công ào-ạt vào vĩ-tuyến 38 ngày 25.6.1950, với 5
sư-đoàn), thì sau 3 năm chết-chóc gần 1 triệu người,
hiệp-định Hòa-bình Bàn-Môn-Điểm vẫn xác định đường
ranh-giới Bắc-Nam gần như cũ, không xê-xích mấy. Đại-
Hàn (Nam-Hàn) chỉ được lợi thêm 1 tỉnh nhỏ ngoài vĩ-
tuyến 38, gồm 2 thành-phố Yangyang và Kinsong mà thôi.

Chiến-tranh Việt-Nam ngày nay có khác về chiến-thuật
du kích của Việt-cộng. Khác ở ba điểm chính sau đây :

1) Việt-cộng không cần công-khai kéo 5 sư-đoàn vượt
qua vĩ-tuyến 17, như Hàn-cộng đã vượt vĩ-tuyến 38.

2) Nam Hàn có biển bao-bọc ba phía nên sự xâm
nhập lên-lút của Cộng-sản Bắc Hàn rất khó khăn, không
như miền Nam Việt-Nam bị rừng-núi ở suốt biên giới Cao-
Miên và Lào biến thành đường giao-thông tiếp-tế mà miền

NOEL ★ HÒA-BÌNH

Nam không kiểm-soát nổi. Đã thế, lại có Cam-bốt theo phe
Cộng, chống lại Việt-nam Cộng-hòa và Mỹ.

3) Địa-thế của miền Nam rất thuận tiện cho những
hoạt-động của Du-kích Cộng-sản, không như Nam-Hàn.

Chính vì chiến-thuật du-kích ở miền Nam dễ được
thắng-lợi hơn, nên Việt-cộng tránh những cuộc tấn-công đại
quy-mô thường bị thất-bại nặng nề (ở Nam-Hàn cũng vậy),
để chú-trọng nhiều hơn về chiến-tranh du-kích và chiến-
tranh chính-trị.

Chiến-tranh du-kích không có chiến-trường nhất-định,
tuôn luôn được chuyển-động bất ngờ, bất cứ lúc nào, nơi
nào, và chiến-tranh chính-trị dưới rất nhiều hình-thức đấu-
tranh về mọi mặt chính trị, tôn-giáo, văn-hóa, xã-hội. v v...
có thể kéo dài bao nhiêu năm cũng được.

Đó là một nguyên-nhân khiến Việt-cộng còn tin tưởng
nơi thắng lợi của họ, và từ-chối mọi cuộc vận-động thương-
thuyết hòa-bình, mặc dầu về quân-sự thuần-túy họ tự biết
sức không địch nổi với lực-lượng của Mỹ và Đồng-Minh.

Với lối « chiến-tranh câu-dằm » ấy, Việt-cộng cứ lai-rai
đánh hoai, và họ tự phụ có thể kéo dài chiến-tranh đến 10
năm, hay 20 năm chẳng hạn, miễn là họ cố giữ được các căn
cứ bí-mật ở miền rừng-núi dọc theo biên-giới Lào-Miên.
Lực lượng hàng-hậu của Mỹ và Đồng Minh bị « cầm chân »
mãi ở miền Nam, lâu ngày sẽ chán-nản, y như « chiến-tranh
kỳ-cục » — La drôle de guerre — của Hitler với đồng-
minh Anh-Pháp trong bốn tháng đầu, năm 1940.

Theo tôi, thực-trạng của chiến-tranh Việt-nam hiện
nay là như thế, khác hẳn với chiến-tranh Triều-Tiên chỉ
kéo dài trong 3 năm mà thôi, từ tháng 6.1950 đến tháng
7.1953.

Chúng ta nên nhớ rằng cộng quân Huks đánh du-kích ở quần đảo Phi-Luật-Tân từ 1946 đến nay đã 20 năm, vẫn còn đánh hoài, tiếp tục quấy rối Phi-Luật-Tân dưới mọi hình thức, khai thác mọi nhược điểm của chính-phủ và mọi chia rẽ trong nội bộ quốc-gia

oOo

VỀ phía quân-lực Mỹ ở Việt-nam hiện nay, mặc dầu không đến nổi tệ như hồi Pháp đánh Việt-Minh, trái lại tình-hình quân-sự tổng quát của Mỹ đã trở nên lạc-quan, Việt-Mỹ và Đồng-Minh đã chặn đứng được nhiều cuộc tấn công ào ạt của Việt-Cộng, đã đánh tan rã nhiều căn-cứ-địa và các kho tiếp tế lương-thực, khí-giới, đạn được, làm tê liệt rất nhiều các hoạt động thuần-tuý quân sự của địch, nhưng số tổn thất của Mỹ — chỉ nói riêng Mỹ — không phải là không đáng kể ». Theo các bản kê khai chính thức của Mỹ được công bố trên các báo, thì số phi cơ phản lực và trực thăng Mỹ bị bắn rơi có đến mấy trăm chiếc, quân sĩ Mỹ trận vong trên mười ngàn người, những con số đó tuy « không đáng kể » thật đối với lực lượng hùng mạnh của Mỹ, nhưng đối với dân chúng Mỹ nó đã gây ra một dư-luận nào đó không có lợi cho hành chánh Cộng-Hòa của Tổng-Thống Johnson. Hơn nữa, ngân sách xữ dụng cho chiến-tranh Việt-Nam mỗi ngày mỗi tăng lên đến một mức độ tối cao, quân số đưa qua Việt-Nam cũng mỗi ngày mỗi tăng lên đến mấy trăm ngàn người. Nếu chiến-tranh kéo dài lâu nữa, phản ứng của dư-luận quốc-gia Mỹ mỗi ngày mỗi lan rộng sẽ có thể đặt chính-phủ Mỹ vào một vị trí vô cùng bối rối. « Tiến thoái lưỡng nan », chính phủ Mỹ, dù là Cộng-Hòa hay Dân-Chủ, cũng sẽ có thể bị sa vào một đám sinh lầy khó thoát ra được mà không mất danh-dự và uy-tin đối với

(Xem tiếp trang 68)



trong tinh-thần mới

• THIẾU-SƠN

THEO tin Reuter ngày 12 / 10 từ Vatican đánh đi thì Đức Giáo-hoàng

trong buổi triều-yết hàng tuần dành cho công-chúng đã phán những lời này :

« Người Công-giáo phải chú-trọng đến đời sống bên trong, một đời sống chú-trọng đến suy-gẫm, tu-tĩnh, làm cho tâm-tư thâm-nhuần «lời Chúa.»

Và sau đó Ngài đã hạ lời phê-bình như sau :

«Nhưng cái lối sống ấy bị một số người coi không ra gì. Họ có vẻ như coi đời sống thiêng-liêng là một việc lỗi-thời, không cần cho đời sống người Công-giáo. Chúng tôi nói ra sự đó với hết sức kính ngạc và đau đớn».

Đức Giáo-Hoàng kinh-ngạc và đau-đớn là phải nhưng con người, dầu là người tu-hành còn sống giữa loài người không thể nào cưỡng nổi trào-lưu tiến-hóa của nhân loại. Loài người đã phát-minh khoa-học và ánh sáng khoa-học đã soi rọi cho loài người

những chân-lý đánh đổ bao nhiêu giáo - lý của Thánh Kinh, hỏi làm sao người ta giữ vẹn đức tin và những lời giảng dạy từ 2000 năm về trước ?

Mọi đây các giám-mục Pháp đã họp hội nghị ở Lourdes để hội thảo về những gì cần phải xét lại trong Giáo Hội.

Đức Hồng-Y Ottavini đã gọi cho các hàng giám mục thế giới lời cảnh cáo tóm tắt như sau :

« Đức tin đang bị lâm nguy »

Nhưng cảnh cáo thì cảnh cáo mà Hội nghị ở Lourdes cũng vẫn xét lại những vấn đề như sau :

1) Giới Công-giáo đã bắt đầu nghi ngờ về sự hiện diện của Thánh Thể (Eucharistie) và không coi là cần thiết việc xưng tội.

2) Một số chấp sự viên đòi cưới vợ. Chấp sự (diacre) là một tước vị bán thánh thức ở giáo đường để phụ tá các linh mục. Người ta cho rằng chấp sự có vợ sẽ mở cửa cho hàng tu sĩ lâm theo.

3) Sửa lại sách phần (catéchisme). Sách phần cũ bị cho là lỗi thời, cần phải

sửa lại. Ví dụ Giáo Hội nên cho là một gia đình chứ không nên coi như một xã hội, một vương quốc mà Giáo Hoàng được kể như một ông Thiên-Tử. Không nên khẳng định là Thượng Đế bất diệt và chỉ nên nói rằng Ngài luôn luôn nghĩ tới con người và kêu gọi tất cả cùng chung sống mãi mãi với Ngài. Hơn nữa, nên gọi ý cho người ta hình dung Thượng Đế như một con người toàn thiện toàn mỹ đáng làm gương cho mọi người hơn là đặt Ngài ở cương vị một nhận vật siêu phàm thần bí, toàn tri toàn năng, nhứt nhứt đều có thể thay thế cho ta mà an bài mọi việc trên thế giới.

Nhưng thế thì con người ở thế kỷ nguyên tử này mới có thể chấp nhận được vì khoa học đã cho ta thấy thủy tổ loài người không phải ông Adam và bà Eve, là trái đất tròn và quay khác với những gì đã nói trong Kinh Thánh, là trên Trời không có Thiên-đàng,

dưới đất không có địa ngục. Như thế thì con người sẽ cho mình là Hóa-công phải thiết lập thiên đàng ngay ở dương thế và không nên làm địa ngục để giam hãm đồng loại của mình hay tự giam hãm mình.

Quyết nghị của Hội nghị Lourdes là đức tin không lâm nguy nhưng phải tổ chức lại, sửa đổi lại rất nhiều cho con người không bỏ đạo trong khi phải sống thích hợp với trào lưu và hoàn cảnh, làm sao cho họ không bỏ đạo để theo đòi trong khi họ có thể bị đòi lời cuốn mà bỏ đạo.

Hội nghị Lourdes còn lên án tử hình cuốn sách phần của ông cha để lại quá cũ kỹ và lỗi thời.

Cuốn sách phần mới đang được soạn thảo và có lẽ sẽ được áp dụng vào năm 1968.

★

Lời nói thiết tha của Đức Giáo-Hoàng cũng như lời cảnh cáo nghiêm trọng

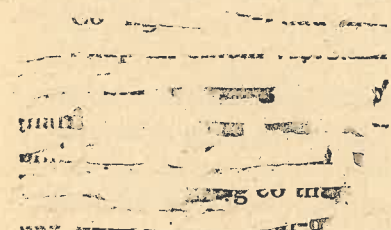
của Đức Hồng - Y Ottavini chỉ là những tiếng nói tự nhiên xuất phát ở những tấm lòng mộ đạo của những vị đạo đức chân tu không nhiệm thế tục.

Nhưng chính các Ngài cũng đã chịu ảnh-hưởng của trào-lưu tiên-hóa.

Tôi có một ông bạn người Công-giáo đã nói chuyện với tôi và than-phiền rằng lịch-sử Giáo-hội đã phải ghi biết bao nhiêu lầm lỗi. Không nói tới vụ lên án Galilée, chỉ nói đến thái-độ im hơi lặng tiếng của Giáo-Hội trước những cuộc chiến-tranh thuộc-địa mà kẻ xâm-lăng đều là những nước Tây-Phương. Ông còn nói thêm rằng Cố Giáo-Hoàng Pie XII người được Hitler sùng-bái mà Ngài cũng diễm nhiên tọa-thị trước những tội-ác tày trời của Hitler, không một lời can-ngăn, không một lời trách-cứ. Rất có thể ông bạn đã lầm vì biết đầu Cố Giáo-Hoàng Pie

XII không rỉ tai khuyển-bảo kẻ bạo-tàn háo-sát nhưng Ngài không công-khai lên tiếng sợ làm mất mặt, mất lòng anh ta.

Nhưng thái-độ đó vẫn có thể trách-cử được, không thể so-sánh với thái-độ của 2 vị Giáo-Hoàng Jean XXIII và Paul VI là thái-độ chưa từng có trong lịch-sử Giáo-Hội Vatican.



Nhưng bởi chiến-tranh ở Việt-Nam càng ngày càng tiến-triển một cách rất nguy-hiêm cho hòa bình thế giới nên mới có sự can thiệp của nhị vị Giáo-Hoàng. Tôi thì tôi không nghĩ thế. Tôi nghĩ rằng hai trái bom nguyên tử và sức tàn phá của nó đã làm rung chuyển hoàn cầu và làm xúc động lương tâm của nhân loại. Người

ta đã làm quen với chiến tranh cổ điển nên không bận tâm đến số nạn nhân đầu có khi lên tới hàng chục triệu người. Số nạn nhân ở Quang Đảo và Trường-kỳ không đáng kể mà chỉ đáng kể tới những tiến bộ của khoa học nguyên tử và những kho vũ khí nguyên tử mà hai anh chị em đã sẵn có khả dĩ làm nổ tung trái đất của chúng ta. Toà thánh Vatican cũng ở trên trái đất và sẽ cũng bị vạ lây. Hơn nữa, không nước nào giữ độc quyền nguyên tử mà chính phe cộng sản cũng có.

Như thế thì tất cả nỗ lực của loài người đều phải tập trung lại để kiếm một thể thức sống chung nếu họ không muốn chết chung.

Toà-thánh Vatican vẫn được tiếng là thành trì của chủ nghĩa bảo thủ cũng thấy mình có trách nhiệm đối với nhân loại ở thế gian mà trong đó giáo-dân có mặt ở cùng khắp năm châu, bốn biển. Họ tin

Thượng Đế nhưng họ ở chung với những người không tin có Thượng Đế. Họ thờ chúa nhưng họ ở chung với những người thờ Phật, thờ Mahomet và thờ những tôn-giáo khác. Họ không thể khư khư cố chấp, giữ phần phải về mình.

Do đó họ dèi xét lại tất cả để đi tới chỗ hòa-đồng nếu chưa phải là đại-đồng. Và cũng do đó mà người Công-giáo ngày nay loi đạo dè gần đời, rộng lượng hơn, bao-dung hơn, muốn tiến-bộ mà không muốn bạo-thu.

Đức Giáo-Hoàng không thể không biết tới những thay đổi trong nhân-sinh-quan và vũ-trụ-quan của nhân-loại nên các Ngài cũng phải thay đổi phương-pháp lãnh-đạo để giữ lấy con chiên ở hạ giới.

Những công đồng Vatican và hoạt động của hai vị Giáo

Hoàng Jean XXIII và Paul VI là những việc làm thông-minh tiến-bộ trong một thế-giới tiến-bộ và thông-minh.

Cố-nhiên trong buổi giao thời luôn luôn không tránh khỏi những điều đáng tiếc, thiếu mực thước, để Đức Thánh-Cha phải phan-nản.

Nhưng qua chứng bịnh ấu-trĩ con người sẽ chín-chắn hơn, mực thước hơn, sẽ không bỏ đạo để dấn thân vào đời mà chìm đắm trong thế tục. Họ có thể không trọn vẹn tin tưởng vào Thượng Đế nhưng họ không thể quên gương Chúa, quên lời Chúa mà làm tất cả những gì để phục vụ nhân loại, phục vụ Hòa bình.

Và chính trong tinh thần đó mà tôi viết bài này để chào đón ngày Giảng Sinh năm nay.



**bá
tước
d'Estaing**

**định đánh cướp kho vàng của
chúa
NGUYỄN**

MỘT việc rất đã man
và bí ãi của dân
Pháp đến nay còn
bị chìm ãm trong ãm tối của
lịch sử ít ai ãược biết, nhất là
sử sách và báo chí Việt-Nam
ãưới thời Pháp thuộc, ãó là vụ
Bá tước D'estaing ãịnh ãánh
cướp kho vàng của chúa Nguyễn
tại Nam-Hà.

★ phạm-văn-son

Ấm mưu này ãã ãược lập ra
trọng khoảng năm 1758-1759.

Người ãã phanh phui ra tài
liệu mật này là ông L. Malleret
nguyên Giám ãốc trưởng Bắc
Cử Viễn Đông ông, viết 2 bài :
*Một mưu toan thiết lập căn cứ
Pháp ở Đông-dương. Những*

BÁ TƯỚC D'ETAING

*nhận xét của Thủy-sư Đô-ãốc
d'Estaing.*

Tài liệu này thuộc một ký-ức-
lục không rõ ãược viết ra hồi
nào. Ta có thể ãoán là vào
giai ãoạn Bá tước d'Estaing ãi
từ Pondichéry đến ãảo Pháp-
quốc (Ile de France) cuối năm
1758 hay ãầu năm 1759.

(Đảo Pháp-quốc và ãảo Bour-
bons là hai hòn ãảo thuộc phía
Đông ãảo Madagascar và ãảo
de la Réunion cạnh Phi-châu
về phía Đông Nam do Pháp
chiếm làm thuộc ãịa trước ãó
không lâu).

Qua tài liệu này ta thấy thực
thực dân Pháp có ãã tâm thuộc
ãịa hóa dân tộc Việt Nam từ
lâu, khỏi cần phải có sự chỉ về
của Giám mục d'Adran hay
Pellerin sau này hay sự mời
mọc của chúa Nguyễn Ánh lúc
cùng ãường mặt vãn vào ít
năm sau.

Ông L. Malleret viết :

A — « Bị mê say vì tin ãồn
khắp Viễn Đông về tài sản vô
cùng phong phú của các Vua
Nam-hà (1) d'Estaing khi ở Ấn

ðộ ãã nảy ra ý muốn tổ chức
một vụ ãánh cướp vào kinh
thành Thuận-hóa Công việc là
ðột nhập vào các cung ãiện
một cách bất ngờ, chiếm ãóng
ðộ ba ngày ãề khuôn hết vàng
bạc xuống tàu, sau ãó lấy tiền
mở một cuộc ãoanh thương
lớn ở Phi Luật Tân và ở
Trung-Hoa.

Thế là làm trở cướp biển,
hẳn có người nói vậy. Có lẽ !
Nhưng làm cướp biển cho một
lý ão tốt ãẹp (!) bởi một nửa
phần của cái ãánh ãược sẽ ãem
chia cho những người tham
gia vụ cướp, còn một nửa sẽ
ãem về cho Công ty thương
mãi của ta tại Ấn ãộ lúc này
ãang hết sức cùng quẫn về tài
chính. ãược sự cứu trợ bất
thần này, ta sẽ khôi phục ãược
nhiều việc của nước Pháp nữa.
Vậy có chúc thì phải thi hành
ngay chúc ãó, nếu không, ãành
chịu chết mà thôi, nghĩa là
tuyệt vọng... »

D'Estaing ãã nghĩ rất kỹ về

1) Chúa Nguyễn thuở ãó ãóng
ðô ở Thuận-Hóa tức Huế ngày
nay.

việc này và đã ấn định mọi chi tiết. Lally Tollendal rất tán thành âm mưu đánh cướp này hồ tháng tư 1759 và cũng xin dự vào việc chia lời.

« Tiền bạc lo liệu xong xuôi, các vai trò chỉ huy cũng cắt đặt đầu vào đấy, chỉ còn việc khởi sự thì phải đình lại vì cần đi cứu hầu tước Conrfaus đang bị giam cầm ở Mazulipatan. Sau đó d'Estaing lại bị phái về nằm ở đảo Pháp Quốc. Ông ta lại tiếp tục nghiên cứu kỹ thêm kế hoạch bao đóng kẻ trên.

D'Estaing đã đi từ hải cảng St Louis bằng chiếc chiến hạm Condé có 64 khẩu đại bác yểm hộ và chiếc Expédition nhỏ hơn hơn có 18 khẩu. Bọn đồng hành có Le Floch de la Carrière là tay chuyên môn về các bờ biển Đông Dương.

Trong khi chờ gió mùa, d'Estaing đi chiếm đánh thương điểm của Anh ở Bender-Albas ở Vịnh Ba Tư (tháng 10-1759) rồi cho tàu trực chỉ phía Đông Dương. Tại đây d'Estaing bỗng nghĩ rằng trước khi làm một cuộc phiêu lưu đầu có lợi tại

Nam-hà, cho hợp với quyền lợi quốc gia hãy lo đối với kẻ thù của nhà vua, đã (1). Rồi d'Estaing lần lượt đánh chiếm dần hết các thương điểm và đồn, ải Anh ở bờ biển phía Tây đảo Sumatra. Việc này xong, d'Estaing lại nghĩ ngay đến Nam-hà.

Nhưng rồi gió mùa lại không thuận, chiến hạm của d'Estaing bị hư hỏng, các thủy thủ phần thì bị chết, vì bị bệnh tật, phần bị chết vì chiến đấu, các võ quan thì ngắc ngoải, ngay cả d'Estaing cũng khấp khểnh đánh nuốt hận trở về hải cảng St Louis rồi về Pháp, sau đó y bị người Anh bắt làm tù binh ở ngoài khơi Lorient.

Những năm sau này, d'Estaing vẫn còn bị việc Nam-hà ám ảnh. Rồi mười năm sau, khi thảo luận kỹ sự về Á-châu (30-4-1768) y còn nhắc đi, nhắc lại một cách rất an hạp về dự định kẻ trên. Nhưng lúc này tình thế đã khác xưa, nước Pháp cần phải xây dựng một đế quốc khác... và ở một địa phương khác.

1) Bọn thực dân Pháp lúc này còn nhiều đầu óc bảo hoàng.

Lúc này d'Estaing đã cao niên, ý nghĩ đã chín chắn và mạnh dạn hơn. Trong tập ký sự về Á-châu, y nghĩ không như hồi 1759 là làm một vụ đánh cướp chớp nhoáng vào Huế nhưng lần này là mưu một công cuộc trường cửu và đứng đắn thực sự. Theo sự hướng dẫn của Pierre le Poivre thì hãy nên thiết lập một căn cứ thường xuyên tại cái đảo nhỏ nhìn thẳng vào Tourane đã. Đảo này phải được tăng cường và chiếm đóng không như trong dự định năm 1759, do một đạo quân gồm 150 người Âu-châu và 150 người da đen (Cafres) mà bằng một lực lượng 3.000 chiến sĩ để đồ bộ (quân số này còn nhiều hơn quân số đang đồn trú ở Pondichéry khi đó) và trong đầu óc của d'Estaing, đảo này vừa là căn cứ tốt đẹp để hành quân, vừa là nơi phát triển việc buôn bán và chính trị trong « Hệ thống Á-châu » với các thương điểm thứ yếu ở các hải phận trong các eo biển, các đảo có đồ gia vị thuộc Mã-Lai, Siam, Phi-Luật-Tân và Trung hoa. D'Estaing viết: căn cứ ở Trung-hoa tốt đẹp hơn cả,

triển vọng của nó cũng vĩ đại hơn hết.»

Mặc dầu Quận Công Choiseul đã sắp đặt mọi việc, dự định này cũng không có cơ hội để thực hiện và d'Estaing cũng chẳng trở lại được với sông nước biển Ấn-độ, cái mộng tưởng năm 1759 cũng như mộng tưởng 10 năm sau (1768) vẫn chỉ là mộng tưởng suông mà thôi.

Công việc trên đây đã được nghiên cứu thế nào?

Dự định bạo hành ở Nam-hà đã tính toán xong vào tháng tư năm 1759 khi sắp đem ra thi hành thì ở Pondichéry là nơi Pháp đã chiếm được tại Ấn-độ các ông de Lally và Leyrit đã ký vào bản dự định. Mọi việc chuẩn bị xong, các hội viên cũng đã đưa ra những tờ cam kết chiếc tàu *Ville de Harlem* được võ trang bằng 52 khẩu đại bác trong chuyến đi này. Ông Chevalier du Porte, sĩ quan hải quân của nhà vua và các tùy tùng điều khiển chiến hạm. Ông đại tá Chevalier de Crillon sẽ chỉ huy lực lượng trong đó có một số lính da đen được lựa chọn kỹ

càng. D'estaing là Tổng chỉ huy. Một khi thành công d'Estaing sẽ mở 1 cuộc doanh thương lớn ở Manilles (Phi-luật-Tân) sẽ bỏ ra một số tiền là 250.000 Roupies để làm vốn buôn; phần của công ty là do chỗ cho mượn tàu và quân-đội, cung cấp đạn dược và thực phẩm, tất cả sẽ trị giá 250.000 roupies, cộng lại là 500.000. quan Lỗ-lai đã được quyết định là mỗi bên một nửa. Nhưng rồi vì được tin về mối nguy ngập ở Mazulipatan mọi việc chuẩn bị này phải xóa bỏ đi hết.

B) Những nhận xét về Nam-Hà

Dân ở đây không có tinh thần chiến đấu như dân Ấn-độ thuộc bờ biển Coromandel. Họ nhút nhát như những người Mexicain xưa kia. Bốn chục thủy binh võ trang áp tải các quà biếu của Poivre làm cho bọn lính cận vệ của nhà vua sợ hãi bỏ chạy hết. Pons là người chỉ huy trung đội lính thủy này nói rằng nhà vua cũng không ưa trông thấy lưỡi lê, đòi phải hạ xuống; tiếng đại bác nổ để chào các quan khi xuống; xét hay thăm tàu cũng làm cho

các quan hoảng hốt. Một người Âu châu say rượu hay nổi giận đã làm cho một cá dân ở đây bỏ trốn.

Xứ này xưa kia thuộc Trung-quốc sau thuộc Bắc-hà, bây giờ đã độc lập rồi vì vậy không có sự che chở của đế quốc lớn trên đây. Người Tàu ở đây không được ưu đãi và bị hạn chế. Chánh quyền e ngại họ và hay gây sự phiền phức cho việc buôn bán của họ; họ phải chịu nhiều thứ thuế nặng; cách đây bốn chục năm nhiều thương thuyền của họ bị cướp phá và đốt cháy.

Vàng của Nam hà tốt hơn vàng của Trung hoa nên làm cho người Trung-hoa đồ xô đến. Chỉ nhà vua được quyền có vàng bạc mà thôi, rồi nhà vua đòi ra tiền để phát hành trong nước, như thế vua là nhà buôn duy nhất ở Vương-quốc của mình.

Xứ này giàu lắm, thuế khóa thu được dễ dàng và cái khát vọng của vua là làm sao để lại được nhiều vàng bạc cho con cháu hơn các vị tiền bối.

Vàng bạc của nhà vua thì để ở trong cung, nhưng

cái kho vàng bạc cũ thì lại ở một nơi cung điện cũ cách đó một phần tư dặm. Dầu dân chúng nghèo nhưng xứ này có nhiều mỏ. Nhìn vào cái đồng vàng bạc này mới thấy một cuộc xuất quân nếu cần lớn đến đâu cũng vẫn nên đề đánh chiếm.

Cung điện của nhà vua ở bên bờ sông. Chỉ cần nước thủy triều dâng lên là tàu bè vào được. Không có cuộc bố phòng nào ở đây. Bao quanh cung điện chỉ là một bức tường gạch cao độ ngót ba thước có bố trí một số đại bác để làm cảnh hơn là để sử dụng thực sự.

Số đại bác được tăng lên tới 400, một ít bằng gang. Các đại bác này là súng của người Bồ Đào Nha làm ra hay đã lượm được ở những vụ đắm tàu ngoài đảo *Paracels*. Giá trị của nó chắc chắn đủ bù đắp vào sự tốn phí và do đường thủy ta tải các chiến lợi phẩm đi cũng tiện.

Súng của Nam-hà không có hiệu lực chiến đấu là bao nhiêu. Ta sẽ đổ bộ vào nơi mà súng không hoạt động được.

... Lính phòng vệ cũng như các pháo binh chẳng có gì đáng ngại. Bọn này có súng

thì chỉ là những súng hỏa mai mà thôi (*súng phải đốt ngòi*) và không đông lắm, còn nếu ta đánh bất thần, họ sẽ không biết lực lượng chúng ta là bao nhiêu.

Một bản đồ về các đường biển, đường sông và lối vào cung điện đã được ông De la Carrière minh họa rất rõ ràng cho cuộc đột nhập Ông Laureut và Banal đã công nhận bản đồ này vẽ không có chỗ nào sai.

Chi tiết về các phương tiện cần thiết

Vấn đề thể thực và phương tiện để hành binh vào giang sơn của chúa Nguyễn hoàn toàn tùy thuộc các nhà cầm quyền và hoàn cảnh ở đảo Pháp Quốc. Lúc này có hai chuyến thuyền đi Trung hoa, nhưng lỡ chuyến và đang cần lấy thêm thủy thủ, những kẻ đau yếu phải được những người da đen thay thế.

Hai chiến hạm này đi từ Macao vào tháng giêng và cùng thời với chiếc chiến hạm được cử vào việc hành binh có thể tới Nam-hà khoảng 8 ngày. Hai chiếc tàu này sẽ phụ lực cho

chiếc chiến hạm kia. Xét ra thêm một chiến hạm như chiếc Coridé hay d'Argenson có vũ trang là sẽ đủ, kèm theo một chiếc tàu nhỏ như chiếc Volant vừa có thể vượt được biển khơi vừa ra vào sông Hương cho dễ dàng.

Thời tiết cũng không có ngăn trở gì, đi vào cuối tháng 7 thì rất tốt. Người ta sẽ không hồ nghi khi thấy tàu cập bến cho rằng tàu vào ăn hàng đề qua Trung quốc. Rồi dưới hai duyên cớ này ta lấy những người tình nguyện, nếu không tìm được ở đảo Pháp-quốc thì lấy ở đảo Bourbon cũng chẳng khó gì, hứa với họ là sẽ không đi Ấn-độ, rồi cho họ hồi hương sau 9 tháng là cùng, sẽ miễn quân dịch cho họ trong thời bình kèm thêm cho họ ít quyền lợi mà không tốn phí nhiều cho công ty (!) như thế có thể tuyển mộ được một số lớn. Một trăm hay 150 thủy binh của ta sắp ra khỏi nhà thương sẽ có ba hay bốn trăm (400) người Las Cars và từ hai đến 400 người Cafres (Lính Phi Châu) ta mua hay muốn được phụ lực, đó là những lực lượng đang cần đến. Việc mua hay muốn những lính đen tức là

vốn của các hội viên. Số hàng bông gòn, gỗ mun được phép mua và đem bán qua Tàu cũng đủ bù đắp cho sự tốn phí trên đây... Số sĩ quan sẽ lấy rất ít để khỏi tiêu pha nhiều, ngoài ra thuyền trưởng là bộ tham mưu cũng phải phụ trách điều khiển một phần bộ đội...

Thật rõ là một kế hoạch để đi ăn cướp tính toán rất tỉ mỉ, chu đáo. Nếu họ thi hành được kế hoạch này có lẽ sẽ thành công vì quả cuân đội của các chúa Nguyễn ở Nam-hà bấy giờ rất suy nhược. Một trăm năm sau, tình trạng Nam-hà cũng không tiến bộ hơn nên bon Rigault de Genouilly, Le Page, de la Grandière đã tha hồ tung hoành từ Đà-nẵng vào đến cửa Cần-giờ, đánh phá tàn tành thành Gia-định, không quá 24 tiếng một trăm năm sau.

Từ 1759 đến 1859 phong kiến Việt Nam triển miên trong tháp ngà rồi bại trận rồi đầu hàng, rồi làm tay sai cho Pháp, đặt ách ngoại thuộc lên vai chúng ta luôn 80 năm ròng, đây là công hay tội ???



đêm huyền diệu

● HUY-VŨ (Vĩnh - Long)

Em thấy chẳng muốn vì sao lấp lánh,
Đêm Noel, đêm huyền diệu biết là bao.
Chuông giáo đờng vang dậy tiếng thanh tao
Như kêu gọi lòng ai mau tỉnh lại.
Này Chúa bảo những người con hoang dại,
Hãy quay về với bác ái tình thương.
Đừng ham danh để nhân loại thê lương,
Đừng quên mất bài Thánh Ca của Chúa.
Ôi Noel ! Với hoa đèn giăng tủa,
Ôi Noel ! Đêm sáng của trần gian.
Cầu nguyện Kinh, vang dậy khắp nẻo đường,
Con của Chúa hôm nay đang mở hội
Hỡi ! Chúa hỡi ! Loài người nhiều tội lỗi,
Đêm sáng này phép lạ Chúa ban ra.
Cho trần gian từ Nam, Nữ, Trẻ, Già,
Thôi hết khổ, hết tham, quì lạy Chúa,
Đêm Noel ôi ! Nhạc quay cuồng nhẩy múa,
Bài Thánh-Ca. Con Chúa hát đêm nay.
Hát say sưa quên khổ tháng năm dài,
Và dưới Chúa, tình thương đang mở rộng.

Tôi vẫn còn nhớ rõ thời thơ ấu của tôi, sống với gia đình tại một vùng quê có những đồn điền rộng lớn, những thung-lũng u-trầm trũng trùng điệp-diệp bên cạnh những triền núi luôn luôn mây khói phủ ngang đầu. Tôi vẫn hình-dung rõ những buổi sáng tinh sương, tôi cùng cha tôi hoặc anh tôi đi dạo trong những khu vườn trồng đủ loại hoa màu, tôi chạy nhảy, ca hát véo von trong ánh nắng ban mai chiếu lồng lảnh trên ngàn sương buổi sớm. Tôi sống gần gũi và trưởng-thành trong thiên nhiên cho nên tâm hồn tôi cũng rất hồn-nhiên, tươi sáng. Những người thân-thuộc của tôi thường ví tôi như một con nai tơ trong một khu rừng êm mát đầy hương sắc. Tôi thì tự coi tôi như một đứa bé con thuộc một dân-tộc miền Thượng, tôi đoán chắc là tôi quê mùa, chất-phác, so sánh với con gái tỉnh thành thì tôi thua xa bởi vì tôi chưa bao giờ được tiếp xúc với ánh-sáng đô-thành mà ở đó tôi biết chắc là con người khôn-ngoa và diêm-dúa lắm. Tôi cũng được cha tôi và anh tôi cho đọc những

truyện ngắn

● PHONG-SƠN

TÌNH YÊU THƯƠNG

cuốn sách nói về đời sống của những dân tộc miền núi, những dân-tộc ở hoang-đảo phải phấn đấu với thiên-nhiên rất cam go mới có thể sống còn. Cho nên dù còn là một cô bé, tôi cũng có tâm hồn thích phiêu lưu, mạo-hiểm và vẫn dặt lòng là sẽ sống chết trên mảnh đất quê-hương này cũng

TÌNH YÊU THƯƠNG

như sẽ tạo lập sự-nghiệp trên vùng đất mà cha mẹ tôi đã cho tôi chào đời. Lẽ cố nhiên trong những thú vui của con người miền núi, tôi cũng thích thú săn bắn của những người lớn. Tôi thích săn bắn thật say mê giống như tôi đã say mê đọc tiểu-thuyết phiêu-lưu mạo-hiểm. Và cũng vì thích săn bắn cho nên trong đời tôi, tôi đã ghi khắc một kỷ-niệm thật là đau buồn và kỳ diệu. Chính cái kỷ-niệm trong một cuộc săn bắn đó đã làm nảy sinh trong tâm hồn tôi một thứ TÌNH YÊU THƯƠNG tuyệt-vời và cao cả mà tôi ví như một tin đồn đột nhiên tìm ra ánh đạo. Trước đó, tôi say mê săn bắn mà hề mỗi lần cha tôi hoặc bác tôi mang về một con vật bẽ bét cả máu còn tươi, tôi vui sướng ngắm nhìn sự chết chóc của con thú và cho rằng con người thật là anh-hùng, luôn luôn « chiến-thắng » mọi sinh vật

khác. Tôi khoái chí khi được cầm trong tay những tấm da thú, những bộ lông chim, những móng cọp, sừng nai... chứng minh cho những thành tích của con người, một sinh-vật có tri-tuệ, đã dùng sự khôn ngoan để sát hại sinh-vật khác.

oOo

Cuối mùa thu năm đó, trời đột-nhiên trở lạnh rất sớm. Tôi được bác Rô-Vanh cho đi tham-dự một cuộc săn chim tại vùng đầm lầy gần đồn điền của chúng tôi, vào những buổi sáng tinh-sương. Tôi thích-thú đi theo bác Rô-Vanh bởi vì bác vui tánh, Bác Rô-Vanh khoảng trên bốn mươi tuổi, râu ria xồm xoàm nhưng khuôn mặt bác rạng rỡ, nụ cười rất cởi mở và khả-ái. Nhà bác là một căn nhà sàn cao ráo dựng chênh-vênh bên một sườn đồi, nhìn xuống thung-lũng rộng, trong đó có một dòng sông xanh



đau nhức
và cảm cúm

CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY

360/011/DRDC

chảy ngoằn ngoèo... Những cồn cây nhỏ, lúp xúp bao quanh ngọn đồi đỏ mà thỉnh-thoảng bác Rô Vành cũng dễ-dàng kiểm được vài ba con chồn, con thỏ nhấm rượ.

Những lúc đi theo bác tôi vào tận những nơi rừng núi xa lạ, tâm hồn tôi bị quyến rũ bởi cảnh-vật thiên-nhiên. Những rung cảm đặc biệt mà tôi cảm nhận được khi thấy tạo hóa bày ra trước mắt những hình ảnh linh động và hùng vĩ, những ngàn cây xanh âm u, trùng điệp ẩn hiện dưới vùng sương mù, những đám lau sậy um tùm chạy dài mát mắt bao viền những bờ sông, vạch những đường sáng bạc trong tấm thảm xanh lục của ngàn cây, những cánh cỏ trắng vút biển, vút hiện trong khung cảnh đó tạo thành những bức họa thủy mặc làm tôi say mê. Tâm hồn thi sĩ của tôi cũng nảy sinh từ đó.

Cái vùng đầm lầy mà bác tôi sinh sống suốt những mùa thu thật là kỳ lạ. Từ đồn điền của chúng tôi phải mất ba tiếng đồng hồ băng qua những bãi sậy mênh mông và những cánh rừng thưa. Dân chài cũng qua

lại nơi đây vào mùa nắng hoặc mùa nước lũ. Những con đường được trở ra trong những bãi sậy um tùm hoặc những chiếc thuyền chài nhỏ vạch ra những luồng lau sậy nghiêng ngả, dẫn tôi vùng đầm lầy đó, gọi lên trong hồn tôi những cảm giác đẹp. Một con chim vút bay lên trong bãi sậy, một con cá quẫy mình trên mặt đầm phẳng lặng, một chú nai vàng ngơ ngác trong đám cỏ xanh non, là những hình ảnh mà tôi say mê. Tôi thích nhìn mặt nước hoang lạnh, lác đác những chòm lau sậy, rong rêu, nó là một thế giới đặc biệt của muôn thú, của con người vùng rừng núi thung lũng. Đẹp để và hùng vĩ nhất là vì vùng đầm lầy là thế giới sinh hoạt của các loài chim mà mỗi cuối thu, những đàn chim đủ giống, kéo nhau từng đàn, từ muôn phương tụ họp đến đây, yêu đương, lập tổ ấm để rồi, khi ánh nắng đã bắt đầu gay gắt, chúng lại kéo nhau ra đi, về một chân trời nào đó. Hình ảnh đi về của những đàn chim thật là sinh hoạt.

Tôi đến nhà bác tôi vào buổi

chiều để ngủ đêm tại đó. Bác Rô Vành nói cho tôi nghe về những chuẩn bị để sáng sớm có thể lên đường vào lúc ba giờ. Trong bữa cơm tối, bác tôi nói chuyện về những kinh nghiệm săn bắn trong lúc tôi nhìn lò sưởi lửa reo tí tách, mờ màng nghĩ đến những cánh chim trời dập dờn trong vùng đầm lầy mà bác tôi sẽ dẫn tôi đến... Bác tôi xoa hai bàn tay vào nhau, cười nói với tôi: «chưa có năm nào rét như năm này. Cháu sẽ thấy cái thú trời lạnh, ngồi thư hình trong những đám cỏ để săn chim...»

Đúng ba giờ sáng, bác Rô Vành thức tôi dậy. Tôi được choàng vào người một tấm áo lông cừu và mang vào chân đôi ủng cao bằng da. Tôi thích thú và tự xem mình như những thiếu nữ phiêu lưu mạo hiểm trong những sách báo ngoại quốc. Bác tôi nai nịt thật gọn gàng. Thân hình vạm vỡ của ông ta, được mang thêm chiếc áo da beo, trông thật oai vệ. Ông nốc vào hai ly rượu rum, kéo một chiếc thuốc rời nheo mắt bảo tôi: «sẵn sàng lên đường đi!» Tôi uống một cốc cà-phê

sữa nóng vừa xong thì mọi người đã đầy đủ. Ông bác tôi đem theo một người phụ việc trai trẻ cùng với hai con chó có hai cái tên khá đặc biệt: «Nhào vô» và «Đầu bò».

Vừa ra khỏi nhà, chúng tôi đã cảm thấy cái giá rét tê công. Trong đêm tối mặt đất như chết cứng vì băng tuyết. Ngàn cây như bất động trước những trận mưa tuyết, và những con chim nhỏ không lẫn tránh kịp những đám tuyết rơi dường như đã rơi xuống mặt đất và vùi cứng trong lớp tuyết non trông xinh đẹp nhưng cũng ghê rợn đó. Mặt trăng lạnh lẽo treo xiên trên bầu trời xám xịt, dường như không đủ sức soi sáng cả một vùng đồi núi rộng lớn và hoang vu. Chúng tôi đi sát bên nhau trong khi hai con chó chạy lẩn quẩn chung quanh, le lưỡi và thở ra những làn khói vì hơi lạnh. Bác Rô Vành cũng liên tiếp nhồi thuốc vào ống điếu và hút liên miên. Dù không biết hút thuốc, nhưng khi trời giá rét, nhìn màu khói ấm áp mà bác tôi phì phèo, tôi cũng thấy thêm thêm.

sau khi vượt qua hai bãi sậy

cao lút đầu và mắt gần hai tiếng đồng hồ, chúng tôi bắt đầu đặt chân lên đồi cây thưa và để đồ xuống vùng đầm lầy trước mặt. Đi quanh một đoạn đường hơi dốc, tôi đã thấy ánh sáng trắng chân trời vạch lên trên khoảng không yên tĩnh và đang trước tôi, vùng nước bạc của đầm lầy ánh lên trong bầu sương mù huyền diệu. Một cái lều bằng lá cây đã được ông bác tôi dựng lên bên bờ đầm, lẫn trong những lùm cây chẳng chịt mà tôi chắc rằng với mắt người ở trên cao nhìn xuống, cũng không thể nào nhận ra được. Tôi và bác Rô-Vanh ngồi thu hình trong túp lều lá cây đó, trong khi người phụ việc lo xem xét lại hai khẩu súng và một số đạn. Hai con chó «Nhào vô» và «Đầu bó» thì dường như biết trước công việc của mình, chúng nằm dài trên cỏ, dưỡng sức, mắt đảo đảo nhìn quanh, hơi lạnh buổi sáng, hơi lạnh của

đầm lầy cùng cơn gió heo may từ miền đầm nước bao la đó như phủ chụp lấy chúng tôi mà dù được khoác vào người những tấm áo da thú dày cộm, tôi cũng thấy như bước tận xương tủy. Tôi thấy như hai luồng phổi bị sưng nước, hơi thở khó khăn, mũi chảy nước và tôi bắt đầu ho. Bác Rô-Vanh lo ngại cho tôi và dù có tránh tiếng động, bác cũng sai người phụ việc đi kiếm những cành cây khô về nhúm cho tôi một bếp lửa nhỏ.

Chúng tôi ngồi chờ đợi bình minh lên và sự thức dậy của những đàn chim trong đầm lầy. Khi ngọn lửa vừa đủ đem lại hơi ấm cho tôi thì tôi nghe tiếng bác tôi gọi ngoài lều: «Ra đây mà xem!» Tôi chạy vội ra và sững sờ nhìn khung cảnh kỳ diệu hiện ra trước mắt. Vùng đầm lầy đang chuyển mình dưới những tia sáng đầu tiên của bình minh. Sương mù vật vờ

đang kéo nhau, bạc bạc trên những sườn núi và mặt nước im lặng đã có những nét hoạt động. Bầu trời xám và sáng dần, nổi bật những chấm đen của những đàn vịt trời đang nổi cánh nhau đáp xuống mặt đầm. Ngọn lửa của túp lều chúng tôi cũng là một vệt ánh sáng làm thức dậy một số chim chóc ẩn trú quanh vùng. Trong cảnh xôn xao nhưng thâm lặng đó, đột khởi lên một tiếng kêu lạnh lốt của loài chim mà vừa chợt nghe bác Rô-Vanh đã mỉm cười khoái chí. Hình như đó là một loài chim mà bác thích và sẽ dùng tài thiện xạ để hạ thật nhiều trong ngày hôm nay. Riêng tôi, tiếng kêu của loài chim đó nghe tha thiết và nào nùng làm sao. Dường như đó là tiếng kêu gọi đàn trong đêm tối, tiếng gọi của tình yêu, của đôi lứa trong giông bão của cuộc đời.

Bác Rô-Vanh ra lệnh: «Đập tắt ngọn lửa đi! Trời sáng rồi!» Trời đã sáng trắng. Vòm trời đã chuyển màu xanh ngọc bích lồng lộng và những hình ảnh hiện lên bầu trời đó đều trông rõ mồn một. Một chớp sáng lóe lên và tiếng nổ chói chói. Bác

Rô-Vanh vừa bắn và hai con chó vừa tung mình biến đi.

Đủ loại chim lớn nhỏ bay đến và đáp xuống vùng đầm lầy. Những tiếng súng nổ nghe rất nhỏ trong vùng rừng lớn bao la này nên những đàn chim vẫn vô tình bay vào chỗ chết chóc mà không hay biết. Tiếng súng của bác tôi cũng như người phụ việc thì nhau nổ và hai con chó thì nhau mang về những con chim bê bối máu, có nhiều con còn sống, vùng vẫy, nhìn chúng tôi bằng đôi mắt trợn trừng...

Khi mặt trời lên cao, chiếu thẳng xuống mặt đầm lầy, chúng tôi sắp sửa thu dọn ra về thì chúng tôi chợt thấy một đàn chim to lớn, đang thẳng cánh bay mau trên đầu chúng tôi. Bác Rô-Vanh tươi nét mặt, quay mũi súng theo dõi chim và bóp cò. Một con rơi ngay trên đám cỏ gần chỗ tôi đứng. Đó là một con ngỗng trời, loại chim lớn bay rất mau, thường đến những đầm lầy để xây tổ uyên ương trong những ngày đầu mùa đông. Con vật quây mình vài cái rồi nằm bất động. Máu rỉ ra trên thảm cỏ. Trong khi đó, trên bầu

Đường midol
100% Pure Midol

midol

Đi các chứng đau nhức
về cơn cảm
có bán tại các nhà thuốc

trời xanh con chim thứ hai cất một tiếng kêu thảm thiết. Tiếng kêu nào nùng, ai oán đó như nghẹn ngào, đứt quãng trong cổ họng của con chim, nó làm cho lòng tôi lần đầu tiên se thắt lại. Con chim vẫn đảo quanh trên bầu trời dường như muốn hạ thấp xuống dần dần để nhìn người yêu của nó đã chết mà tôi đang xách trong tay.

Bác Rô Vành ngồi xồm, quý gối, mũi súng vẫn hướng theo con chim còn sót lại và sẵn sàng bóp cò. Bác khẽ nói với tôi: « Con chim cái đã chết, con đực sẽ không rời bỏ đâu ». Đúng thế. Con chim vẫn đảo quanh trong bầu trời xanh, lần quần trên đầu chúng tôi. Những tiếng kêu khan nào nùng của nó càng làm lòng tôi đau xót thêm. Thình thoảng nó vụt bay cao sau một phát súng bầu trậ, người ta có cảm tưởng như nó sẽ tiếp tục cuộc hành trình đơn độc, nhưng không, nó vẫn trở lại, sà dần xuống nơi bãi cỏ có dinh máu của con chim cái. Bác Rô Vành bảo tôi: « Để con chim cái xuống chỗ cũ đi ! Con chim đực sẽ sà xuống thấp ngay ! » Mũi súng

bác Rô Vành vẫn hờm sẵn và bác tôi chờ cho con chim xuống thật thấp.

Con chim đực khổ sở đó hình như không biết sợ sệt gì nữa. Máu của người yêu đã chảy loang trên thẳm cổ, xé chết của người yêu nằm đó, nó nhất quyết phải đâm đầu xuống. Bác Rô Vành nheo mắt bóp cò. Tôi chỉ thấy con chim như một vật màu đen rơi thẳng xuống, giống như người ta treo trên một sợi giây mỏng manh bị cắt đứt. Tôi nghe tiếng sột soạt cựa quậy của con chim sau khi rơi xuống trong một bụi cây gần chỗ chúng tôi. Và con chó « Đầu bò » phóng đi tha xác nó về. Tôi sắp hai cái xác ngỗng trời vào chiếc giỏ lưới thép lớn và khi người phụ việc khiêng lên vai, tôi nhìn hai cái xác đôi chim nằm cạnh nhau như muốn truyền nốt hơi ấm còn lại cho nhau trước khi lìa đời.

Tôi ghi chú này vào tập nhật ký của tôi và sau này, đọc lại, tôi mới thấy hồi đó những giọt nước mắt tôi rơi trên trang giấy làm nhòe những hàng chữ...



VĂN-HÓA HAY
CHÍNH - TRỊ ?

ông Hồ Hữu - Tường sẽ phi lạc về đâu?

● THÁI - BẠCH

(Tiếp theo P.T. 184)



ÉT tổng quát, chúng ta thấy có ông Hồ hữu Tường trên địa hạt chánh trị, lại có ông Hồ hữu Tường trên địa hạt văn hóa. Nhưng chung quy chỉ có một ông Hồ hữu Tường, một ông Tường chánh khách đã 36 năm hoạt động và thời kỳ này chính là

thời kỳ ông đang cố gắng lợi dụng văn hóa làm căn cứ địa và mở mang căn cứ với rất nhiều đòn phép, trước hết là để né tránh cái thành kiến mà người ta thường vẫn xem ông là tay nguy hiểm của thời cuộc, nếu không cho ông là điên như các giới chánh trị Hoa - Kỳ trước đây

(Lời chính ông nói ra) nhân việc ông bàn luận với học-già Milton Sacks, hoặc đúng như lời ông đã tự đưa trên báo Phương-Đông cách đây hơn mười năm :

— «Tôi là một «văn sĩ xu thời» thành thực mà xin thú với độc giả Mùa này độc giả thích đọc sách chánh trị. Tôi chẳng xét đến tài ba chánh trị và năng khiếu hoạt động của tôi. tôi chẳng mần đến nghệ-thuật sáng tác và văn tài trình bày của tôi. xem chúng nó đã cho phép tôi cầm bút về chánh trị chưa ? Tôi chỉ biết có một điều là độc-già thích loại sách chánh trị. Rồi tôi chạy theo lòng ham muốn của phần đông. tôi nịnh hót lòng ham muốn của phần đông, tôi phụng sự cho lòng ham muốn của phần đông... Tôi viết sách về chánh trị. Rõ ràng như thế, chối làm sao được việc tôi là một văn sĩ xu thời ? »

Biết mình tay lờ nhúng chàm, tôi xin van những lương tâm tuyệt sạch giá trong chớ nên giữ giọng đạo-dức mà mắng nhiếc tôi sao đánh đi ngòi bút, đánh đi nghệ-thuật...

Hay như cái mầu tin trào phúng sau đây trong nhật báo Xây-dựng

số 521 ra ngày 30 tháng 10 năm 1965 :

«Nhà văn Leicester Hemingway (em ruột của nhà văn Ernest Hemingway) sau khi đã xuất bản quyền « Anh Ernest Hémingway của tôi » đã hốt bạc mua được hòn đảo Atlantide để thành lập nước Cộng-Hòa Atlantide do ông làm quốc trưởng.

Quốc gia này cấm đánh bạc và cho phép các công-dân danh dự được quyền ứng cử quốc trưởng.

Theo các báo Tây-phương, chương trình đầu tiên của quốc trưởng, L. Hemingway là cắt 7 biệt thự cho 7 công dân và một nhà bưu-diện. Đây là một quốc gia mới nhất, lành-mạnh nhất thế giới.

Đọc tin này, nghe đâu nhà văn Hồ-hữu-Tường cũng đang dự định bán căn các tác phẩm để mua hòn đảo Cón-son, thành lập một quốc gia «siêu-lập» gọi là quốc gia «Pa-xi-Pích» do chính ông làm quốc-trưởng kiêm bộ trưởng quốc phòng. Các ghế nội-vụ, văn hóa, kinh tế, tài chính thì giao cho các ông Nguyễn ngu-Í, Hoàng Hồ cùng bà Hồ hữu Tường chia

nhau nắm giữ và kiêm nhiệm. Còn công tác đầu tiên là sẽ lại gửi một bức thư tràng giang đại hải cho ông Hồ chí Minh mặc dù đã gửi rất nhiều trên mặt báo mà chẳng bao giờ cái người được gửi đến xia đến.

Chả biết đúng không ? Nhưng nếu thành sự thật thì đây cũng là một quốc gia hơn cả quốc gia Mỹ đấy. »

Kể ra ông Tường cũng là một chánh khách già năm hoạt động và là một nhân vật đọc nhiều nhớ kỹ. Nhưng vì chưa tiêu hóa vì lúc nào cũng ngược lên và nhìn thiên hạ với cặp mắt từ thượng tầng mây xanh nhìn xuống, nên bào về lý luận sách vở Tây, Tàu, thì không ai bằng ông mà nói về thực tế thì ông không bằng ai. Thật cũng đáng tiếc cho ông Tường, một người có eo vọng muốn trở thành vị «vua không ngai» sau bao lần đã thất bại chua cay. Ông nói nhiều viết nhiều đề «vô trang» cho các hoạt động chánh trị của riêng ông ; nhưng trước sau thay đổi lập trường như kếp hát đổi màn bởi tính toán sai chệch và sai chệch luôn mãi. thành ả không còn mấy

ai dám đặt tin tưởng vào ông nữa. Có thể nói suốt quá trình hoạt động cả về văn hóa và chánh trị của ông, chỉ còn để lại một cái thuật, ấy là cái thuật bất cứ ở đâu hể được dịp «dụng võ.» ông Tường cũng có thể «dặng đa bà cụ» lũng vào một sự quảng cáo cho mình rất khéo và rất là xôm trò, thí dụ : Trong bức thư thứ nhất gửi cho Hồ-chí-Minh, ông đã đặt một câu cho người khác hỏi vặn :

— « Trong quá khứ, anh đã ở đối phương cụ Hồ, năm 1939, anh lại rời bỏ chủ nghĩa Marx, tức là ở phía nghịch hơn nữa. Vậy làm sao cụ nghe anh cho được ? »

Rồi tự trả lời rằng :

— « Làm người lớn mà chỉ nghe tiếng chuông ca tụng mình thì kẻ ấy chỉ là một kẻ hỗn ám. Chính là đề ý nghe lời lẽ của kẻ không thờ phụng mình mới được là đức tính của người sáng suốt. Chẳng nhữnn cụ Hồ sẽ nghe tôi, mà như tôi đã nhận thấy nhiều lần có lẽ cụ sẽ quý tôi nữa. Như năm 1945, khi vừa lên cầm quyền, cụ lựa giáo sư đại học thì trong sáu vị giáo sư chánh thức tôi là một. Ngoài ra khi ở

Hà nội năm 45-46, tôi đã được nhờ làm cố vấn cho ủy ban hành chánh Bắc bộ, cho bộ giáo dục, cho bộ kinh tế và lãnh việc chỉ huy xuất bản tất cả sách vở cho ban trung học, mặc dầu tôi chẳng có chân gì trong chánh phủ hoặc trong đảng. Người ta có thể nói đó là thái độ chung của tất cả chứ không phải là ý riêng của cụ Hồ. Thì đây, tôi xin kể một cử chỉ riêng của cụ Hồ đối với tôi như sau đây: Cuối tháng tư năm 1946, trái với ý muốn của tôi, tôi phải lãnh phần đi dự Hội nghị trừ bị Đà-lạt, và trước khi lên đường cả phái đoàn phải đi một hội đồng chính phủ để nhận chỉ thị. Trong lúc hội đồng này, không biết nét mặt tôi thế nào, mà cụ Hồ đã nhận vẽ tôi bất bình. Và hội nghị tuyên bố giải tán thì tôi bươn bả ra đi, không bắt tay chào ai cả. Bởi ngồi gần cửa hơn, cụ Hồ bước ra trước, đứng chặn ngay thang lầu, chìa tay mà nói với tôi như vậy: Chú sắp ra đi sứ, mà không bắt tay tôi sao?... »

Xưa đã có thái độ quý tôi như vậy, thì bây giờ có lý nào lại không

nghe tôi, khi tôi xin nói thẳng?»

Khi nói chuyện về đề tài « Thanh niên nên giữ mãi trí thức theo tinh thần nào, » tại chùa Từ-Đàm Huế hôm 22-5-65, trước các thượng tọa, đại đức, các anh chỉ em sinh-viên, ông Tường đã hóm hỉnh vào đề :

Mấy hôm trước đây có một ít sinh viên ở Sài-gòn, nam có, nữ có trào phúng, đùa nghịch — mà thanh niên nào chẳng đùa nghịch? — họ rí tai nhau như thế này : « Ở Hà-nội đã có một « bác Hồ », ở Sài-gòn nếu có thêm một « bác Hồ », hai đầu có hai cục đá nặng trĩu thì cái đòn gánh là miền Trung chịu sao nổi? Vậy chúng mình đừng gọi Hồ-hữu-Tường bằng bác. Chứng minh gọi bằng anh đi » Tôi nhận thấy trong cái đùa nghịch của tuổi trẻ này có chứa một chân lý sâu sắc. Vậy xin phép cho tôi được mượn chân lý ấy mà mở đầu câu chuyện. Tôi đến đây không phải với thái độ của người « bác » đến ban huấn thị cho các « cháu ». Tôi đến đây với tư cách người « anh » mà tâm tình tôi với những đứa « em thân ái » của tôi là các sinh viên nam nữ ở viện Đại-học Huế. »

Quả thật là cái thuật tài tình đáng làm « bài học » cho những ông bà nào muốn tự mình đề cao mình lên, nhưng may ra chỉ một lần thôi, còn sau thì thành phản tác dụng, nhất là ở trước thời đại này, kẻ cắp du côn, lưu manh đi điếm, bất cứ giờ phút nào cũng nói được những danh từ bóng loáng của những chánh trị và cách mạng, quốc gia và quốc tế...

Do đó, nếu ông Tường giờ đây không tự xét mét, không tự phê phán cẩn thận như ông đã khuyên

anh em sinh viên Huế, đề tìm cho mình một lối thoát vững chắc, cho có một lập trường dứt khoát, rõ rệt về dân tộc thì không khéo rồi ra ông sẽ mất đất « phi-lạc », sẽ một mình tự đẩy lấy cả xe chánh trị và văn-hóa vào ngõ cụt, rồi đến cùng đường thì ôm mặt khóc như Nguyễn-Tịch xưa kia :

— « Ô hô! đường đời ngắn quá và thế gian này không ai là kẻ biết tạnh... »



● NGÔI SAO LỚN NHẤT VŨ-TRỤ

Đó là Sao Epsilon, thuộc chòm sao con Dê (La chèvre) Đường kính dài đến 4 tỷ cây số.

★ NGHỀ MỚI

Quảng cáo trong một tờ báo nọ ở Thụy-Điền :

« Các bạn vẫn ở nhà mà muốn tâm le với bạn hữu mình đang du-lịch, hãy gửi thư cho chúng tôi biết địa chỉ các bạn bè. Chúng tôi sẽ gửi tận nơi những tranh ảnh về Hà-uỵ-di và Honolulu với lời thăm viếng và tất nhiên có chữ ký hăng hoi của bạn »

Bức
thư
Paris

MÙA THU

★ Nguyễn-văn-Cổn (Paris)

BẠN thân mến,
Mấy số trước vắng bóng *Bức thư Paris* trong Phở Thông, đó một phần cũng tại tôi bận việc trong vụ tự trường, và một phần nhận trễ Phở Thông (vì một lẽ khó hiểu). Tôi cũng không biết các bài gửi về đã đăng đến bài nào đề viết tiếp. Nay nhận được thư của anh Nguyễn Vỹ, giám đốc Phở Thông, nên tôi đã có đôi phần biết được nguyên do của sự chậm trễ, và vì vậy, có chút nhàn rỗi, tôi vội cầm

bút viết thư về bạn. Nhưng dầu có viết hay không, tôi vẫn nhớ trường.

Khi tôi viết thư này về bạn, thì ở bên này đã vào cuối thu. Tôi đã có dịp trong Phở Thông nói với các bạn về Mùa Xuân và Mùa Đông ở bên Pháp, nay tôi mới qua về Mùa Thu đề bạn rõ, và trong một số khác sẽ nói về mùa Hè, ở các xứ thuộc về vùng khí hậu ôn hòa (Zone tempérée) thì bốn mùa trong năm đến rất đều đặn và sự khác nhau giữa mùa này với mùa khác rất rõ ràng

BỨC THƯ PARIS

Thu ở bên Pháp bắt đầu từ 22 Septembre cho đến 21 Décembre.

Bắt đầu từ Octobre, thì gió đã đổi hướng. Ngon gió ấm của miền nam đã dần tắt và ngon « heo may » đã đem lại mát mẻ và chút hơi lạnh. Mưa bắt đầu rải rác, và buổi sáng trên các ngọn cỏ, đã thấy long lanh những giọt sương to hơn. Vài hôm sau, trời có vẻ đứng lùc và trên các ngọn cây đã lè the những sợi sương mù. Thế rồi một hôm, nếu đề ý, ta đã thấy lá cây đổi sắc : từ màu xanh qua màu bàng bạc, rồi đến màu vàng lợt cho đến màu vàng thẫm. Lúc này là lúc cảnh sông núi, rừng đồi, vườn ruộng rất là đẹp đẻ, huy hoàng. Đôi khi sương sương trước mắt mình cả một khóm rừng như nhuộm một màu vàng tươi, dưới bầu trời xanh trong với một vài đám mây trắng nhẹ trôi.

Ngày thứ bảy, hay chủ nhật, nếu bạn không bận gì, thì cuộc dạo chơi ở ngoại ô rất thích thú, hay bạn cứ ra rừng Boulogne hay Vincennes thì phong cảnh rất ngoạn mục.

Dưới những lá cây vàng, một vài cây liễu rủ đầu, mơ mộng, và

trên mặt hồ xanh biếc, vài con bạch nga (cygne) lượn qua lượn lại, như trong truyện xưa, các thuyền rồng trắng xóa, hay thuyền « drakkar » mà dân Vikings miền Bắc đã dùng để chiếm các miền Nam.

Nhưng cảnh huy hoàng này xem ra mong manh, mãnh rẽ và tưởng như « bước đi sẽ đứt, động hồ sẽ tan » (Thế-Lữ.)

Mà thật vậy, trước ngọn kim phong, một vài chiếc lá đã bắt đầu rơi rụng :

« Nhút điệp ngô đồng lạc
Thiên hạ cộng tri thu »

(Một lá ngô đồng rụng, thiên hạ đều biết thu đến).

Với hai câu thơ ấy, Nguyễn-Du đã tả mùa thu đến bằng hai câu thơ :

« Thú quê thuần húc bén mùi
Giếng vàng đã rụng một vài lá ngô »

Thế rồi, gió may mỗi ngày thêm thổi mạnh, mưa đổ xuống càng thêm nhiều, và lá đã rụng từng loạt, khi lơ lửng khi rớt mau, và trên đường, trên bãi cỏ cả trăm ngàn xác lá ngổn ngang : « les feuilles mortes se ramassent

à la pelle, les souvenirs aussi »
(lá khô xúc từng xẻo, kỷ niệm
(cũng thế).

Văn hào Anatole France đã tả
trong cuốn *« le livre de mon
ami »* (tập bút-ký của bạn tôi)
mùa thu ở Paris khi đi qua vườn
Luxembourg trong buổi tựu
trường : *« le ciel agité de l'au-
tomne... les feuilles qui jaunis-
sent dans les arbres qui frisson-
nent »* (trời mùa thu vẩn vũ, lá bắt
đầu vàng trong khóm cây run rẩy).

...*« alors qu'il est un peu triste
et plus beau que jamais ; car,
c'est le temps où les feuilles
tombent une à une sur les blan-
ches épaules des statues »* (lúc
ấy cảnh hơi buồn, nhưng đẹp
một cách khác thường, vì là
lúc lá rụng từng chiếc một trên
vai trắng của các pho tượng).

Thế rồi áo nàng Thu mỗi ngày
một phai lợt, mưa mỗi ngày một
kéo dài và sương mù bao phủ
thêm dày, thêm đặc, và đôi khi
đóng lại trọn buổi sáng. Cảnh
tượng thêm buồn thêm nhớ, như
một sự gì trong trời đất, hay trong
lòng mình, gần tan rã. (Chẳng hạn,
như vào buổi cuối thu này, tôi ngồi

bên cửa sổ viết bức thư Paris).
Có lẽ vì thế cho nên người ta
nói buồn như mùa thu, và người
Trung-hoa đã viết chữ sâu bằng
chữ *thu* dẫu có chữ *tâm*; cũng
như nhà văn Gustave Droz đã cho
rằng những buổi hoàng hôn của
mùa thu lợt lạt như nụ cười của
bệnh nhân » (*les couchers de
soleil pâles comme le sourire
d'un malade*).

Người ta cũng nói rằng mùa
thu là mùa thi sĩ, phải chăng thi-
sĩ sống và yêu cảnh buồn của mùa
thu ? Nhưng chắc hẳn một cảnh
đẹp, một sắc thắm yếu ớt, gần
tàn lụi nào cũng làm cho người
ta xúc cảm, nhất là đối với thi sĩ
đã *« chót sinh giàu cảm lụy »*.
Còn gì cảm động hơn một tuyệt
thể giai nhân như nàng Juliette
hay Atala xuôi tay nhắm mắt,
từ già cuộc đời, mặt hoa
tê lạnh như pho tượng vệ-
nữ trong giấc ngủ nghìn thu ; và
đây là xác nàng Kiều được vớt
lên sau khi đã trầm mình ở sông
Tiên Đường.

*« Trên mũ lướt thướt áo là
Tuy đầm hơi nước chưa lòa
bóng gương »*

Mùa thu có lẽ cũng có một sắc
đẹp huy hoàng, nhưng yếu ớt,
khiến cho người ta chiều mến,
khăng khít vì ngày đẹp ấy,
người ta biết chẳng tồn tại bao
lâu.

Tôi đã đọc nhiều bài thơ thu,
và đã nghiệm thấy phần đông các
tác giả đã quá nhiều tình
cảm, cho đến đôi khi nói đến
mùa thu, chỉ vừa phát họa
vài nét, đã bị tình cảm lôi kéo,
không nói đến ngoại cảnh nữa,
mà chỉ nói đến nỗi buồn của tâm
trí. Nhưng dẫu sao, tôi cũng đã
xúc cảm khi đọc những bài thu
của Lamartine, Nguyễn-khắc-
Hiếu, Lưu-trọng-Lưu, bà Trương-
Phổ...

Nhưng tôi chợt nghĩ, có lẽ mùa
thu ở bên mình không có những
nét họa rõ rệt, những màu sắc huy
hoàng như ở bên Âu-phương. Vì
vậy tôi đã chú trọng nhìn cảnh
thu ở dưới trời Tây, nhứt là về
buổi chiều. Rồi tôi có ý định làm

bài thơ thu để gửi về Phở-Thông.
Nhưng một hôm cùng một người
bạn Việt-Nam dạo bước trong
vườn hoa Sainte Clotilde, gần Sở
làm việc. Lúc đó cây đã vàng
xuộm và lá khô rời rụng tả tơi
trên đường ướt át. Chợt anh bạn
ấy cho hay là có người em họ
vừa thiệt mạng ở chiến trường
quốc nội. Tôi bỗng thấy bùi ngùi,
cảm động, và tưởng dẫu những
lá khô rời rụng trước bước chân
tôi là những xác chết của bao
nhiều thiếu niên Việt-Nam tại các
đồng nội ở quê hương.

Thế rồi một ý buồn lắng-vàng
trong trí óc của tôi.

Cầm bút để làm bài thơ thu,
tôi chỉ thấy một cảnh chia ly, tan
rã, cảnh của kẻ khuất người còn,
cảnh của bao nhiêu năm mồ bên
sông vắng, hay giữa rừng hoang.

Tôi liền lựa đầu đề *« Chiều
Thu Chết »*.

Có lẽ những cảm nghĩ nói trên

Đừng **midol** *Đu cốc chung đầu nhức
và cảm cúm*
1360/AVT/OPUC
CƠ DÂN TẠC NHẢ THUỐC TAY

đã khiến cho tôi nhìn cảnh thu
với đôi mắt và một tấm lòng
nặng nỗi sầu thương.

Nói như thi sĩ Rabindranath
Tagore : " trái tim của tôi luôn
luôn đập theo nhịp vui mừng hay
đau thương của nhân loại » (*Know
that my heart beats in the same
rhythm to human joys and suff-*

erings). thế thì, lẽ tự nhiên, trái
tim của tôi luôn luôn đập theo nhịp
vui mừng hay đau thương của
dân tộc Việt-Nam. Vì vậy, bài
thơ « *Chiều Thu Chết* » tiếp sau
đây, chỉ là sự biểu lộ của tâm
trạng của một người con dân khi
xa xứ sở. Nếu có buồn, cũng xin
bạn nhận đọc để thấu rõ nỗi lòng
kẻ viết « *Bức thư Paris* »:

chiều thu chết

Sương lam ôm giữ hồn chiều,
Trong giờ hấp hối hắt hiu hơi tàn,
Không trung lên tiếng thở than,
Mang đầy nước mắt gió ngàn trên mi
Hòa tàn rã cánh chia ly,
Lá vàng để chết một thi non xanh,
Biết bao xác lá lia cành,
Là bao kỷ niệm tan tành chuyện yêu,
Đêm qua mưa đổ ắt nhiều,
Trên đường ướt át còn lưu dấu giày,
Rủ đầu liễu khóc đêm ngày,
Tơ duyên xưa lỗi, kiếp này còn vương,
Cây đôi bàng bạc mấy hàng,

Mặt hồ phẳng lặng mây vàng trôi qua,
Vườn hôm đầy bóng chiều tà,
Giấu bao tâm sự nếp nhà ưu tư,
Chìm im trên nhánh lá thưa,
Lời ca còn nghẹn trong giờ lâm chung,
Ao quan chưa liệm bịt bùng,
Còn tha cho phút cuối cùng nhìn nhau:
Dung nhan tê lạnh, lợt màu,
Đã yên giấc ngủ trong bầu nghìn thu,
Khói sương làn phủ hoang vu,
Cõi âm nẻo ấy mịt mù là đâu ?



Trái tim e vỡ vì sầu,
Nhớ thương mình thấy mái đầu dầm sương,
Mượn cây rải rắc tiền vàng,
Cho hồn thu được nhẹ nhàng kiếp sau
Gió mưa để lỡ dịp cầu,
Biết đâu mà gửi mối sầu phiêu linh !
Chiều nay thu chết quanh mình,
Hận lòng để khóc, lỗi tình để thương.



Trăng lên thấp ngọn đuốc tang,
Trên mồ lác-đắc lá vàng cầm canh,
Đưa hồn về cõi u minh,
Mối tình khi chết là tình thiên thu.

(Paris, ngày 25-11-1966)

Sau hết, vài người bạn khi đọc bài thơ «CHIỀU THU CHẾT» đã tỏ ý là một bài thơ quá buồn. Nhưng khi đã nhận đầu đề ấy, thì mình khai thác cho tới tận cùng, đầu phải nêu lên nhiều nỗi buồn thăm. Hơn nữa, khi đứng trước cảnh chiều cuối thu, trong khi mà cây đã trút lá gần hết, và thân cành đã trơ trọi, khi mà sương mù xuống che lấp mọi nẻo, thì

lòng mình thấy se lại trước cảnh điêu tàn, cảnh điêu tàn ở ngay quanh mình và ở nơi xa hơn nữa. Vì vậy, bài thơ « Chiều Thu Chết », nếu có nặng nỗi oán sâu thì :

« Âu đành quả kiếp nhân duyên »

và với bài thơ này, tôi gửi về quê hương biết bao nhiêu tình thương nhớ.



★ **Mấy ông lái xe hơi «ba-gù»
hết lo chết bất tử**

Một nhà sáng chế Hoa - kỳ vừa tung ra thị trường một loại chìa khóa « công - tắt » xe hơi, giúp cho các tài - xế say rượu khỏi lái ẩu, và tránh được chết bất tử. Sau khi nhậu xong, và muốn ra về, muốn tra chìa khóa vào công - tắt, phải làm một số việc cần thiết mà một người có trí óc minh mẫn có thể làm nổi. Anh chàng say khướt tất nhiên không sao tra chìa khóa vào được, đành phải đợi đến khi tỉnh rượu vậy.

Dùng

midol

360/5-1/3 PDK

trị các chứng đau nhức
và cảm cúm
CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY

lệ sầu chưa ráo

★ **THẾ-LAN** (Triều-Vân-Tử)

Ôi trống rỗng — xa rồi đôi mắt
Thương tôi thương mười năm lệ chưa tròn
Nhớ nhung nhiều — tâm tư buồn hiết mấy
Vùng trời xanh nghiêng đổ bóng hoàng hôn

Cả đêm nay vì sao buồn muốn khóc
Trắng môi tím, ngời xói mảnh trăng khuya
Tôi thấy lạnh nỗi niềm thêm cô độc
Đặt duyên thơ đêm vọng hướng âm thừa

Tôi ngủ vui trong mộng tình băng giá
Gọi tên em từng hơi thở say mơ
Cho dấy động «lời thương» không trọn vẹn
Kiếp tâm ơi — chưa nhả hết đường tơ

Tay bám vút cuối chân trời xa thăm
Đề riêng mình thăm nhắc chuyện ngày xưa
Bao kỷ niệm nâng cao vòng hoa tím
Vun mờ hoang sâu dựng bến sao thưa

Tôi lặng đếm thời gian qua tiếng lá
Qua mưa rơi qua giọt lệ cay nồng
Và xem mãi — xem cánh thư từ ra
Đề nghe lòng tan nát buổi hàn đông

Đã hẹn hò sao nay về không thấy
Em đi rồi anh biết nói chi đây
Thôi gối mộng còn đầu trắng nguyền ước
Lạnh lòng thôi tình vỡ vụn chưa cay

Cho tôi gửi những gì đang dở ấy
Chấp đôi tay nhìn Thương để xin chào
Với cơn tim máu hồng đang lịm chảy
Trọn dâng về — quên tất cả thương đau.

SAIGON

CHÂU-ĐỐC

● TÂM-TRÍ (NV)

(Tiếp theo P.T. 184)

NHẮC đến người sáng lập giáo-phái Hòa-Hảo, tác giả bài này nhớ lại năm 1945 đã ngẫu nhiên gặp ông tại Tòa Thị-Chính Sài Gòn trong trường hợp « lịch sử » như sau đây :

Tôi vừa mới ở tù Trà-Khê vào tháng Sài Gòn, được hai ông bạn Hồng Tiêu và Thanh Phong ở

báo Sài Thành của ông Bút-Trà, giới thiệu làm chủ-bút một tờ nhật báo mới mà tôi đặt tên là « **Tổ Quốc** », tòa soạn đặt trên lầu một căn nhà đường Đỗ hữu Vĩ (nay là đường Huỳnh-thúc-Kháng) (1),

Với tư cách chủ bút, tôi được cùng các đồng-nghiệp khác tham dự cuộc hội họp *Ủy ban hành chánh Nam Bộ* của mặt trận Việt-Minh, tại Tòa Thị-Xã, nay gọi là Tòa Đô-Chánh, lúc 9 giờ sáng ngày 22.9-1945.

Ủy ban ngồi một giầy dài sát bàn vách tường, gồm một số người quen trong đó tôi nhận thấy có các bạn Nguyễn văn - Sâm, Hồ -

văn-Ngà, (quốc-gia), Trần-văn-Thạch (đệ tử), Dương-bạch-Mai (đệ tam), và một số toàn người lạ mặt. Tất cả đều mặc âu phục. Ông từ ngoài hành lang bước

(1) Sản đây, xin bạn Thanh-Phong mà tôi không biết địa chỉ, vui lòng giới cho tôi xin câu đối khôi hài mà bạn đã tặng tôi sau khi báo *Tổ Quốc* ra được 6 số bị Ủy Ban Hành-Chánh Nam-Bộ đóng cửa. Câu đối rất tỷ thủ, tiếc rằng tôi bỏ trong túi áo bị lạc dấu mất trong lúc đi tản cư.

SAIGON • CHÂU-ĐỐC

vào, khoan thai tiến đến chỗ ngồi còn để trống của Chủ tịch đoàn một người đàn ông mặc áo dài đen, quần lụa trắng đi dép da, đầu không đội khăn, tóc không bết để dài xuống đến mép tai như kiểu Ng. an-Ninh. Người dong dong cao, độ 30 tuổi, gương mặt sáng suốt đẹp trai, trong tay ôm cặp da. Tôi khẽ hỏi anh bạn Nam-Quốc-Cang ngồi cạnh tôi :

— Ai đấy ?

Anh bạn tùm tùm cười :

— Huỳnh-phú-Sổ.

Trong lúc ủy ban thảo luận về sự thành lập « chính-phủ Việt-Nam Dân-chủ, cộng-hòa » ở Hà-Nội, ông Huỳnh-phú-Sổ đứng dậy nói chậm rãi :

— Các tín đồ Hòa-Hảo ở Cần-Thơ có hỏi tôi « Cộng-Hòa nghĩa là gì ? », thì tôi đã trả lời : *Cộng* là Cộng-sản, *Hòa* là Hòa-Hảo...

Toàn thể cử tọa cười rồ lên. Nhiều người vỗ tay. Ông nói rất thanh-thoát và duyên dáng, tuy chỉ là một câu khôi hài nhưng có ý vị và gây được cảm tình đặc biệt của đa số người có mặt hôm ấy.

Ông nói tiếp :

— Tôi phải trả lời như vậy, tín-đồ Hòa-Hảo mới hoan hô chính phủ Dân chủ Cộng-Hòa...

1 giờ, tạm giải tán đề ai nấy đi dùng cơm trưa. Ông Huỳnh-phú-Sổ ra hành lang, gặp anh Nam-quốc-Cang và tôi. Tôi bắt tay khen ông :

— Tôi thành thật phục lối giải nghĩa hai chữ *Cộng-Hòa* của ông lúc này. Thích thú lắm !

Ông cười bảo :

— Ở miền Lục-tỉnh, phải nói một cách bình dân như vậy họ mới hiểu.

Anh Nam-quốc-Cang giới thiệu tôi. Ông Huỳnh-phú-Sổ niềm-nở bắt tay và nói có đọc sách và báo của tôi. Tôi hỏi qua loa về Giáo phái Hòa-Hảo, ông trả lời rành-rẽ và mời tôi về Cần Thơ chơi...

Nhưng hôm sau, tôi được tin ông Huỳnh - Phú - Sổ bị Trần-văn-Giàu, Chủ-tịch Ủy-Ban Hành-Chánh Nam-Bộ ra lệnh bắt giam, nhưng ông thoát được. Đồng thời, Việt Minh đàn áp lực lượng Hòa-Hảo ở Cần-Thơ và các tỉnh miền Tây, mà Việt-Minh cho là phản động. Hai năm sau, trong lúc tản cư, tôi được Trần-quốc-Bửu (1) lúc bấy giờ ở Bộ-đội Nguyễn-giác-Ngộ, vùng Long-Xuyên, khu IX, cho tôi biết rằng

(1) Hiện là chủ tịch Tổng-Liên-Đoàn Lao-Cộng Thiên-Chùa-Giáo V.N.

ông Huỳnh-phú-Sổ đã bị Bửu-Vinh (Việt-Minh) sát hại ở Đốc-vàng, trong Đồng-Tháp-Mười. Tin ấy gây ra một phản ứng vô cùng sôi nổi trong giới kháng chiến ở trong khu cũng như ở ngoài thành. Nếu quả thật ông Huỳnh-phú-Sổ đã qui tiên thì vong-linh ông ngày nay linh thiêng trở về làng Hòa-Hảo chắc cũng vui mừng và thỏa mãn chứng kiến lòng nhiệt thành sùng bái của hai triệu tín đồ đối với ông ở khắp mấy tỉnh Tiền-giang và Hậu-giang, từ Cần-Thor lên Châu-Đốc.

Tôi được mục-kích cuộc biểu dương truy tôn ấy vô cùng huy hoàng, tráng lệ, trong dịp đại hội Kỷ niệm 27 năm thành lập giáo phái Hòa-Hảo ở tại ngay sinh quán của ông, nay được tín đồ xưng tôn *Thánh-Địa*.

Ông Lương-trọng-Tường, một nhân vật lịch thiệp, vô cùng khả ái, chủ tịch rất có uy tín của giáo hội Trung-ương Phật giáo Hòa-Hảo, có mỹ-ý mời tôi đi xem cuộc biểu diễn « Bè Thủy-Lục » trên sông Cửu-Long tối hôm đó. Tôi rất cảm động được ông niềm nở tiếp đón, nhưng tôi xin lỗi ông bạn vì sự sai hẹn của tôi

không tham gia được đêm Liên hoan trung bình hi hữu ấy, vì tôi sẽ phải qua làng Hưng-Nhơn ngay buổi chiều. Nhưng tôi cảm kích đã được chứng kiến tất cả sắc thái oai nghi, độc đáo của đại lễ, và lòng sùng bái của hàng triệu đồng bào nông thôn, tín đồ của Huỳnh Giáo-chủ. Tôi đã mếm phục người trong lúc sơ-ngộ giữa khung cảnh lịch-sử xao-dộng của ngày 22 tháng 9-1945 ở Sài-gòn, nay lại được thấy di-ảnh của người do hàng triệu tín-đồ cung-nghênh, hoặc oai nghiêm tọa ngự trên hàng ngàn khải-hoàn-môn khắp các nẻo đường Long-Xuyên, Châu-Đốc. Phải nhận là một biến cố vĩ đại trong lịch-sử tôn-giáo ở miền Nam.

Tôi lên xe lôi đi Hưng-Nhơn xa 5, 6 cây số, còn nghe rõ tiếng nữ xướng ngô viên, với giọng trầm bổng vô cùng hấp dẫn, ngâm những câu « *sấm giảng* » của « Đức Thầy » từ máy vi âm ở Thánh-địa vang ra :

« Mau thức tỉnh tu thân kéo trẻ

« Đền tội rồi mới hối muộn màng

« Chi cho bằng ta sớm lo toan

« Gìn giới-luật nghe Kinh trọng Phật

« Đến lâm chung quả lành đâu mất

« Cõi Tây-Phương chư Phật đợi chờ...

.....
Hoặc :

« Gắng công tu xem nhiều phép lạ

« Cửa Thần-tiên trừ là hung đồ

« Nào lựa là, lũng nhiều, tổ số

« Chớ ham mển mà sau lao lý

« Ngày tiêu diệt từ năm Bính-Tý

« Đến năm nay hao hốt đã nhiều.

« Các ngoại-bang đã nhuôm máu điều

« Sao trần-thế không toan chẳng liệu.

.....
v.v...

Những bài « *sấm giảng* » đại khái như thế, tôi đã được nghe suốt trong mấy ngày Đại-lễ Hòa-Hảo, khắp các nơi ở Châu-Đốc, Tân-Châu, An-Phú, Tịnh-Biên, Nhà-Bàng, Kì-Cô, Bình-Di... vắng

vắng cả trên sông, trên bộ, đến 11, 12 giờ khuya, từ các « Nhà Đốc-Giang » vang ra.

« Đền tỏ tình đoàn kết tôn giáo », theo lời Hòa-thượng Phước-An nói với tôi, trong những ngày Đại-Hội Hòa-Hảo, vài chùa Phật-giáo ở Châu-Đốc có treo phướng ngoài sân, các Thánh-Thất Cao-Đài cũng có treo cờ. Đoàn Bè Thủy-Lục của Hòa-Hảo biểu diễn trên sông Châu-Đốc, tung bùng náo nhiệt, lúc ngang qua chùa Hòa-thượng truyền lệnh cho vị Sư đánh ba hồi trống Bát nhã và đóng Đại-Hồng-Chung để chào mừng.

Tại thành phố Châu-Đốc buổi chiều hôm ấy có một đám rước vĩ đại. Mấy ngàn tín đồ gồm đủ các giới Nam, Phụ, Lão, Ấu, trưng biểu ngũ và cờ Nâu của P.G.H.H. biểu diễn khắp các đường phố lớn, chung quanh chợ. Một tiểu đội Binh-sĩ Hòa-Hảo với lính thời kèn đi trước, dẫn đầu đoàn biểu tình « Mừng ngày Đức Huỳnh Giáo-chủ khai Đạo ».

Ông Tỉnh trưởng Châu-Đốc cũng là một tín đồ Phật-Giáo Hòa-Hảo như phần nhiều các công

chức và sĩ quan của quân đội V.N.C.H. đồn trú ở đây.

Buổi tối, từ các trại binh, các đồn bót, súng đạn đủ các loại lớn nhỏ, thi nhau bắn tới tấp lên trời, y như đêm Giao thừa. Anh em binh sĩ vui mừng nổ súng thay vì nổ pháo !

1, 2 giờ khuya, dân chúng Châu-Đốc còn nghe các loại súng trường M-1, tiểu liên Thompson, Trung liên B.A.R. và cả đại bác, Mọc-chê, nổ rền trời. Đạn lửa veo veo xoẹt lên từng dục chấm

đỏ như trăm ngàn con đom đóm kết xù kể tiếp bay lên vòm trời đen ngịt.

Xa xa, vắng vắng, tiếng cò xướng ngôn viên ngâm bài sấm giảng :

« Ta là cư sĩ canh điền,

« Lo nghề cày cuốc cũng chuyên tu hành

« Xa nơi tranh đấu lợi danh.

« Giữ lòng thanh tịnh tánh lành trau tria.

Suốt đêm tôi suy nghĩ nhiều chuyện, không ngủ được.

(Kỳ sau tiếp)



□ GIÁM KHẢO LÀ MÁY ĐIỆN TỬ

Tháng vừa qua, sinh viên Kiến-trúc trường Cao-đẳng Kouibychev tại Mạc-tư-khoa, mới qua kỳ thi tốt nghiệp khá lạ lùng. Thay vì giám - khảo, người ta đã xữ dụng 15 máy điện tử. Thí sinh chỉ ngồi trước máy, và mỗi máy tự động hỏi 15 câu hỏi, thí sinh phải trả lời xong trong 3 phút. Họ đã la như bọng ! vì giám - khảo máy cay cú hơn giám - khảo bằng da bằng thịt nhiều.



● LỄ-HƯƠNG

1) Nguồn gốc

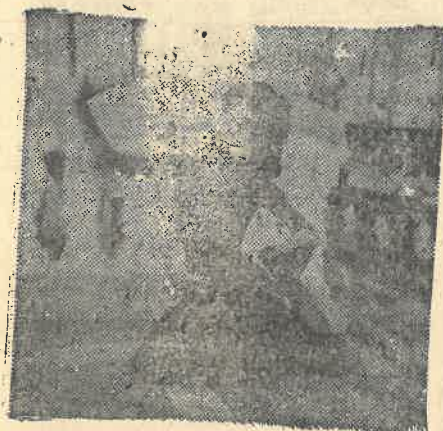
MÔN-VŨ ở Hoàng cung cũng như môn vũ bình dân ở Cao-Miên gọi là lè khon. Ở Thái lan và Java người ta gọi là la khon. Chữ lokhon và lakhon của Cao Miên và Thái Lan viết giống nhau, chỉ khác có giọng đọc, do nơi chữ laku của java mà ra. Laku có nghĩa là di, xê dịch hoặc là cử động dùng trong phạm vi trình diễn nghệ thuật mà các quốc gia Cao-Miên, Thái-Lan, Java, Miến điện, Lào đều dùng giống nhau.

Trạng thái dị đồng giữa môn vũ lòkhon của Cao

Miên với môn vũ lakhon của Thái Lan không phải chỉ ở danh từ mà thôi, người ta còn nhận thấy rất nhiều điểm tương tự trong các



Một lối vũ chào mừng quan khách



Một nữ công đang tập luyện từ nhỏ

điệu bộ và bước chân, trong cách chọn lựa từng hát, trong thành phần ban nhạc và trong cách ăn mặc. Do đây ta có thể cho rằng môn vũ của các quốc gia trên đây đều do một gốc mà ra. Bảo rằng nguồn gốc ấy là do nơi xứ Ấn Độ thì ta thấy rõ rằng những lối vũ nhái theo điệu bộ hoặc từng hát trình bày bằng lối múa, và những động tác trong môn vũ đại

đa số giống như các bài tường thuật ở quyển BHARATA nói về sự tiến hóa của nghề hát ở Ấn-độ cùng những quốc gia chịu ảnh hưởng của Ấn.

Khởi đầu từ nguồn gốc cũ kỹ ấy, trải qua thế kỷ này đến thế kỷ khác, mỗi quốc - gia thêm bớt, thay đổi những từng hát, những lối múa bằng những điệu bộ của dân tộc mình để đánh dấu bằng một sắc thái riêng biệt.

✱

Theo lời truyền khẩu trong dân chúng, môn vũ của Cao-miên phát nguyên từ đời Quốc vương Jayavarman II tên thật là Préah Kêl Méaléa, là vị quốc vương thứ nhất đã xây cất đền thờ Angkor. Nhà vua còn có tên khác là Parameçvara, theo chuyện thần thoại vốn là con của Ngọc Hoàng Indra(1) đầu thai xuống phàm trần.

(1) Indra vị Ngọc-Hoàng theo thần thoại Bà la môn.

Chuyện thần thoại chiếm một địa vị chánh thức trong lịch sử môn vũ Cao-Miên. Sự tương quan của ngày Quốc vương Préah Kêl Méaléa chào đời và cuộc xây dựng đền thờ Angkor là khúc nhạc dạo đầu của bản trường ca về ngành vũ xứ này.

Tương truyền Ngọc Hoàng Indra thấy nhà Vua và Hoàng hậu Cao Miên không có con bèn nhất định giúp cho triều đại này được vĩnh cửu. Một hôm, Ngài bay trên mây giữa lúc Hoàng hậu đi dạo ngoài thành.

Một luồng hào quang xanh (1) tỏa xuống mặt đất. Dân chúng la ầm lên :

—Hào quang rớt xuống kia ! Hào quang rớt xuống kia !

Ngọc Hoàng Indra hóa một trận mưa hoa rớt xuống

minh Hoàng hậu, khiến bà thọ thai.

Khi bà lâm bồn một Hoàng nam thì bà đặt tên Préah Kêl Méaléa, nghĩa là « Ánh sáng trở hoa » để ghi nhớ gốc tích kỳ của Thái-tử.

Trong thời kỳ ấy, một nàng tiên nữ trên trời xuống phàm du-ngọa đã bẻ sáu đóa hoa trong vườn của một người Tàu nghèo khổ. Ngọc Hoàng Indra bắt tội đây nàng phải làm vợ người Tàu ấy sáu năm.

Cuộc sum họp đem lại cho đôi vợ chồng tiên và tục một đứa con trai tên Préah Pissnkar. Từ khi còn bé, Pissnkar đã tỏ ra khéo tay, suốt ngày chỉ vẽ họa đồ và nắn tượng các loài thú vật.

(1) Các vị thần Bà la môn có hào quang màu xanh.


mido!

*Trị các chứng đau nhức
và cảm cúm*

CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY

1360/211/020C.

Sáu năm qua, nàng tiên trở về Trời. Nàng để trên gối sáu đoá hoa trước khi vĩnh biệt để chồng nàng biết ý nghĩa của mấy năm chăn gối.

Khi Pisonkar lên mười tuổi, cậu bỏ nhà đi tìm mẹ. Sau nhiều ngày vất vả, mỏi mòn vì quá mệt nhọc, quần áo rách bươm, Pisonkar gặp được mẹ. Nàng tiên nữ đưa con lên Trời trình với Ngọc hoàng Indra. Ngài cho Pisonkar học nghề xây cất và trang hoàng chung với con của các chư Thần, chư Tiên-Đoạn, Ngài ngự xuống trần đem Thái tử Préah Két Méaléa lên Thượng giới. Ngài cho Thái-tử tắm trong hồ nước phép mỗi ngày bảy lần và liên tiếp bảy ngày để Thái tử được sống thật lâu.

Vì lẽ người phạm không thể ở lâu trên tiên cảnh nên Ngọc Hoàng Indra đưa Thái tử Préah Két Méaléa và

Préah Pisonkar trở về hạ giới. Ngài ra lệnh cho Pisonkar xây cất cho Thái tử một cung điện giống như tòa lâu đài nào Thái tử chọn lựa. Thái tử không dám ước mong nhiều, chỉ chọn cái chuồng bò của Ngọc Hoàng.

Về trần gian, Pisonkar xây ngay một tòa cung điện giống in như chuồng bò trên trời.

Thái tử Préah Két Méaléa rất vui lòng, nhờ Pisonkar tiếp tục cất thêm nhiều tòa khác, chạm trổ rất đẹp. Đây là khởi thủy sự xây dựng các đền đài ở vùng Angkor.

Ít lâu sau, Ngọc Hoàng Indra xuống trần dự lễ đăng quang Thái tử Préah Két Méaléa. Ngài gia phong tước vị thứ nhì của ngài cho Thái tử và đặt tên vương quốc là Kambuja hay Cao - Miên và được giữ đến ngày nay. Ngài khuyến dụ Tân - Vương về chế độ của quốc-gia và trao

thanh gươm thiêng, truyền Tân-Vương phải thành lập nền quân-chủ của vương-quốc Cao - Miên trên nhiều lãnh thổ và mở rộng uy thế khắp nơi.

Chính nhờ sự giảng phạm của Ngọc Hoàng Indra mà các nàng tiên nữ Apsara yêu kiều của Thượng-giới có dịp truyền dạy cho dân Cao-Miên những bí quyết về môn vũ.

△

Nguồn gốc môn vũ Cao-Miên theo chuyện thần thoại có vẻ huyền bí, mơ hồ nhưng căn cứ vào những di tích tìm được trên vách đá các đền đài ở Angkor thì đúng hơn.

Triều đại Tiên vương Jayavarman ở vào năm 802 đến năm 869 dương-lịch thì môn vũ đã có từ 11 thế kỷ rồi.

Nếu như lúc bắt đầu những động tác không giống

lối trình diễn ngày nay thì ta có thể xác nhận tánh chất chung của môn vũ đã được ấn định từ thế kỷ thứ 9. Theo những hình chạm trên vách đá đền Bayon, ta thấy những tư thế và điệu bộ mà các vũ nữ hiện thời lập lại in như khuôn.

Tư thế thường trình diễn nhất là tư thế « dâng hoa » hai chân vũ nữ xếp lại hơi dang xa nhau, một chân có khi nhón cao khỏi mặt đất và tự nhiên trạng thái bề cong được trình bày mạnh mẽ rõ ràng hơn; một tay để dài theo bắp vế, một tay gấp lại, bàn tay cầm một cành hoa sen hay một vòng hoa, ngón cái và ngón trỏ dính nhau, ba ngón kia rời ra và cong lên.

Một điệu bộ khác cũng thường trình diễn nhất là điệu dâng ván, bay trên mây nhai rất đúng như thật là một hình ảnh đặc biệt và rất

duyên dáng của môn vũ Cao Miên.

Những hình chạm trên vách đá đền Bayon cũng như ở các ngôi đền khác trong vùng Angkor không có ghi lại đầy đủ những cử động của môn vũ. Những điệu bộ do các nhà điêu khắc đề lại được giảm bớt rất nhiều, nhưng nhận xét qua những màn vũ ngày nay và so sánh với các hình đá ta có thể kết luận rằng có một điểm bất di bất dịch trong sự tôn trọng những qui cũ từ lúc khởi đầu.

Ngày nay, các vũ nữ vẫn đeo đồ trang sức y như các hình chạm thời trước, có điều đặc biệt nhất là cổ nhân đề mình trần, chỉ che thân bằng một mảnh khăn như cái váy ngắn. Đó không phải là do ý muốn của nhà điêu khắc vì

lễ môn vũ được khai nguyên hồi xưa do những vũ nữ khỏa thân. Rồi từ sự sửa đổi này đến sự sửa đổi khác, người ta lần lần thêm những mảnh vải che mình tùy theo vai tuồng của từng vũ nữ.

Ở đền Bayon có một phần hình chạm nổi trình bày vài cảnh sống của một vũ nữ: tắm, chải đầu, trang điểm, đấm bóp, tập tành. Những hình này cho ta biết các vũ nữ thiêng (1) thời trước cũng như các vũ nữ hiện thời ở Hoàng Cung Quốc Vương Cao Miên có một đời sống xa cách thế nhân, và thường thường rất trong sạch. Tục lệ ấy được giữ gìn từ

(1) Người Miên thời xưa gọi những vũ nữ của nhà vua là « vũ nữ thiêng » (danseuse sacrée) vì họ nhái theo các nàng tiên nữ Apsara trên Thượng giới. Tục lệ ấy đến nay vẫn còn.



midol

1360/BX.T/ĐABC

trị các chứng đau nhức
vả cảm cúm
CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY

ngày khởi thủy trên phương diện thi hành kỷ luật cho nếp sống thanh khiết của các vũ nữ cũng như sự thực hành các môn vũ.

Người Thái-lan đã luyện môn vũ đến một trình độ cao nhất, có nói rằng người Miên giữ tục lệ rất kỹ lưỡng.

Vào thế kỷ thứ 16, vương quốc Cao miên gặp cảnh suy vi, môn vũ bị bỏ rơi mãi đến thế kỷ thứ 17 mới bắt đầu khởi sắc. Người Miên lại dùng lối vũ của người Thái lan đã học của mình từ trước, đồng thời phiên dịch những lời ca, điệu hát đậm theo võ tuồng.

Tuy nhiên ở triều đại nào vị Quốc Vương cũng cho lập một ban vũ công và vũ nữ riêng cho Hoàng Cung. Ngoài ra, các tín đồ của vài ngôi chùa có giữ bản văn truyện thần thoại Ramayana (1), có tổ chức những ban vũ trong nhóm học trò để tiêu khiển. Các vị Sãi không dính dáng vào việc này vì luật nhà chùa cấm các vị dự những trò du hý.

(còn tiếp)

(1) Ramayana là bộ truyện thần thoại Bà-la-môn, cũng giống truyện « Phong-thần » của người Tà.



□ Tuyên truyền thế này thì số «dách»

Nếu bạn du-lich sang Anh-quốc, cứ ghé bất kỳ một trạm điện-thoại công-cộng nào và quay số A - F - K 93 - 11 thì từ đầu dây sẽ trả lời cho bạn bất luận bằng thứ tiếng gì, tùy bạn, những lời chỉ dẫn giúp bạn viếng thăm Luân-đôn hay toàn cõi nước Anh.

Bạn khỏi cần phải thuê người dẫn lộ hay mua các thứ sách của sở Du-lich.



KỊCH VUI VÔ-TUYẾN

Buổi học của các Cha NÔ-EN

★ TỪ TRẦM - LỆ

CẢNH I

S

A U ba tiếng gõ : cộp cộp cộp, màn kéo lên, bày cảnh một gian phòng ngủ. Trên hai cái giường nhỏ, hai cô bé sanh đôi là Sóng và Sanh đang nằm im, mắt nhắm lại. Giữa hai cái giường là một cái lò sưởi to, và trước lò sưởi có hai đôi giày trống không của hai cô bé).

Tiếng người kể chuyện :

Đêm nay là đêm 24 tháng chạp dương-lịch. Hai cô bé Song và Sanh đang nằm ngủ trên giường trong phòng của các cô. Nhưng thật ra thì hai cô đâu có ngủ, hai cô chỉ nằm giả đồ nhắm mắt lại như ngủ đó thôi, vì hai cô đã tính rình xem cái ông già râu dài trắng xồm, đầu đội mũ nhọn, lưng quàng cái dây đựng đầy ăm-ấp đồ chơi, trong chốc lát đây sẽ xuất hiện, cái ông già mặc chiếc áo thụng đồ chói mà mỗi năm chỉ xuất hiện có một lần vào đúng 12 giờ của đêm 24 tháng chạp. Đây rồi, từ phòng khách, tiếng đồng hồ thong thả buông từng âm thanh

KỊCH VUI VÔ TUYẾN

trong treo : beng, beng, beng, beng, beng, beng, beng, beng, beng, beng, beng, beng.

Cô bé Song (vụt mở choàng mắt ra và ngồi lên trên giường).

Cô bé Sanh (cũng ngồi dậy) : Đúng 12 giờ rồi. Chắc là ông ấy !

Tiếng người kể chuyện : Quả thật vậy, người ta thấy trước hết hiện ra trong lò sưởi đôi ủng cao của Cha Noel từ trong ống khói lò sưởi thò xuống, kế đó là cái áo choàng rộng của ông, bộ râu dài của ông, cái mặt của ông, cái mũ của ông. Và Cha Noel vừa đặt chân lên sàn nhà.

Cô bé Sanh : (với giọng hơi run) : Ông là cha Noel đó phải không ?

Cô bé Song (nói với cô em) : Chớ eòn ai nữa, em. Em không thấy bây giờ là 12 giờ đêm, đó là giờ của ông ấy, chớ đâu có phải là giờ của người thợ sửa ống khói được mà em khéo hỏi !

Cha Nô-en ; Xin lỗi hai cháu nhé. Thật ông không khéo khiến gây nên tiếng động làm hai cháu đang ngủ ngon phải thức dậy.

Cô bé Song : Thưa ông, không, hai cháu có ngủ đâu. Hai cháu đã bàn tính với nhau rồi, và nhắm mắt lại giả đồ ngủ đó chớ, để rình xem ông có thật đến hay không đó.

Cô bé Sanh : Ở trường cháu, có chị Mạnh rất xấu miệng, từ mấy tuần nay, lúc nào chỉ cũng lập đi lập lại : « Cha Nô-en không có đâu ».

Cha Nô-en : Hai cháu cũng thấy rằng có đó chớ phải không. Cha Nô-en có chớ và cũng chính là ông đây.

Cô bé Song : Ông ơi, cháu thấy sao dị kỳ quá. Cháu thấy như là cháu có biết mặt ông rồi, cháu đã có gặp ông ở đâu rồi.

Cha Nô-en : Cháu nói gì, ông không hiểu được, cháu nói rõ ràng ông nghe xem.

Cô bé Song : Đúng rồi, cháu nhớ ra rồi. Ông giống như

cái hình treo trên tường ở nhà cháu ấy, ông gọi cái hình của ông nội cho chúng cháu đó.

Cô bé Sanh : Ông cố Râu của chúng cháu đó ông à. Mẹ cháu có nói là ông cố chúng cháu hồi trước làm thầy giáo ở trường đây.

Cha Nô-en : Chứa ôi ! Vậy là hai cháu đã nhận ra ông rồi .. Chính ông đây !

Cô bé Song : Vậy thì ông không phải là Cha Nô-en sao ?

Cha Nô-en : Chứa ôi ! Chứa ôi ! Không biết rồi đây Chúa sẽ nghĩ sao về sự tiết lộ này ?... Thôi được, ne hai cháu à, để ông nói sự thật cho hai cháu biết nhé. Đây là cái đại bí mật của các Cha Nô En đấy. Nay nhé, không phải chỉ có một Cha Nô En độc nhất đâu, cũng không phải chỉ có mười Cha Nô En mà cũng không phải chỉ có một trăm Cha Nô En đâu... Nói thật với hai cháu, chúng ông đây có đến hàng vạn, hàng vạn Cha Nô En lận.

Cô bé Song : Hàng vạn Cha Nô En ?

Cha Nô En : Để ông cất nghĩa cho mấy cháu hiểu đây nè : Đêm 24 tháng chạp dương lịch. Chúa trời, vốn luôn luôn có những ý kiến hay ho tốt đẹp. Chúa trời mới hội quanh Người tất cả các ông cố của trẻ con. Các ông cố này đều đã chết hết rồi từ hơn một trăm năm lận, và Chúa Trời bảo họ : « Ta nghĩ rằng chắc các con sẽ vui thích lắm nếu được làm một vòng nhỏ trong vài tiếng đồng hồ ở trái đất thăm lại gia đình của các con, thấy lại nhà cửa các con, nhẹ nhàng hôn các con các cháu và các chít của các con trong lúc chúng ngủ, nhất là các chít của các con mà các con chưa bế mặt ?

Và Chúa trời nói thêm rằng : « Ta phong cho các con làm Cha Nô En một hôm.. Các con sẽ hạ xuống vào nhà các con đo ngã ống khói. Các con hãy bỏ đồ chơi vào những chiếc giày và các con hãy nhẹ nhàng, kín đáo làm một cuộc thăm viếng đẹp

đẹp giữa những kẻ yêu thương các con ». Đấy, hai cháu à, thật đúng như lời hát :

Đối với tất cả các ông cố ở trên trời

Đó là cái phép nghĩ Nô En

(Cha Nô-En bước đến giường hai cô bé)

Chà ! hai cháu xinh quá, cả hai đều xinh hết. Ông rất vui về được biết hai cháu.. Bé song đây phải hôn ? Còn đây đúng là bé sanh rồi. Hai cháu trông dễ thương quá.

... Hai cháu hãy luôn cho ngoan nhé. Giờ thì hai cháu hãy nằm xuống đi, được rồi, nhắm mắt lại đi. Hai cháu ngủ đi, để ông còn đánh một vòng trong nhà thăm lại ba má các cháu.

Tiếng người kể chuyện : Cha Nô-En bước ra khỏi phòng. Ánh sáng trên sân khấu tắt đi để dọn cảnh tiếp.

CẢNH II

(Cảnh phòng khách và Cha Nô En đang đứng một mình giữa phòng, tay mặt cầm một tờ nhật báo).

Cha Nô En : Mình cũng nên nhân cuộc du ngoạn nhỏ này xem coi báo chí bây giờ nói những gì để theo kịp thời đại chút chơi. A, cái gì vậy nè ? Chủ tịch U. B. L. Đ. Q. G. ? Cái gì mà kỳ vậy. Còn đây nữa Q.H.L.H. đó là cái gì vậy kia. Nữa, nữa còn nữa, nhiều quá vậy.

H. Đ. N. C.

U. H. Q. T. K. S. Đ. C.

L. H. Q.

Q. G. N. H.

V. T. X.

V. H. Đ.

Thôi thôi quá rồi, mình không hiểu được gì hết. Đây không còn là tờ báo nữa, là một bản chữ cái. Và mình như là mới 4 tuổi, và mình phải bắt đầu tập đọc lại. Thôi, mình trở lại đánh thức hai cháu bé dậy nhớ chúng cất nghĩa xem là cái gì mà bí hiểm quá vậy.

(Ánh sáng trên sân khấu tắt đi và người ta nghe tiếng người kể chuyện trong lúc dọn cảnh tiếp)

Tiếng người kể chuyện : Cha Nô-En trở lại phòng của hai cô song và Sanh. Ông đánh thức hai cô bé dậy và nhờ hai cô bé dạy ông một « bài học » ở thời 1966 ». Ánh sáng bừng lên bày ra...

CẢNH III

Tiếng người kể chuyện : Đây là quang cảnh một lớp học mà một trăm năm về trước ông cố Râu (hiện là Cha Nô-En) dạy cho đám học trò của mình tập đọc. Nhưng bây giờ, lần này thì chính các ông cố ngồi ở bàn học trò và cô giáo là cô bé song đang chỉ dạy trên tấm bảng đen.

Cô bé Song : Các ông đã hiểu rõ hết rồi phải không ? Được rồi. Vậy tất cả hãy lập lại theo tôi. V. T. X là Việt Tấn Xã.

Tất cả các Cha Nô En : (Cùng đọc giọng lên xuống như hát, giống đám học học trò nhỏ) : V. T. X là Việt Tấn Xã.

Cô bé Song : Q. G. N. H. là Quốc Gia Ngân Hàng.

Tất cả các Cha Nô En (cùng giọng như trên) : Q. G. N. H. là Quốc Gia Ngân Hàng.

Cô bé Song : Tốt lắm (đưa tay chỉ một Cha Nô En.) Xin mời Cha Nô En ngồi ở đầu bàn hàng nhì đó, vàng, đúng rồi. Xin mời cha đáp cho câu hỏi này... S. H. X. là gì ?

(Cha Nô En bị gọi đứng lên)

Cha Nô En bị gọi : S. H. X. là xe lửa

Cô bé Song : Cũng được đi, nhưng nên nhớ để nói cho đúng S. H. X. là Sở Hỏa Xa. Mời cha trả lời một câu nữa B. Q. H. C. là gì ?

Dũng midol

1360/57X/GRDC.

trị các chứng đau nhức
và cảm cúm
CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC

Cha Nô En bị gọi : B. Q. H. C. là là... Brigitte Bardot.

Cô bé Song : Cui Chừng Cha đáp sai bét đó B. Q. H. C. là Bảo Quốc Huân Chương. Còn Brigitte Bardot thì B. B. Thôi, Cha ngồi xuống đi và rán học cho kỹ (gõ thước xuống mặt bàn). Bây giờ tất cả hãy đọc theo tôi.

Tất cả V. T. T. H. là vô tuyến truyền hình.

V. H. Đ là Viện Hóa Đạo.

L. H. Q. là Liên Hiệp Quốc.

U. H. Q. T. K. S. Đ. C. là Ủy Hội Quốc Tế Kiểm soát Đình Chiến.

H. Đ. N. C. là Hội Đồng Nội Các.

U. B. L. Đ. Q. G. là Ủy ban Lãnh Đạo Quốc Gia.

Q. H. L. H. là Quốc Hội Lập Hiến.

Cha Nô En hồi đầu hết : Hồi thời mình B với A là BA, thật dễ dàng biết bao nhiêu.

Cô bé Song : Và bây giờ thì tất cả hãy cho ngoan nhé. Tất cả hãy nghe cho kỹ câu tôi sắp nói đây, rồi lập lại, cho đầy đủ và cắt nghĩa ra coi, nói gi.

(gõ thước lên mặt bàn). Lắng nghe cho kỹ, tôi bắt đầu nói đây : Năm tên găng tơ ăn vận đồ cao bồi đi trên một chiếc đờ xăng troa và một chiếc vết bà đột nhập vào một hiệu buôn cá voi, cuộc ăn hàng diễn ra chớp nhoáng và chúng buồm đi êm rơ, âm theo của tài gia lối hai mươi ghim.

(Ở các hàng bàn học trò, tiếng các Cha Nô-En nổi lên lao xao hỏi nhau) :

— Găng tơ là cái gì hả ?

— Còn cao bồi, cao bồi là cái giống gì mà tên nghe lạ lùng vậy ?

— Cao là cao, cao thấp đó, còn bồi thì hồi thuở tôi có nghe có bồi bếp, vậy cao bồi chắc là anh bồi này cao lắm.

— Cắt nghĩa dùm cái chiếc đờ xăng troa và chiếc vết bà coi !

— Cha, tôi không hiểu nổi, nhức đầu lắm rồi đây.

— Còn buồm đây là sao, không thấy nói ghe có gì hết mà sao lại có buồm ?

— Ghim là gì vậy hả ?

(Có tiếng thước đập trên bàn cô giáo)

Cô bé Song : Im. (Đưa tay chỉ một Cha Nô Ên) Cha lập lậ câu tôi vừa nói xem. Và hãy cắt nghĩa thử coi.

(Cha Nô Ên bị gọi đứng lên, lăm lét nhìn qua lại rồi đột nhiên bay thoát rất nhanh lên trần nhà biến mất).

Cô bé Song : Ơ, ơ, coi kia, ông chạy đi đâu vậy ? Thôi được ông đó không ngoan rồi, ông không chịu học, chỉ lo trốn đi chơi (đưa tay chỉ một Cha Nô Ên khác) Mời cha lập lại theo tôi coi : nắm tên găng-tơ..

(Cha Nô Ên thứ nhì bị gọi đứng lên rồi cũng bay tuốt biến mất)

Cô bé Song : Ơ kia, ông này lại cũng đi đâu nữa vậy ?

Cha Nô Ên hồi đầu hết (đứng lên ở hàng đầu) : Mấy bé gái thân yêu và ngoan ngoãn của ông ơi, để ông cắt nghĩa cho cháu hiểu.. Tất cả những chuyện gì của thời đại của chúng ta đây đều quá rắc rối, đều làm nhức óc bọn ông. Nên ai cũng đều muốn trở về C. T. hơn.

Cô bé Song. Về với C. T. ? Là gì vậy ?

Cha Nô Ên hồi đầu hết. Phải đó, cháu. bé thân yêu của ông đúng như lời cháu nói, về với C. T. Tất cả đều quay về với C. T. C. T. là Chúa Trời đó, cháu !

(Và tất cả Cha Nô Ên còn lại đều đồng loạt bay bổng lên trời, bỏ lại cô bé Song đứng ngơ ngác nhìn theo, trong lúc ánh sáng trên sân khấu từ từ mờ dần rồi tắt hẳn).

(Phỏng theo « La revue des Jumeaux »

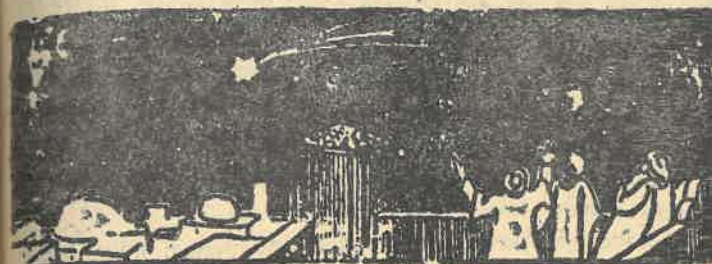
của Jean Nohain)

★ TỪ - TRÂM - LÊ

Đừng midol

Đi các chúng em như
và cùng em

CÓ BAN QU CÁCH NHÀ TRƯỞNG



NGÔI SAO LẠ

★ THANH-VIỆT-THANH

NHỮNG ngôi sao ở trên trời xanh bao la. ban ngày biến mất vì ánh sáng mặt trời. Nhưng đêm đến, lại hiện ra lấp lánh như những hạt kim cương trong màn nhung êm.

Những ngôi sao ấy được sung sướng chiếu sáng khắp nơi, là nhờ

đặc ân của Thiên-Chúa. Chúng biết đoàn kết, cảm thông nhau và thích chạy đua trong không gian vô cùng tận. Từ làn mức bắt đầu, mỗi ngôi sao đều cố vượt thật nhanh để được về nhất... Người thế gian nhìn hiện tượng ấy, bảo đó là sao xẹt.

Giáng sinh đã đến. Tuyết trắng phủ khắp nơi. Thiên chúa ngự trên trời, cố tìm một sứ giả để báo tin cho nhân loại biết rằng chúa Hài-Đồng Giê-Su sắp ra đời. Ngài băn khoăn chưa biết chọn lựa ai. Một thiên thần chẳng? Không được, ngài đã sai khiến nó quá nhiều rồi! Mặt trăng ư? Không thể được, mọi vật sẽ chết lạnh vì nó! Mặt trời ư? Lại càng không được nổi, thế gian sẽ chết cháy vì nóng!

Sau cùng, Thiên chúa bèn quyết định chọn một ngôi sao. Ngài dạy truyền với Thánh Michel, vị Thánh thượng đẳng, đến cho ngài dạy việc. Thánh Michel mặc áo vàng bay đến, cúi đầu cung kính:

— Muôn Tâu Thiên-Chúa, ngài gọi con.

— Người hãy lập tức tập hợp tất cả những ngôi sao lại đây để ta chọn một, phong làm sứ giả báo tin chúa Giê-Su, con yêu quý của ta, xuống thế.

— Thưa vâng.

Tức thì các thiên thần bay đi khắp nơi thổi kèn truyền rao:

«Hỡi những ngôi sao, hãy đến triều kiến Thiên-Chúa để ngài lựa chọn một thiên sứ».

Xẹt... xẹt... xẹt... Các ngôi sao từ bốn phương trời bay đến liền ngay sau đó, biến thành những vì sao to lớn, đầu tóc bạc phơ, phoi phới. Tất cả đều to ầu, chờ đợi.

Thiên-Chúa ngự triều. Quanh Ngài có các đấng tiên tri Mai-Sen, Elia, Elisée, Jérémie.

Thiên chúa và các đấng tiên tri nhìn ngắm rất lâu trước mỗi ngôi sao: ngôi sao này to béo quá, ngôi sao kia vàng vọt xanh xao tẻ, ngôi sao nọ chiếu ánh sáng yếu ớt quá.

Thiên-Chúa buồn bực không vui.

Bỗng tiên tri Mai-Sen khẽ tâu:

— Muôn tâu Thiên-Chúa, xin ngài hãy trông đàng cuối hàng kia, có một ngôi sao dường như rất đẹp. Nó có ánh chiếu trong xanh và êm dịu đẹp tuyệt vời, vượt hẳn những ngôi sao chung quanh.

Thiên chúa tiến lại gần ngôi sao ấy. Ngài ngắm nhìn rất lâu rồi khẽ bảo Tiên tri Mai-Sen:

— Người có lý. Ngôi sao này sẽ chu toàn được sứ mạng. Ta chọn!

Sau lời tuyên bố của Thiên-chúa, tiếng kèn vàng bỗng vang lên rộn rập và thoát chốc, những ngôi sao đều bay trở về vị trí cũ trên đỉnh trời, ngoại trừ vị sứ giả vừa được chọn.

— Hỡi ngôi sao kia, Thiên-chúa khẽ phán, người hãy đến chiếu sáng phương Đông, trên lãnh thổ của những nhà giáo sĩ, họ đang chờ đợi tin tạ trong sự nguyện cầu tha thiết và trong sự hâm mộ nhiệt thành của họ. Người hãy dùng ánh sáng soi đường, dẫn dắt họ đến Bê-Lem.

— Thưa vâng!

Xẹt... xẹt... xẹt. Ngôi sao sứ giả vươn mình lướt đi, rời khỏi thiên đàng.

o°o

Trong bầu đêm ngào ngạt, các giáo sĩ ngược nhìn lên trời cao như trông chờ một ngôi sao lạ nào đó đến báo tin mừng cho họ, đúng theo điềm mộng mà Thiên-chúa đã ứng trước từ mấy hôm qua.

Nhưng đêm nay, lại cũng vẫn

những ngôi sao tầm thường như mọi đêm. Họ thất vọng.

Thình lình một người trong hàng giáo sĩ, tên Balthazar, khẽ thốt lên reo mừng:

— Kia hãy trông! Một ngôi sao lạ!

— Ô! Ngôi sao đẹp quá! Chiếu sáng quá!

—Ừ, ngôi sao chạy nhanh ghê! Hình như nó đang tiến về phía chúng ta!

Và, ngay vào lúc đó, ngôi sao bỗng dừng lại, lơ lửng trên không trung thành phố, như có dáng chờ đợi.

Trước hiện tượng siêu phàm đó, cả ba nhà giáo sĩ Balthazar, Gaspard và Melchior cùng quỳ xuống. Và qua một giây, giáo sĩ Melchior, bỗng vùng đứng dậy, khẽ bảo hai người bạn:

— Đây là dấu hiệu của Thiên chúa báo cho chúng ta biết Hài-Đồng Giê-Su, chúa Cứu Thế ra đời. Chúng ta hãy cầu nguyện đi các bạn ạ! Ngày mai, ngôi sao này sẽ đưa đường chúng ta đến nơi chúa Cứu Thế giáng sinh.

Thế rồi, ngày hôm sau các nhà giáo sĩ thu xếp hành trang, chuẩn

bị lên đường. Họ mang theo nhiều quần áo và đủ thứ vật dụng cần thiết, quý giá, dành dâng tặng cho chúa Hài-Đồng, đáng thiêng liêng sẽ chịu cực hình thay nhân loại.

Đêm đến, ngôi sao sứ giả hiện ra dẫn đường cho họ. Ông Gas-pard cỡi voi, ông Melchior cỡi lạc đà và ông Balthazar thì cỡi ngựa. Cả ba đều theo hướng ngôi sao thiên sứ mà đi.

Ngày đi đêm nghỉ.

Nhiều tuần lễ trôi qua.

Cuối cùng, họ đến được xứ Giê-ru-sa-lem và vào yết kiến vua Hê-Rốt để hỏi thăm nơi chúa Hài-Đồng vừa sinh ra. Nhưng vua Hê-Rốt mù tịt, ngạc nhiên, không biết gì cả! Ông ta cho gọi các mục sư trong thành đến cất vấn. Họ đáp:

— Những nhà tiên tri đã đoán rằng chúa Hài-Đồng sẽ giáng sinh ở Bê-lem, trong một thị trấn nhỏ.

— Vậy thì chúng ta hãy mau đến đấy! Ba nhà giáo sĩ sẽ bảo nhau.

Vua Hê-Rốt ngăn lại, dặn rằng:

— Đến đấy xong, các người hãy trở lại đây tường trình cho ta biết sự việc xảy ra như thế nào nhé!

Ba giáo sĩ cúi đầu tuân lệnh một cách miễn cưỡng rồi vội vã ra đi, mỗi người sẵn sàng quỳ tặng trong tay.

Dân làng trông thấy họ đi qua đều lấy làm lạ, khẽ đưa mắt nhìn theo trăm tròng.

Và, ngay buổi chiều hôm đó, nhờ sự hướng dẫn của ngôi sao sứ giả, họ đến được đúng nơi Chúa Hài-Đồng Giê-Su ra đời, trong một hang đá, ở Bê-lem. Họ quỳ xuống, tôn kính chúa và dâng quà tặng qua tay bà Maria cùng ông Giu-Se.

Bấy giờ, nhiệm vụ đã hoàn tất, ngôi sao sứ giả liền rời Bê-lem trở về thượng giới, vào phục mệnh Thiên-chúa, rồi ra vị trí cũ, sum vầy cùng đồng bạn.

Nhưng, kể từ đó, ngôi sao trở nên kiêu hãnh, tự phụ vì đã được lòng tin của Thiên chúa. Nó luôn khoát lác, khoe khoang, tự cao tự đại cùng đồng bạn. Nó nói dối là dân chúng ở thế gian rất sùng mộ, yêu vì nó và đã tạc tượng, lộng hình nó trên những

cành cây Nô-Ên mỗi khi mùa giáng sinh đến. Nó tự nhận nó là « Bà Hoàng » của tất cả những ngôi sao trên trời.

Thiên chúa được báo cáo, lấy làm giận vì tính ngài không ưa khoát lác và rất ghét tự kiêu, bèn truyền cho Thánh Michel vời ngôi sao sứ giả ấy đến. Ngài phán rằng:

— Ta đã nghe nói đến sự khoát lác và kiêu hãnh của nhà người. Có phải nhà người là một ngôi sao sáng nhất và quan trọng nhất hiện nay chăng?

Ngôi sao sứ giả trả lời ngài một cách tự đại:

— Thưa Thiên-chúa, quả đúng như thế đấy ạ!

Thiên chúa khẽ mỉm cười, hỏi tiếp:

— Người có tự nhận là người « Bà Hoàng » của các ngôi sao và tự cho người là quan trọng nhất, sáng chói nhất, xem thường bầu trời của ta là nhỏ hẹp đối với sự sáng chói của người chăng?

— Bẩm vâng!

— Ừ, thế thì bây giờ ta phải người đến một nơi to rộng khác

để người trở thành một ngôi sao chúa tề nhé!

— Tàu Thiên-Chúa, nơi đó là đâu ạ?

— Dưới đáy biển ấy!

Ngôi sao sứ giả tái mặt, nhưng chưa kịp van xin lời gì, đã thấy Thiên Chúa khẽ trở tay vào khoảng không, tuyên bố áp dụng hình phạt.

Tức thì, ngôi sao « sứ giả », bỗng lao đảo, sa ngay xuống đáy biển, chạm phải đá ngầm, vỡ tan thành muôn mảnh...

Một trong muôn ngàn mảnh vỡ đó, may mắn nhờ ân huệ Thiên Chúa, về sau được trở thành một ngôi sao nhỏ, gọi là « ngôi sao biển ».

Và kể từ đấy, mỗi khi ra chơi biển vào đêm, người ta điều nhìn thấy trên mặt nước và cả trên bãi nữa, những mảnh vỡ của « ngôi sao sứ giả » ngày xưa ngày xưa kia như muốn vươn mình lên, luyến tiếc bầu trời êm đẹp thuở nào mà vì chút lòng kiêu căng, tự phụ... đã làm cho chúng phải bị lưu đây, trừng phạt...

Noël & Hòa-bình

(Tiếp theo trang 10)

toàn thể thế giới, nhất là đối với các dân-tộc tự-do đã tin tưởng vào sức mạnh hùng-cường của Hoa-Kỳ.

Tôi không nghĩ rằng có thể xảy ra trường hợp bi-đát đó, và không có lẽ một ngày nào đó Việt-Nam sẽ kết liễu như trận đánh của Goliath và David trong Thánh kinh Thiên-Chúa-Giáo ? (1)

Có lẽ nhớ lại câu chuyện trong Thánh-kinh, và không thể rước lấy một kết-quả tương-tự, và để tránh tình-trạng căng-thẳng làm trở ngại chính sách chung sống hòa-bình với Nga-Xô và các nước Cộng-Sản Đông-Âu, nên Mỹ vừa cương quyết tiếp tục chiến tranh bảo-vệ Miền Nam, vừa không ngớt vận-động thương thuyết Hòa-bình với miền Bắc.

oOo

T R O N G đám đông nhân-vật có uy-tin trên chính-trường quốc-tế đã hưởng-ứng lời kêu-gọi Hòa-bình của Tổng-thống Johnson, Đức Giáo Hoàng Paul VI đã tỏ ra thành-thật sốt-sắng nhất, và kiên-nhẫn nhất.

Quyết đeo-đuôi chính sách « Hòa bình Thiên Chúa Giáo (La Paix Chrétienne), Đức Giáo Hoàng Paul VI đã theo đường lối của hai vị tiền bối, Giáo Hoàng Benoit XV trong trận Đệ nhất Thế chiến, và Giáo Hoàng Pie XII trong Đệ nhị Thế chiến.

Đệ nhất Thế-chiến vừa bùng nổ, Benoit XV không những kêu gọi Hòa-bình liên tiếp mấy lần và ra lệnh cho

(1) Trong Thánh-kinh có kể chuyện chàng không-lò Goliath đánh nhau với David ốm-yếu, nhỏ bé. Rốt cuộc Goliath thua, bị David chỉ ném một cục đá vào đầu tên không là ngã quỵ!

NOEL ★ HÒA BÌNH

Giáo đồ Thế giới tổ chức các lễ cầu nguyện Hòa bình, mà ngài còn đưa ra những đề nghị giải pháp thực hiện đình chiến. Sắc thư đăng vì tháng 9-1914, rồi kế tiếp sắc thư ad beatissimi tháng 11, và cuộc vận động ráo riết hồi tháng 8-1917, đều chứng tỏ thiện chí nhân nại của Benoit XV muốn cuộc tàn sát Âu-châu được chấm dứt ngay. Nhưng tất cả các cuộc vận động hòa bình của Đấng thay mặt Chúa ở đầu Thế kỷ XX, đều hoàn toàn thất bại. Không những hai phe tham chiến không ai tuân theo Ngài mà họ còn chế nhạo và công kích Ngài kịch liệt. Pháp quốc còn mạ lỵ Ngài nữa là khác, gọi Ngài là « Le Pape boche », là « Judas XV », dân chúng Ý cũng dả đảo Ngài, Đại tướng Tổng Tham Mưu trưởng của Đức, Ludendorff cũng phỉ báng. Ngài với những lời thóa mạ nặng nề. Rốt cuộc, bao nhiêu công lao vận động hòa bình của Đức Giáo Hoàng Benoit XV đã không đem lại một kết quả nho nhỏ nào, mà còn gây ra tai tiếng và dư luận ác cảm của các Quốc gia tham chiến cả hai bên, kể cả tin đồ Thiên-Chúa Giáo và một số đông Linh mục Pháp (như Đức Cha Sertilanges và Linh mục Brugere, v.v.,...)

Trong dịp lễ Noel 1917, Ngài còn cố gắng kêu gọi hưu chiến trong một đêm Giáng Sinh, ngài gọi là « Trêve de Dieu » (Nghỉ đánh để nhớ Chúa) — mà cũng chẳng ai nghe. Đức cha Sertilanges, tại nhà thờ Madeleine Paris, lại hô hào tin đồ « Bất tuân lệnh ».

Đến Đệ nhị Thế Chiến, chiến tranh cũng vừa bùng nổ Đức Giáo Hoàng Pie XII công bố Sắc thư (Encyclique) Summi pontificatus ngày 20-10-1939, kế tiếp sắc thư Saeculo exeunte ngày 13-6-1940, kêu gọi Đình chiến, Hòa bình, được các nước tham chiến cảm ơn suông bằng ngoại giao. Chẳng một thành công nào trên thực tế cả. Tiếng súng đại bác và tiếng phi cơ tối tân của Hitler, của Staline, của Đồng Minh Anh-Mỹ, rền vang cả bầu trời Âu châu, làm át hẳn

lời Đức Thánh-Cha nguyện cầu Chúa và kêu gọi loài người đang hằng máu hãy trở về Hòa bình của Chúa.

Trong chiến tranh Việt-Nam ngày nay, tình thế có thay đổi, và trách vụ của Đức Giáo Hoàng Paul VI có phần dễ dàng hơn. Một phe tham chiến, Việt Mỹ và Đồng Minh, sẵn sàng thương thuyết Hòa bình và nhiệt liệt hưởng ứng lời kêu gọi của Tòa Thánh La Mã. Nhưng CS Trung Hoa và Bắc Việt vẫn khư khư theo chủ trương của Staline : chủ chiến, không chủ hòa.

Tất cả những cuộc vận động công khai, bán công khai, và bí mật, của Tổng thống Mỹ và đáng lãnh tụ Tòa Thánh La Mã, để đi đến một cuộc thương thuyết đình chiến, đều bị Hà-nội bác bỏ.

Như tôi đã nói ở đoạn trên, chúng ta tìm hiểu lý do tại sao Hà-nội khước từ mọi đề nghị thương thuyết, thấy rằng nếu Cộng Sản chấp nhận thương thuyết đình chiến, tức là tự chấp nhận sự chiến bại của họ. Mục tiêu chiến tranh của VC (Trung Cộng chỉ là kẻ lợi dụng), là chiếm lấy miền Nam, bất cứ bằng giá nào. Nếu chấp nhận đình chiến trong khi mục tiêu ấy không đạt được, thì chính là rơi vào cái tình thế đầu hàng như ở Bàn Môn Điểm (Triều Tiên), điều mà Việt Cộng quyết tránh hẳn. Bắc Hàn đã nhận đến ngồi bàn Hội-nghị đình chiến ở Panmunjo, với sự chấp thuận của Trung Cộng và Nga xô, vì thất bại nặng nề về quân sự mà không có phương tiện tiếp tục chiến tranh du kích.

Trái lại, Cộng Sản Bắc-Việt còn có những yếu tố thuận lợi cho họ tiếp tục du kích chiến, đồng thời mở rộng mặt trận đấu tranh, chính trị, cho nên họ còn cầm cự được một thời gian lâu dài, mặc dầu họ không điên rồ gì mà không thấy rằng họ không thể nào đương đầu nổi với các Lực lượng Việt-Mỹ-Đồng-Minh trong chiến tranh đại quy mô bằng Thủy lục Không-quân.

Ở tình thế đó, mọi cuộc kêu gọi đình chiến trong lúc này, dù là của Đức Giáo Hoàng cũng chỉ là tiếng gọi trong sa-mạc mà thôi, vox clamantis in deserto.

Đức Giáo-Hoàng Paul VI có thể tiếp-tục kêu gọi mãi, để chứng tỏ thiện-chi rất đáng tôn-phục của Ngài, cũng như Tổng-thống Johnson có thể vận-dụng tất cả uy-tín và khả-năng của ông, lợi-dụng và khai-thác tất cả các cơ hội thuận tiện, như lễ Noel, lễ Tết, để đề-nghị đình-chiến, nhưng tôi tin chắc chắn rằng ngày nào Việt-Cộng còn đánh du-kích được, Việt-Cộng còn lợi-dụng được tình-hình thối-nát, chia rẽ, tranh giành xoi-thịt, trên mảnh đất miền Nam bê-bối của chúng ta, thì ngày đó Việt-Cộng còn ngoan cố, không chịu đến bàn Hội-nghị.

oOo

Đại sứ Cabot Lodge có nói một câu mà tôi thấy có phần đúng. Tôi không nhớ rõ nguyên-văn, nhưng đại ý ông bảo rằng : « Chiến tranh Việt Nam tự nó sẽ dần dần chấm dứt, không cần điều-đình thương-thuyết ». Nói như thế chứng tỏ ông Lodge cũng đã thấy rõ thực-tế chiến-tranh Việt Nam một phần nào. Nhưng tôi không quá lạc-quan như ông. Ông Lodge chỉ ngó vào khía-cạnh du-kích chiến của Việt Cộng mà hình như không đánh đúng giá vấn-đề chính-trị.

Quan niệm thiên cận của tôi là muốn chấm-dứt chiến-tranh hiện tại chỉ có hai phương pháp mà thôi, chứ không phải một và không phải ba.

1) Diệt du-kích Việt Cộng trên toàn lãnh thổ (nhiệm-vụ quân-sự)

2) Quạt khởi một cách-mạng xã-hội toàn-diện, diệt trừ các mầm-mống xoi-thịt, thối nát, tranh-giành-quyền-lợi-địa-vị, chia rẽ, và xây dựng một quốc-gia Việt-Nam mới, trên

một căn-bản dân-tộc thuần-túy và hùng-cường, với sự hậu thuẫn hăng-say của toàn dân (Nhiệm vụ dân-sự).

Như vậy, trên địa-hạt nào Việt-Cộng cũng không còn chân-đứng ở miền Nam nữa, và tự họ phải rút lui, không cần thương-thuyết đình-chiến.

oOo

Tôi xin kết luận rằng mọi cuộc cố gắng thương-thuyết Hòa-bình với Việt Cộng trong tình thế hiện tại rất là vô ích. Chỉ mất công mà không đem lại kết quả nho-nhỏ nào. Dân-tộc Việt Nam thành kính cảm ơn Đức Giáo Hoàng Paul VI đã có thiện-chí lo cho Hòa-bình trở về với Đất nước chúng ta, cũng như chúng ta thành-kính cảm ơn tất cả những người có thiện-chí đáng khen ấy. Nhưng Dân-tộc Việt Nam phải biết rằng Hòa-bình sẽ vẫn hời được mau chóng hoặc chiến tranh còn kéo dài bao năm nữa, là do tự nơi sức quật khởi của 13 triệu nhân-dân miền Nam xây dựng lại một Quốc-gia mới trên một căn-bản dân chủ tiến-bộ, đủ sức ngăn chặn mọi cuộc xâm-lăng của Cộng-sản hoặc bất cứ một đề-quốc thực-dân nào.

Ngoài ra, tất cả đều là lời nói suông, lý-thuyết viển-vông, mà thôi.

★ NGUYỄN - VỸ

KÊ TIẾP SỐ NOEL NÀY, SẼ LÀ
Số đặc biệt PHỔ - THÔNG XUÂN

Phát hành vào ngày 20-1-1967 — trên 350 trang

Với sự góp mặt đầy đủ các nhà văn, thơ
đã cộng tác với PHỔ-THÔNG 9 năm qua.



Chiếc áo mới đem Giáng-sinh

Truyện ngắn

★ N.H. HOÀNG HỒNG DIỆP

HÔM đó là ngày thứ sáu đầu tháng. Buổi chiều vừa đi xung tội về, chưa kịp thay áo ra thì có tiếng chị tôi gọi ngoài nhà :

— Có ai tìm em này Diệp.

Tôi không khỏi ngạc nhiên khi người khách đó chính là Đại, người đàn ông đã khiến tôi hơn một lần phải nghỉ ngơi ấy. Một sự viếng thăm thật đột ngột. Tôi cứ ngăn người ra, trong khi Đại mỉm cười ôn tồn bảo :

— Hành quân về, anh đến thăm Diệp ngay đây.

Chị tôi rót nước mời khách rồi lui ra nhà sau. Tôi vẫn chưa nói được câu nào với Đại cả. Chàng

đến thăm tôi với bộ quân phục đã chiến còn lấm bụi đường. Nhận xét này làm tôi thoáng cảm động. Tôi nghĩ nhanh đến cuộc gặp gỡ giữa chúng tôi, và tôi mỉm cười một mình.

— Sao Diệp lại cười ?

— Dạ ... không.

Chị tôi ẵm đứa con nhỏ đi ngang qua phòng khách, tôi vội bảo :

— Ông Đại, anh của một chị bạn em. Chị Phương của Diệp đấy.

Tôi thấy Đại cười, cái cười ranh mãnh, đồng lõa với câu nói dối của tôi, nhưng tôi lơ đi. Thực ra, Đại không có cô em nào là

bạn học của tôi cả. Trường hợp chúng tôi quen nhau trực tiếp chứ đâu phải gián tiếp. Trưa hôm đó, sau khi tan lớp học sinh ngữ, tôi theo một chị bạn đến chọn hoa ở ngôi hàng đường Nguyễn Huệ, tôi gặp Đại ở đây với bức tranh của chàng. Bức tranh vẽ một thiếu nữ đẹp, nét vẽ thật linh động. Tuy nhiên, điều đó cũng không làm tôi chú ý nhiều, bởi vì lúc ấy lòng tôi thật lạnh lùng, thật đứng đưng trước mọi chuyện. Tôi lơ đãng theo dõi cuộc đối thoại giữa người bạn gái và bà hàng hoa.

— Chà, bức tranh đẹp ghê. Bà mua bao nhiêu đây ?

— Không phải của tôi, của người ta gửi ấy mà.

Và bà hàng tiếp giọng vui vẻ :

— Kia, của ông này đây.

Tò mò, tôi quay lại : trước mặt tôi là một quân nhân. Tôi chỉ biết người ấy ở cấp bậc thiếu úy thôi, còn thuộc binh chủng gì thì tôi chịu, không hiểu. Xưa nay tôi có quen lính bao giờ, ghét nữa là khác, vì thế mà tôi chú ý tìm hiểu làm gì những chi tiết đó.

— Thưa ông, bức tranh này

bao nhiêu đó ạ ? - chỉ bạn tôi lại hỏi .

— Không ... của tôi ... tôi vẽ đấy, thưa cô .

Cả hai đứa tôi đều ò lên một tiếng kinh ngạc . Không hề bao giờ tôi có thể tưởng tượng được những kẻ « Chỉ biết có bắn giết » ấy lại cũng là những nhà nghệ sĩ . Lần này thì tôi nhìn kỹ kẻ đối diện hơn . Tôi suýt kêu lên khi bắt gặp đôi mắt của người quân nhân ấy . Đôi mắt thật quen thuộc với tôi . Những tia nhìn dịu dàng, ấm áp ấy, tôi còn lạ gì nữa. Nó giống hệt đôi mắt của ai ngày nào, đã uống mất một nửa linh hồn tôi, nhưng giờ đã xa xôi quá rồi và tôi đã cố quên đi từ hơn một năm trời nay, dù chưa biết rằng tôi có quên được không. Cái nhìn của người quân nhân xa lạ này lại lôi tôi về với khung trời quá khứ, một hình ảnh thoáng chốc vụt hiện lên rõ rệt và tôi vội cúi mặt dấu một tiếng thở dài .

Vị thiếu úy trẻ tuổi ấy là Đại. Chàng cho chúng tôi biết cái titre của bức tranh là « về muộn ». Tôi không nhớ tôi đã nói gì với Đại, chỉ biết sau đó về nhà, trên một góc vở học của tôi, có địa chỉ

của chàng. Tự nhiên. Tôi muốn được nhìn thấy Đại vẽ tranh, và tôi liền biên thư cho Đại. Thư gửi đi rồi, tôi mới thấy việc mình làm là táo bạo; tôi nghĩ lan man mãi về tác giả của bức tranh « về muộn » mà bấy giờ tôi chỉ còn nhớ có mỗi một đôi mắt với tia nhìn ấm áp thiết tha. Rồi mỗi khi tư tưởng đến chỗ mà tôi cho là « không thể nào như vậy được » thì tôi lại vội vàng xóa đi. Không, chuyện cũ vẫn còn khiến lòng tôi đau đớn xót xa, nỗi đau đã quên được. Mà tại sao tôi phải nghĩ ngợi như thế nhỉ ? trong khi đó có thể coi việc tôi gặp Đại như một cuộc gặp gỡ rất tình cờ, rất tự nhiên của những kẻ qua đường với nhau. Tôi thật ngạc nhiên với chính mình. Cho tới lúc, ngồi trước mặt Đại, tôi cũng không nhận định được tình cảm của tôi ra sao cả.

Đại cười bằng mắt và khẽ hỏi tôi :

— « Anh của chị bạn » mà Diệp gọi bằng « ông » à ?

— Ừ nhỉ, thế thôi, Diệp gọi bằng anh cho nó hợp lý vậy. Và tôi bèn to lên cốt để chị tôi nghe :

— Anh về bao giờ lại đi nữa ?

Tôi nhấn mạnh tiếng « anh ». Đại nhìn tôi mỉm cười. Chúng tôi ngồi bên nhau khá lâu, với những mẩu chuyện vụn vặt, không mạch lạc. Đại kể tôi nghe, cái hôm mà chúng tôi gặp nhau lần đầu, là lúc chàng mang bức tranh gửi sang Pháp tặng một người bạn. Hình như tôi không được vui lắm khi Đại bảo người bạn đó là một cô gái. Nhưng tôi giấu thật kỹ cái cảm xúc này. Tôi luôn mỉm cười với chàng và nói thật nhiều. Tôi có hay đâu, lần viếng thăm đó của Đại đã gây một xao động trong hồn tôi. Hôm sau Đại đi rồi, tôi mới kịp nhận ra điều đó. Buổi tối, tôi ngồi thừ ra hàng giờ trước bàn học. Ô hay, lòng tôi ? tôi không muốn phân tách lòng tôi nữa, nó phức tạp quá, mà chính tôi, tôi còn không hiểu được nó thay.

Rồi chiều nay, Đại lại ghé thăm tôi với bộ quần phục bảnh bầy bụi đất đỏ. Không biết chàng có hiểu không, một tháng trời nay tôi đã nghĩ về chàng quá nhiều. Lăn lộn trong mớ tình cảm mới nhóm dậy trong lòng tôi đó, là những xót xa đau đớn, vang

âm của một mối tình đã chết.

Gặp lại Đại tôi thật mừng, nỗi mừng vui độ, có lẽ tôi không dấu diếm ai được.

Chúng tôi ngồi trong phòng khách, nhìn ra khung cửa sổ. Ngoài kia mấy chiếc lá vàng chao mình trong gió nhẹ. Lần này thì tôi nói thật ít, nhiều khoảng trống im lặng giữa chúng tôi.

Trời trở lạnh mấy hôm nay. Nhìn lên tờ lịch, tôi bảo Đại :

— Gần Noel rồi kìa anh, chắc cái chỗ anh đồn trú hẳn là phải rét lắm ?

Không trả lời câu tôi hỏi, Đại nói :

— Đề anh xin phép cho em đi phố một chút nghe. Đi xem thiên hạ sắm Noel có lẽ vui lắm Diệp.

Tôi bàng lòng, thế là lát sau, chúng tôi đi bên nhau, lẩn lộn với đám người xuôi ngược trên hè phố Sài Gòn. Tôi thấy có mấy cô gái đi qua, quay lại nhìn Đại bất giác tôi thấy thích thú với bộ áo quần nhà binh răn rì của chàng. Bọn con gái thời đại vẫn chẳng gọi những người như Đại

là những Thiên thần mũ xanh đỏ hay sao ?

Đi ngang qua ngôi hàng hoa đường Nguyễn Huệ, chỗ chúng tôi gặp nhau lần đầu tiên, không hẹn mà hai đứa cùng nhìn nhau mỉm cười. Chẳng biết bà hàng hoa có nhận ra chúng tôi không mà bà ta mới :

— Huệ Đà Lạt mới về nè thầy cô,

Chúng tôi băng qua đường, vào thương xá Tax. Những món hàng Noel được bày la liệt rực rỡ trong tủ kính. Thiên hạ thật tung bừng và tôi cũng vừa chột nhận ra lòng tôi cũng thật tung bừng, mơ hồ trong tiềm thức, tôi biết rằng tôi vẫn mang một tâm sự đau xót, nhưng thật tình lúc bấy giờ tôi cảm thấy nó quá xa xôi huyền hoặc.

Bỗng Đại ngộ ý muốn mua tặng tôi một chiếc áo để tôi mặc đêm Giáng Sinh. Nghe Đại nói, tôi bàng hoàng và trong giây phút ngắn ngủi đó, lòng tôi se lại.

Chiếc áo mới đêm Giáng sinh ! Chúa ơi, làm sao tôi có thể quên được. Trăm ngàn tặng vật khác, sao Đại lại chọn làm gì món quà

«áo mới đêm Giáng sinh». Hẳn Đại không hiểu được rằng vô tình, chàng vừa gọi lên vết thương lòng đau đớn của tôi. Tôi buồn rầu lắc đầu và không nói một câu nào cả. Kỷ niệm cũ chồm dậy làm tôi đau buốt cả lòng.

Hai năm trước tôi yêu Tuấn và về sống với chàng, bắt chấp sự phản đối kịch liệt của gia đình tôi. Tôi yêu Tuấn điên cuồng nên nhiều lúc tôi có những ghen tương thật vô lý. Tuổi tác chúng tôi lại chênh lệch quá nhiều, nên có lẽ vì thế mà quan niệm chúng tôi thường trái ngược nhau. Trước khi về với chàng, tôi biết Tuấn có rất nhiều người yêu. Điều đó không có gì lạ, bởi vì chàng là một nghệ sĩ. Sự kiện này làm tôi thực khổ tâm, vì thực ra trong thời gian yêu nhau tôi không kịp nhận ra điều đó. Càng yêu Tuấn thì tôi càng kiểm chuyện gây gỗ với chàng nhiều hơn. Có lúc tôi đã phải hối hoảng thấy rằng tình yêu của chúng tôi càng ngày càng đi đến chỗ rạn nứt không cứu vãn được. Tôi đau lòng lắm, bởi vì chính tôi hiểu rõ hơn ai hết điều đó. Cuộc sống bán chính thức của chúng tôi cứ thế tiếp nối với những sự lục đục giữa hai đứa.

Rồi trong dịp Giáng Sinh, tôi sắm một chiếc áo mới để diện. Tuấn không cùng tôn giáo với tôi, nhưng chàng hứa đưa tôi đi lễ nửa đêm. Tối hôm ấy, khi tôi sửa soạn mặc áo thì Tuấn bỗng kêu lên :

— Ô, em có cái áo nào khác không, mặc áo này trông em trẻ con quá.

Tôi núng nịu bảo chàng :

— Không anh, đây là áo mới của em mà. Anh quên tối nay em «phải mặc áo mới» sao ?

Tôi thấy mặt Tuấn nhẵn lại thật khổ sở và điều này làm tôi bất mãn. Tôi nghĩ ngay đến một cô nhân tình của Tuấn mà có lần tôi thấy cô ta mặc thứ hàng kiêu áo thật lẳng lơ, nhưng Tuấn có nói gì đâu. Lần đó thấy chàng còn hãnh diện đi bên cô ta nói nói cười cười. Tôi bảo Tuấn :

— Thế thôi vậy, anh đừng đi với em nữa.

Rồi tôi nói thêm nhiều câu như tát nước vô mặt Tuấn. Tôi khóc thật nhiều trong đêm Giáng sinh đó. Hỡi ơi, đó là lần cãi nhau cuối cùng của chúng tôi, vì sau đấy, chúng tôi mỗi người mỗi

^{cả} Vẫn biết rằng tình yêu giữa tôi và Tuấn đã bị nhiều vết nứt rạn từ trước rồi, vậy mà câu chuyện xảy đến đột ngột này vẫn làm tôi bàng hoàng. Nếu tất cả bạn bè xem việc tôi sống với Tuấn là một điều vô lý thì việc chúng tôi xa nhau đây lại vô lý hơn nữa. Tuấn đã đi biệt hơn năm trời nay rồi. Chàng biên thư bảo với tôi rằng chàng đi tìm sự yên tĩnh cho tâm hồn. Nhiều người nói rằng Tuấn cố tình làm vậy, để dễ dàng dứt bỏ tôi. Nhưng tôi thì tôi hiểu rõ lắm, tuy nhiên tôi không muốn gọi lại làm gì những chuyện đau lòng cũ. Đối với tôi cuộc tình duyên đó thực như một giấc mộng vừa êm ái vừa đáng sợ. Tôi chán nản hết tất cả mọi sự. Tôi không muốn giao thiệp với bất cứ một người nào nữa cả. Bạn bè thường bảo tôi là tôi còn trẻ quá, làm sao tôi có thể sống mãi như vậy được. Mặc kệ những lời nói đó, lòng tôi thật lạnh lùng và cứng đờ. Tình yêu của tôi với Tuấn thấm thiết là thế, chúng tôi đã hy sinh biết bao nhiêu để bảo vệ nó, vậy mà còn tan rã thay. Tôi nhớ về mối tình cũ với tất cả ngậm ngùi chua xót. Rồi tôi gặp Đại, điều khiến tôi chú ý đến chàng nhất là đôi mắt.

Đôi mắt chàng giống Tuấn quá. Tôi tự hỏi chính Đại đã làm xao động tâm hồn tôi hay tôi chỉ nghĩ đến chàng qua hình ảnh người xưa? Và tôi chưa trả lời tôi được. Có điều, từ lúc gặp Đại, tôi gần như quên mất chuyện đau buồn cũ. Trước mắt Đại, tôi là một cô gái trẻ, vẫn còn ở trong cái tuổi học trò hoa mộng, Đại có ngờ đâu, tôi không còn đúng cái màu người như chàng đã tưởng tượng. Ngó ý tặng tôi một chiếc áo trong dịp Giáng sinh này, vô tình Đại nhắc tôi nhớ rằng tôi không còn trinh trắng nữa. Đời tôi đã một lần dang dở rồi, vậy thì tôi không có quyền làm Đại thất vọng, bởi vì khi hiểu ra, liệu chàng có còn quý mến tôi nữa không.

Bỗng dưng tôi hết muốn đi lẩn lộn trong cái biển người ồn ào náo nhiệt đó. Tôi bảo với Đại là tôi muốn về. Chàng nhìn tôi ngạc nhiên. Thái độ của tôi thật quá lạ lùng đối với Đại.

— Diệp sao thế?

— Tại Diệp hơi mệt... anh cho Diệp về.

Vừa nói tôi vừa lảng tránh cái nhìn của Đại. Mai, chàng đã đi rồi,

đáng lẽ những giây phút gần gũi bên nhau của những kẻ như chúng tôi hiện giờ rất quý báu, quý báu cho cái tình cảm vừa mới nhóm lên trong lòng, nhưng tôi không còn thiết gì nữa hết. Những ý tưởng dằn xé troag đầu, tôi cảm thấy mệt mỏi và thật chán

chường. Dĩ vãng chưa xốt khó quên. Trên đường về nhà tôi thấy mặt Đại hiện rõ nét bản khoắn. Nghĩ đến ngày mai Đại đi, tôi thấy lòng nao nao. Mà thôi, tôi sẽ quên chàng, như bấy lâu nay tôi vẫn thờ ơ trước mọi sự việc...



□ TỤC LỆ NHÀ NÔNG

Không riêng gì ở xứ bốn ngàn năm văn - hiến này, ở nhiều nơi trên thế giới cũng có nhiều tục - lệ vào mùa gặt hái.

— Tại Pháp, ở hầu hết các Tỉnh, đều tổ - chức buổi lễ « Bó lúa cuối cùng, » nông - dân nam nữ vui thú chơi đùa nhầy nhót.

— Tại Đông - Âu, ở nhiều quốc - gia, người ta lấy những cọng lúa của bó lúa cuối cùng ấy kết thành một con nộm, cho bạn áo đàn bà, rồi loan thê nông dân trong vùng làm lễ rước đi từ làng nấy qua xóm nọ đoạn đem ra hỏang thiêu, tro được đem rắc trên các đám ruộng khô.

— Tại Châu Mỹ La - tinh, người ta lại đặt bó lúa ấy trên bàn thờ chung trong vùng, và để mãi đó cho đến mùa gieo mạ. Sau đó mới làm lễ an - táng long - trọng tại đám ruộng đã gặt bó tuá ấy.

mùa thu đi

★ **ÁI - NGUYỄN** (nhóm Sóng Vàng — Huế)

Hoàng hôn rơi lặng lẽ.
Thôi giã từ mùa Thu
Mây hoang buồn nhè nhẹ
Đưa chiều vào giấc mơ
Ghi từng giọng nhật ký
Gửi hồn lên trang thơ
Dặm đường sao thiên lý
Lòng mình sao bơ vơ
Chiều xuôi về nẻo phố
Chiều dằng bao mong chờ
Minh đêm từng nỗi nhớ
Giọng đời trôi ngàn ngơ
Nghiêng sầu nghe kỷ niệm
Trở về trong giấc mơ

Vĩnh Long, mùa Noel 66

Ngọc miễn.

Noel đến, đánh dấu một năm tròn xa vắng phải không em? Từ miền hỏa tuyến xa xôi, anh viết thư này trao về em, người em gái nhỏ quê nhà đang cùng bao thân quyến hôm nay tung bừng đi lễ Chúa—ngày vui khắp năm châu của lương dân và tín đồ Thiên Chúa Giáo.

Đêm nay gió thổi nhiều và lạnh, không gian đầy đặc những sao, sao sáng như đôi mắt buồn của Ngọc ngày nào tiễn anh lên đường, ngày nào kẻ vai anh, chúng mình đi xem lễ Đêm Noel về, ôi ! bao kỷ niệm sống dậy mãnh liệt ở lòng, nó làm anh như ngây dại và thêm khát hưởng lại chút hương vị ngày qua. Cái gì đã ngăn cách anh và em ? Cái gì đã ngăn tình thương của Chúa đến con người ? Anh không sao trả lời được, và chỉ biết náo nức nhìn về bên kia khoảng không đen ngòm nơi mà dịch có thể bắt thần xuất hiện.

10 giờ... 11 giờ... trôi qua bình thản ở nơi đây, nhưng anh

NOËL,

**Cánh thư
miền
hỏa-tuyến**

★ **HUY - VŨ**

biết ở đô thị, nhà thờ thời-gian chắc không còn được ai biết đến, các con chiên đã và đang mở hội ăn mừng Chúa hài đồng. «RêVay-Nhông» sáo bắt đầu, đêm tình thương của nhân loại sắp đến. Ôi, phép lạ ! Huyền bí ! Ôi ! Hận thù máu lửa hãy quay cuồng mãnh liệt ở giờ phút áp chót này đi để rồi tạo lại tình thương vạn cử, để khắp muôn nơi vạn nẻo, từ lục địa hoang tàn đến trùng dương bao la dậy sóng dứt đi tiếng rên la, tiếng phi cơ tru tréo và đại bác. Canon thôi nổ. Dứt hẳn ! Dứt hẳn ? Những tàn hại gớm ghê, những hình hài quái dị, những hơi cay ác độc, đêm nay, đêm nay chúng bây phải ngã quỵ dưới chân Chúa chịu tội với Thượng Đế để con người tiến bộ đạo đức, sáng lập lại cuộc đời, hàn gắn lại xã hội đang bị ê chề đổ nát vì thảm vọng, vì tà ma quỷ quái xoi mòn đục khoét làm tang thương nhân loại.

Ngọc em, viết đến những dòng này anh thấy mình điên lên mất. Em đừng nghĩ và cũng đừng hỏi vì sao anh của em hiện tại có vẻ khác thường với bản tính ngày xưa, Em hãy cùng anh, cùng mọi người đêm nay chúng ta lạy Chúa, nhờ ơn Cứu thế ban phép lành cho nhân loại, cho dân Việt thôi đau thương, tang tóc vì chiến tranh đã xa dân Đức chúa, đã làm đổ vỡ bao công trình kiến tạo của tiền nhân. Hỡi ! khí thiêng sông núi ! Hỡi linh hồn bất diệt của anh linh tử sĩ ! Vì sao ! Vì sao ? Dân tộc cần cù hiếu hòa này lại phải kéo dài cảnh chết chóc hơn 21 năm, hơn muôn vạn chiếc khăn xô, hơn trăm nghìn trẻ con thảm thiết khóc cha, mồ hoang vô chủ vấy đầy trên non sông gấm vóc, còn gì đâu là văn minh tiến bộ !

Ngọc, Đêm Noel ngoài chiến tuyến sao lạnh lẽo quá, hỡi

em ! Ở đây người ta chỉ nghe lời vi vu của gió ngàn kè lè nổi hồn đau và trước mặt anh kia một vùng hòa châu soi sáng địch, những tên mù tư tưởng chắc lại xuất hiện đầu đây, phi cơ đang tìm kiếm một ánh lửa bùng lên, một chiếc hỏa châu khác rơi xuống... rơi xuống... sáng rực cả góc trời. Bom đạn sắp sửa nổ, đêm thanh bình chấm dứt và chắc anh lại phải lên đường trước khi trời sáng.

Ngọc, Em cho phép anh đừng bút nơi đây em nhé ! Hẹn người yêu ở những lá thư sau. Chúc em và gia quyến một Giáng sinh vui vẻ, vui thật vui để quên cuộc đời.

Xin Chúa ban phúc lành cho tất cả chúng con.

Hôn em nhiều,
HUY-VŨ



★ MONG VIỆT-NAM CÓ LOẠI MÁY NÀY

Một hội - nghị chuyên - viên Mỹ vừa nhóm họp xong và quyết - định đề - nghị các nhà sản - xuất xe trẻ con sơ sinh nên nâng cao giàn lên xe để tránh nạn xe phun khói, rất có ảnh hưởng đến sức khỏe. Ở V.N. ta, chắc máy này dù có cũng vô dụng vì dù cao hay thấp cũng không tránh được khói phun loạn xạ ngẫu của đủ lori xe.

● AI BẢO DỐT ?

Thiếu-tà Sulh Dumadi, nhà cai-trị Tỉnh Padeng, thuộc Sumatra vừa ra một lệnh rất gắt gao: Ai không biết đọc biết viết không được cưới vợ. Nghe nói sau đó, lớp bình-dân mở ra khắp nơi.



**Dị các chứng đau nhức
và cùn cùn**
CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC

Những mùi gai sầu



★ Truyện ngắn LÊ-TẮT-ĐIỀU

(tiếp theo P.T 184)

G IONG anh Phong nhỏ đi như những lời thầm thì. Buổi trưa bắt đầu yên tĩnh. Cái ngó hoạt động yếu ớt như một người chập chờn nửa thức, nửa ngủ. Mấy chiếc máy thu thanh đã im tiếng. Anh Phong đứng dậy đóng cửa sổ để gió khỏi phả sức nóng hầm hập của mái nhà tôn bên cạnh vào gác. Những tiếng động gần, xa không rõ rệt pha trộn thành một

âm thanh uể oải, tạo sự bức rút, khó chịu quanh mình. Chắc anh Phong đang buồn. Câu chuyện đã khơi lại một niềm nhớ thương nào đó.

Chúng tôi im lặng một lúc lâu. Buổi trưa ồm ồm, chặt chúng tôi bằng vòng tay nóng hôi hổi. Tôi muốn cựa quậy mà chân tay rã rời. Anh Bằng nói :

— Anh Phong cho em góp ý, bàn luận về trường hợp của anh nhé.

NHỮNG MÙI GAI SẦU

— Bằng cứ nói đi.

Anh Bằng chậm rãi

— Em không được sống và hiểu biết như anh. Bóng tối lại bắt em thường chỉ được suy nghĩ trong một phạm vi hẹp hòi. Em có ít kinh nghiệm về đời sống xã hội. Lập trường của em rất dễ sai lầm. Nhưng những ý nghĩ sau này em đã tìm ra sáu bao tháng năm nhàn, ngắm về đời sống cực khổ của mình.

Em tin rằng dẹp bỏ được hết mặc cảm, tạo được sự tự tin cũng là một cách dễ đến gần hạnh phúc. Trước đây, những mặc cảm chằng chịt làm em khổ sở vô cùng. Hẳn anh cũng hiểu trường hợp của em. Con người được sinh ra, đời như những giọt mưa rơi trên địa cầu không có bề mặt bằng phẳng, giọt rơi trên đỉnh núi, giọt nằm dưới đáy vực. Vị trí đời em cũng chỉ là một vực sâu thăm thẳm. Nhưng em tin là nếu mình hết sức cố gắng, trời vẫn cho mình đủ thời gian để leo từ vực thăm lên đỉnh núi. Vì nỗi khổ của hiện tại, mà từ chối sự sung sướng trong tương lai là một điều dại dột. Nếu có một người con gái yêu em thực tình, em sẽ

nhất định xin cưới cô ta làm vợ, không sợ hãi, lo lắng gì hết. Có thể sự khổ sở sẽ đến ngay sau hạnh phúc. Nhưng em sẽ tiếp đón cả hai như người chủ tiếp đón những ông khách vừa xấu, vừa tốt. Em muốn được sống, thiết tha sống. Em thích một căn phòng ồn ào tiếng người hơn là căn phòng trống rỗng. Khi đóng cửa căn phòng em muốn được nhớ lại những chuyện đã qua. Chắc sự cô đơn, ít bè bạn trong nhiều năm đã tạo cho em những ý nghĩ ấy.

Theo ý em, anh đã yêu thì cứ tiếp tục yêu và tính chuyện xây dựng với chị Kim. Một cuộc đời đủ để anh làm giàu, tạo sự nghiệp lại rất có thể quá ngắn khiến anh không kịp tìm ra một người yêu thương mình thực tình.

Anh Bằng ngừng lại, yên lặng như chờ đợi anh Phong lên tiếng. Nhưng anh Phong cũng yên lặng.

— Em nghĩ sai hả anh Phong?

— Không. Những ý nghĩ của một người yêu đời và can đảm nữa. Cảm ơn Bằng rất nhiều. Trong hồ sơ của đời tôi sẽ có niềm ước ao được cưới Kim và tôi sẽ cố gắng thực hiện.

Nhiều đoạn trong câu chuyện giữa hai anh hơi khó hiểu đối với tôi. Nhưng tôi có cảm tưởng đã được sống thêm nhiều ngày, với nhiều người. Tôi thường thức được nỗi đau khổ, niềm hân hoan của một thế giới hoàn toàn xa lạ.

Bỗng anh Phong cất tiếng thuyết nhạc. Đây là một bản nhạc lạ? Hay anh Phong đang huýt sáo theo cảm hứng của mình. Âm thanh cuộn cuộn, cao vút, có lúc xoắn xang, bối rối.

— Bận nhạc gì đó anh?

— Tôi không nhớ tên. Đây là bài ca Kim thích nhất.

Đạn sau của bản nhạc êm đềm, bình thản. Âm thanh dịu dàng vây phủ căn phòng và buổi trưa uể oải chậm chậm tan đi. Anh Phong đang vui và hy vọng. Tôi và anh Bằng cũng thế.

Tôi hát nho nhỏ. Mai đây, tôi sẽ nhớ đến căn gác này mỗi lần lên tiếng hát. Ở đây, tôi đã sống cùng với nỗi buồn, niềm vui của những người bạn thân. Tôi sẽ dựa vào những khổ sở, những ao ước, hy vọng của anh Phong, anh Bằng để diễn tả tình cảm các bài

ca. Thật sung sướng khi cảm thấy mình có ích.

Tôi sẽ thành công hay không? Tôi chưa biết. Nhưng tôi tin chắc rằng sẽ vượt lên cao hơn vị trí hiện tại của mình. Tôi sẽ sống nhờ sự làm việc. Đời tôi sẽ không còn là một tiếng than dài trong bóng tối.

Tiếng huýt sáo của anh Phong lớn hơn như muốn chen lấn, ganh đua với tiếng hát của tôi. Sức nóng đã dịu. Trời về chiều. Gió lùa vào cửa sổ, lướt qua chúng tôi, bắt đầu mát mẻ, dịu dàng như bàn tay săn sóc của người thân.



Nhà ông trưởng ban nhạc «Thông reo» ở cuối một ngõ hẻm. Chúng tôi loay hoay hỏi thăm chừng nửa giờ mới đến đúng địa chỉ. Chắc ông ta mở lớp dạy nhạc. Phòng khách vang lên tiếng hát của khá nhiều người. Khi ngừng hát, họ cười đùa. Nghe giọng nói, tôi đoán họ cũng còn trẻ tuổi như chúng tôi. Anh Bằng, anh Thảo, Thịnh hoàng tử và tôi ngồi sát nhau trên một chiếc ghế dài chờ đợi.

Khi ông trưởng ban bước đến

gần chúng tôi, tiếng đàn, tiếng hát, tiếng trống trong phòng bỗng im bật. Ông hỏi ngay:

— Mấy cậu ở trường nam sinh mù phải không? Tôi có nghe cô Hằng-Châu nói về các cậu, khen các cậu đàn hay. Nếu các cậu có thể giúp cho ban nhạc của tôi được thì tốt lắm. Nhưng... tôi thấy cô ấy chỉ giới thiệu hai cậu thôi mà. Một cậu dương cầm, một cậu tây ban cầm?

Giọng ông sang sảng, tiếng nói hơi lơ đãng của một người quen chỉ huy. Nhưng tôi đoán ông là người vui tính, dễ dãi. Anh Bằng đáp thay cả bọn:

— Thưa ông vâng. Tôi và anh Thảo có thể xử dụng hai thứ nhạc khí đó. Còn em Thịnh thì thổi clarinette và em Thương đây muốn xin ông cho ca ban.

— Vậy hả? Được rồi. Bây giờ chúng ta cũng phải xét qua tài năng của nhau một chút cho dễ bề thông cảm nhé. Ở đây không có đàn dương cầm. Vậy cậu Thảo phải chờ hôm nào cùng với tôi đến đài phát thanh biểu diễn. Cậu sắp tốt nghiệp ở trường Quốc gia âm-nhạc phải không?...

Ờ, thế thì tài nghệ đáng tin cậy lắm rồi A, đề tôi lấy nước cho các cậu uống đã nhé.

— Dạ thôi, xin cảm ơn ông.

— Thôi sao được. Cậu nhỏ kia phải uống nước cho mát cổ mới hát hay được chứ.

Ông đi vào nhà trong. Chúng tôi cùng cảm thấy yên ổn, dễ chịu vì được săn sóc một cách thân mật.

Khi ông mang nước trở lại, anh Bằng đã quên giới thiệu đây đàn. Không đợi ông yêu cầu, anh bắt đầu gảy một bản anh thích nhất. Nghe hết bài, ông nói:

— Tốt. Bây giờ cậu này cho tôi nghe kèn chứ.

Khác hẳn với thái độ bình tĩnh, tự tin của anh Bằng, Thịnh tỏ ra hồi hộp, luống cuống. Tôi nắm vai hắn, bóp nhẹ một cái khuyến khích. Áo Thịnh ướt mồ hôi.

Tiếng kèn mới đầu nhỏ bé, rụt rè, rồi bỗng vụt lớn lên thành hình. Trong tiếng kèn tưởng như có lẫn hơi thở của Thịnh, nghe thật chững tại. Có lẽ cũng tự nhận được khuyết điểm, Thịnh

lại vội hạ tiếng kèn xuống. Lầm lẫn này kéo theo lầm lẫn khác. Tiếng kèn bắt đầu loạc choạc sai lạc. Những đoạn Thịnh cố tình kéo dài thì lại uể oải, vô duyên. Tôi muốn bảo Thịnh ngừng hẳn để lấy lại bình tĩnh, nhưng không dám. Cuối cùng hẳn thôi sai cả nhịp!

Ông trưởng ban cười:

— Tài nghệ cậu mày còn hơi yếu đấy nhé. Phải tập lại ít lâu mới được.

Tôi bảo chữa cho Thịnh:

— Thưa ông, ở trường Thịnh thời hay hơn nhiều. Chắc ở đây Thịnh hơi hộp quá.

Như không chú ý đến lời tôi, ông trưởng ban nói với Thịnh:

— Cậu phải tập điều khiển hơi thở nhiều hơn nữa. Làm sao cho các âm thanh phát ra vừa đúng cao độ.

Thịnh đáp rất nhỏ:

— Dạ.

Sự thất bại của Thịnh khiến tim tôi đập mạnh. Có lúc tôi tưởng không còn đủ khả năng há miệng nói một câu cho xuôi. Ông trưởng ban đã giục tôi hát. Giọng ông còn vui vẻ nhưng hình như

đã thiếu một phần tin tưởng. Ông đặt ly nước vào tay tôi. Tôi uống cạn. Tiếng đàn anh Bằng dạo khúc mở đầu bản « Giấc mơ sâu » đã nổi lên. Tôi cầm ly nước trong hai tay, thu người nhỏ lại tựa vào Thịnh, bắt đầu cất tiếng. Âm thanh đầu tiên phát ra thô, vội vã như chỉ cốt đuổi cho kịp tiếng đàn. Thêm nữa ngum nước vừa uống còn gây một cảm giác vướng víu trong miệng. Tôi muốn nuốt nước bọt, nhưng chậm rồi. Mãi lo lắng về những sơ sót đó, tôi hát câu đầu, câu thứ hai một cách máy móc. Tôi hát như chỉ cốt xướng lên những âm thanh không có ý nghĩa.

Đến câu thứ ba, tôi bình tĩnh lại. Lời ca đột nhiên đem đến sự rung động cho người hát. Tôi chìm dần trong tiếng hát. Tôi tìm lại được cả những nỗi buồn, niềm vui. Tôi cố gắng dùng tất cả sự khò cực mà tôi đã gặp để tạo nên thế giới của một giấc mơ sâu. Ôi! Niềm vui, biến thành làn mây nhẹ... tan dần đi, tan dần đi nơi cuối chân trời! Tôi tưởng như chính mình là kẻ đang mất niềm vui, đứng cô đơn giữa bóng tối mênh mông, không biết phải tiến về hướng nào. Tôi đặt trong

tiếng ca những xao xuyến, những đau đớn rã rời của một người bắt đầu tuyệt vọng.

Khi tôi ngừng hát, tiếng vỗ tay chợt nổi lên mạnh mẽ, đông đảo hơn tiếng vỗ tay dành cho tôi trong căn gác của anh Giản. Ông trưởng ban nói:

— Học trò tôi đang hoan nghênh cậu đó.

— Ông vui vẻ bắt tôi hát liên tiếp hai bài nữa do ông chọn.

Sau cùng, ông nói:

— Thế là xong. Sáng thứ hai tới ba cậu đến đây. Tôi có xe, tôi sẽ đưa các cậu đến Đài Phát Thanh, chúng ta cùng làm việc. Các cậu có mặt đây tám giờ nhé. Hôm đó các cậu gặp tất cả các anh chị em trong ban: « Thông reo ».

Anh Thảo đáp một cách hân hoan:

— Thưa ông, chúng tôi sẽ đến thật sớm.

— Đây giờ, các cậu đem tập nhạc này về duyệt trước đi. À!.. mà làm sao các cậu đọc được?

— Chúng tôi sẽ nhờ người đọc cho chép ra chữ nổi. Và lại,

một số lớn nhạc phẩm chúng tôi đều có tập đàn, hát rồi.

Anh Bằng nói:

— Chỉ có một điều hơi phiền, xin ông thông cảm. Chúng tôi không nhìn thấy được nhịp tay của ông, mong ông cho nhịp bằng tiếng động.

— Chuyện đó dễ mà. Các cậu cứ việc dựa theo nhịp trống.

Ông trưởng ban tiễn chúng tôi ra tận cổng và nói mấy câu khuyến khích Thịnh.

Sự thất bại của Thịnh khiến cả bốn người cùng im lặng. Mặc dầu có lẽ anh Bằng, anh Thảo cũng như tôi đều muốn cười vui mừng sự thành công. Thế là chúng tôi đã kiếm được việc làm. Lúc đứng ở trạm xe buýt, Thịnh bỗng nói:

— Mình muốn đập cái kèn đi quá.

Anh Bằng vội trấn tĩnh hẳn:

— Đừng nói nhảm. Cố gắng tập thêm ít lâu nữa là được. Vội gì. Chúng tôi vừa bước lên xe buýt thì trời đổ mưa lớn. Đoạn đường từ nơi xe đậu đến cổng trường khá dài. Chúng tôi lại

không dám đi nhanh. Cả bốn đều bị ướt.

Sinh đốn chúng tôi ở chân cầu thang, hỏi to :

— Thế nào ? Công thành danh toại cả chứ ?

Tôi đáp :

— Thành công được ba phần tư.

— Anh nào là cái một phần tư xấu số đó. Thịnh hả ?

Thịnh không trả lời, chạy rầm rập lên cầu thang nước. Tôi vừa bước vào phòng ngủ vừa cởi khuy chiếc áo ướt. Mưa xối ào ào trên mái tôn. Nhưng tiếng khóc của Thiệp nhỏ ở phía giường Văn nghe rất rõ. Văn lẩm bầm :

— Mày ngu quá !... mày ngu quá.

Anh Bằng hỏi :

— Chẳng Thiệp làm sao đó ?

Văn đáp :

— Mẹ nuôi nó mất tích rồi. Bao nhiêu tiền dành dụm được tôi gửi mẹ nó hết. Thế là bây giờ tong cả vốn liếng. Ngu thật !

— Trời ! Có thể bà ấy ốm đau

hay có việc phải đi đâu xa. Đến nhà bà ấy chưa ?

— Đâu có biết nhà mà đến.

— Sao chẳng Thiệp vẫn kể...

— Ông ấy tưởng tượng ra. Ông ấy kể cho le. vậy thôi. Tuy này đã đi hỏi tin tức bà ta suốt cả buổi chiều ở quanh rạp hát. Lúc ấy mới biết bà ta còn quy tiền của nhiều người. Nhưng riêng thằng Thiệp là đau nhất.

— Mất nhiều không ?

— Cũng khá lắm. Tiền dành dụm mấy tháng nó đem gửi hết, có tiêu xài đồng nào đâu. Thịnh thoảng được bà ấy cho chén một bữa.

Anh Thảo buông gọn một câu :

— Thằng Thiệp thế mà có duyên số với viện mồ côi.

Biết an ủi Thiệp nhỏ cũng vô ích, chúng tôi mặc cho nó khóc. Tôi hỏi Văn :

— Anh San đâu ?

— Anh ấy vừa đi rồi. Một chị bên lưu-xá đem cái thư của cô Quỳnh lại. Hình như có ghi địa chỉ của cô ấy. Anh San vội vã lên đường ngay.

— Mưa to thế này mà cũng đi.

— Anh ấy mặc áo mưa. Có trời mới giữ anh ấy lại được. Nghe nói có thư của Quỳnh, ông ấy nhảy phốc từ trên giường xuống, reo như điên.

Tôi cởi chiếc áo ướt. Bỗng từ cuối phòng ngủ tiếng Kèn của Thịnh vang lên, kéo dài :

Âm thanh cuộn cuộn, nối nhau liên tiếp như Thịnh không hề chịu ngừng lại để thở. Bên ngoài mưa đập đều vào cửa sổ, gió thổi ào ào vây quanh bốn phía. Nhưng tất cả những tiếng động đó chợt giống như một hộp âm trầm làm nền trong một hợp tấu khúc kỳ lạ. Chúng chen lấn đầy rầm rập tiến tới, rồi chợt dịu dàng, lùi ra xa êm ái như đoạn cuối của một tiếng vọng. Dư âm của tiếng kèn của ngói bay thoảng trong phòng.

Trên tiếng mưa và lên lên trong tiếng gió, tiếng kèn của Thịnh gọi cho tôi những rung động mới mẻ, một nỗi sầu có pha niềm kiêu hãnh. Tiếng kèn đã tự ý mọc lên trên một mảnh đất

đầy đau thương và khổ ải như một loài cây dại. Và trên mỗi nhánh của loài cây âm thanh đó bùng nở một bông hoa, loại hoa cánh mềm như nhung, thơm như tất cả những mùi thơm trong quá khứ.

Bao ngày tháng đã qua đi và nỗi buồn như trăm ngàn cây gai tạo thành một khu rừng trong tâm hồn tôi. Tôi phải lần mò tìm lấy một lối đi tìm tưởng, lạc quan. Tiếng kèn của Thịnh chợt làm động sợi dây móc nối cây rừng. Và, cùng một lúc, muôn ngàn mũi gai buồn rung lên.

Anh Bằng thì thào :

— Hay quá !

Anh Thảo :

— Nỗi buồn và tiếng khóc đã thôi kèn giùm Thịnh. Trong đời, chỉ có một lần thôi hay như thế cũng đủ khổ rồi.

Tôi cầm cái áo ướt trong tay, ngồi xuống giường. Tôi nhớ đến San. Giờ này chắc anh đang lần bước trong mưa để tìm Quỳnh.



Cầu nguyện Noel Hòa bình

★ BÙI-HỮU-NGHĨA

Đêm sáng lặng, ghi ơn Người Cứu Thế
Trần gian này, ngập tỏa ánh hào quang
Chuông ngân vang, trời khúc nhạc uy hoàng
Đêm huyền diệu, chúng con quỳ sám hối.

Kính lạy Chúa, chúng con người tội lỗi,
Duyên chẳng may, sanh nhằm cõi đọa đầy
Sống hôm nay, không rõ đặng ngày mai,
Và thù hận, con người gây máu lệ,

Đấng Cứu Thế, mở đường cho thế hệ,
Mở xích xiềng, giải thoát cả dân sanh.
Ban phép lành, dập tắt lửa chiến tranh,
Lòng bác ái, thương người như mình vậy.

Ôi ! cao cả vô biên như thế ấy
Xin Ba Ngôi ngự trị ở Thiên đàng,
Vì thế gian, ban bố sự bình an.
Vì chọn lý, hòa đồng cùng tôn giáo.

Chúng con sống giữa rừng xương biển máu,
Giữa hận thù, nhọn loại cẩu xé nhau
Đêm từng đêm, tiếng thét của binh đao,
Tiếng khùng khiếp, oan hồn nơi nghĩa địa.

Thần chinh chiến, cất giọng cười mai-mả,
Hòa bình ư ? ta nắm chặt đây rồi.
Mặc ai kêu ; ta cứ uống mềm môi,
Cho người sống, rồi ta vung vẩy chết

Kính lạy Chúa, cho con đừng sợ sợ
Một niềm tin lời chỉ phán của Ngài
Gọi con người hãy tỉnh giấc mơ say
Máu tàn bạo, hãy dừng ngay tức khắc.

Cho giọt lệ, trên vành mi khôc mắt
Tươi sáng lên, nhìn về đẹp non sông
Chìm hòa bình, được vỗ cánh xõ lông
Lửa chinh chiến, tàn phai theo lá úa

Kính lạy Chúa, Đấng người dân con Chúa,
Đêm Nô - En con gởi trọn lòng tin.
Nơi Thánh-đường, con chỉ biết cầu xin,
Và cúi lạng dưới Uy-linh Thánh-giá.

□ BÙI-HỮU-NGHĨA

(bình - đại)

mùa giáng sinh 66.

Mình ơi!

Đức

GIÁO - HOÀNG

LÀ AI ?



Ngài

Ở ĐÂU ?

Ngài

LÀM GÌ ?

Ngài có

QUYỀN-THẾ GÌ ?

★ DIỆU - HUYỀN

M

Ồ ! lần đến lễ Noel là Bà Tú hỏi ông Tú bao nhiêu chuyện về đạo Thiên Chúa, đề tìm hiểu tôn giáo ấy. Bà hỏi huyền thiên..., hỏi thôi là hỏi, toàn là những câu học búa không à !

— Mình ơi ! Sao đức Giáo Hoàng Phao Lồ VI có cái tên gì kỳ cục vậy, Minh ? « Phao Lồ » là tiếng nước nào vậy ?

Ông Tú cũng dốt đặc cán mai chẳng biết « Phao Lồ » là tiếng của nước nào. Việt Nam thì chắc là không có danh từ đó rồi. Tàu cũng không có, Pháp cũng không. Anh Mỹ cũng không.

Ông Tú sờ tay lên chiếc cằm nhẵn thín vừa mới cạo, tủm tỉm cười :

— I don't know.

— Thế, tên thật của ông Giáo Hoàng là gì, hả Minh ?

Tên thật của ông, tên chính thức mà cả thế giới đều biết, là PAUL VI. Tiếng Ý là PAOLO.

— Thế tại sao các tin đồ Thiên chúa Giáo ở Việt-Nam không gọi đúng là Đức Giáo

Hoàng Paul VI. mà lại gọi lệch đi là Phao-Lồ ?

— Cái đó, em đi hỏi các vị Linh mục và các vị Giám mục ở Saigon, chứ anh thì chịu. Nhưng em nên nhớ rằng hầu hết những cái gì tốt đẹp của quốc tế một khi nhập cảng vào đất Việt-Nam này là thành ra « lô, can » ráo ! Em xem thí dụ như một quyển sách *English for To-day* xuất bản ở New York sang Saigon biến thành ra *English for... Ziên-Hông*, hai quyển khác nhau một trời một vực ! Chả trách Đức Giáo Hoàng PAUL VI vào địa phận Việt-Nam tự nhiên hóa ra Đức giáo Hoàng Phao-Lồ ! Giả sử ông Giáo-Hoàng sang viếng Việt-Nam, xuống sân bay Tân-Sơn-Nhat nghe hàng vạn con chiên ngoan đạo của Ngài hoan hô : « Đức Thánh Cha Phao-Lồ VI muôn năm ! », thì chắc Ngài trở mặt nhìn, chẳng hiểu Đức Thánh Cha Phao-Lồ là ai vậy ?

Cũng như đảng CHRIST mà họ gọi là đảng *Ki-ri-xi-tô* thì có trời mới hiểu !

— Em thấy từ sau Thế chiến

MÌNH ƠI

đến nay kế tiếp ba bốn ông Giáo Hoàng, PIE XII, rồi JEAN XXIII, rồi bây giờ là PAUL VI, em chả hiểu sao cả. Mình giảng cho em nghe xem nào.

— Đức Giáo Hoàng Paul VI nguyên trước kia là Tổng Giám Mục Jean Baptiste Montini ở Milan. Sau khi Giáo-Hoàng Jean XXIII từ trần trở về nước Chúa,



Đức Tổng Giám Mục Montini nay là Giáo-Hoàng Paul VI

thì Đại-Hội Hồng-Y Giáo Chế nhậm ở Vatican bổ nhiệm tín nhiệm bầu Đức Tổng Giám Mục Montini kế vị. Ngài lên ngôi Giáo Hoàng, lấy tên là PAUL VI. Ông là vị Giáo Hoàng thứ 266.

— Mình bảo Đức Giáo Hoàng «lên ngôi» thế ra ông là ông Vua hả ?

— Ừ. Chính chữ «Hoàng» trong danh từ Giáo Hoàng, có nghĩa là «Vua», dịch theo danh từ Pháp : *Souverain Pontife*.

— Vua là vua thế nào, hả Minh? Vua có uy quyền gì không ?

— Có chứ. Đối với tín đồ Thiên-chúa, đức Giáo-Hoàng nắm Giáo quyền lớn lắm, *pouvoir spirituel*), tức là một uy quyền tượng trưng, vì ngài là đại diện của Chúa Trời, ở trên thế giới này. Không phải như các vị vua thế tục chỉ có quyền trần tục mà thôi (*pouvoir temporel*).

— Thế ai đặt ra chức Giáo Hoàng ? Chức này có từ hồi

MÌNH ƠI

nào ? Mình vừa bảo Paul VI là vị Giáo Hoàng thứ 266, là kể từ vị nào, từ đời nào ?

— Kể từ Thánh PIERRE (tiếng La-Tin Petrus), là vị Giáo Hoàng thứ I. Ông là một trong số các

giáo đồ (Apôtres) thân tín nhất của Chúa Jésus Christ. Tên thật của ông là SIMON, nhưng đáng Christ đặt cho ông một Pháp danh tượng trưng là « Pierre » nghĩa là «Tảng đá», và Ngài bảo : « Người là Tảng Đá, và trên



Công-trường Saint-Pierre
(Tòa.Thánh Vatican)

Dũng midol trị các chứng đau nhức
và cảm cúm
CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY
1560/8VX/089C.

Tảng-Đá ấy ta sẽ xây dựng Giáo hội của Ta ». (*Tu es Pierre, et sur cette pierre je bâtirai mon Eglise*), (theo kinh Matthieu, XVI, 18). Do huấn lệnh đó mà Thánh Pierre được chọn làm Đệ-tử số 1 của Chúa, và khi Chúa đã trở về Thiên-quốc, bên cạnh Chúa Cha ngày 7 tháng 4, năm 30, thì cũng bắt đầu từ ngày ấy Saint Pierre được kế vị Chúa để tiếp tục truyền giáo. Thánh Pierre là Giáo Hoàng đệ I vậy.

Đáng lẽ Saint Pierre vẫn ở Thánh địa JÉRUSALEM, nhưng sau bị vua Do-thái HÉRODE đàn áp tín đồ và bắt giam ông hai lần, ông từ giã Jérusalem, đến ANTIOCHE (ở Thổ Nhĩ Kỳ hiện nay). Rồi từ đó ông đi LA-MÃ, và dựng Giáo-đường đầu tiên nơi đây, trên gò VATICAN. Ông lại bị Hoàng đế La-Mã NÉRON, một tên bạo chúa khét tiếng, bắt ông và đánh đập tàn nhẫn cho đến chết, năm 67 sau J.C. Xác ông được chôn trên gò Vatican. Nhưng sau đó Hoàng đế CONSTANTIN xây trên ngôi mộ của Thánh Pierre một Giáo đường mới, tức là vị trí hiện

nay của Đền SAINT PIERRE de ROME trong Tòa thánh Vatican.

— Thế là Giáo hội của Jésus Christ dời từ Đông phương (Jérusalem) lên Tây phương (Roma), và Thánh Pierre là Giáo Hoàng thứ I thiết lập Tòa Thánh La-Mã làm trung tâm điểm Thiên-chúa-giáo, đến ngày nay, phải không, Mình ?

— Đúng thế.

— Sau Giáo Hoàng Saint Pierre, đến ai kế vị ?

— Kể hết tên các vị Giáo-Hoàng ra đây dài-giòng lắm và không ích gì. Chỉ nên tóm-tắt như sau đây :

SAINT PIERRE (chết năm 67)

SAINT LIN (67-76)

SAINT CLET (76-88)

SAINT CLEMENT I (88-97) v.v. :
đến SAINT MARCELLIN (296-304)

● Từ 304 đến 308, Tòa thánh không có Giáo-hoàng. Vatican bỏ trống.

SAINT MARCEL (308-309)

SAINT EUSÈBE (309-310)
v.v...

đến HONORIUS I (625-638)

● Từ 638 đến 640, không có Giáo Hoàng
SÉVVRIN (640)



Tượng bằng đồng đen, hiện đang được thờ tại Saint-Pierre de Rome, Tòa-thánh Vatican : Thánh Pierre, vị Giáo-Hoàng đầu tiên được Chúa Jésus đề cử.



GRÉGOIRE I (509-604) một vị Giáo Hoàng đã thành Thánh, xứng đáng nhất của thời Trung-Cổ.

MÌNH OI

JEAN IV (640-642)

THÉODORE (642-649)

v.v...

đến CLÉMENT IV (1265-1268)

■ Từ 1268 đến 1271.

không có Giáo Hoàng.

GRÉGOIRE X (1271-1276)

INNOCENT V (1276)

ADRIEN V (1276) một năm thay đến 4 vị Giáo Hoàng.

JEAN XXI (1276-1277)

v.v...

đến CLÉMENT V (1305-1314)

★ Từ 1314 đến 1316 không có Giáo Hoàng.

JEAN XXII (1316-1334) v.v...

Đến GRÉGOIRE XI (1370-1378)

✱ Từ 1378 đến 1417, trong thời gian 39 năm, Giáo hội bị một cuộc phân ly lớn, và tranh giành ngôi giữa 3 phe Giáo-Hoàng.

(Lịch Sử Thiên chúa giáo gọi là : *Grand Schisme d'occident*) :



Hai vị Giáo-Hoàng ly khai :

BENOIT XIII

Giáo Hoàng ở Avignon
(1394 — 1417)

JEAN XXIII

Giáo-Hoàng ở Pise
(1410 — 1415)



Giáo Hoàng INNOCENT III (1198-1216)
lên ngôi lúc 38 tuổi

MÌNH ƠI

- 1) Phe Giáo Hoàng LA-MÃ :
URBAIN VI (1378-7389)
BONIFACE IX (1389-1404)
INNOCENT VII (1404-1406)
GRÉGOIRE XII (1406-1415)

2) Phe Giáo Hoàng lập Tòa Thánh riêng ở thành phố AVIGNON :

- CLÉMENT VII (1378-1394)
BENOIT XIII (1394-1417)

3) Phe Giáo Hoàng của Tòa Thánh PISE :

- ALEXANDRE V (1409-1410)
JEAN XXIII (1410-1415)

sau gần 30 năm phân ly, Giáo Hội được thống-nhất lại, và quy-tụ trở về Tòa-thánh Vatican, La Mã :

- MARTIN V (1417-1431)
EUGÈNE IV (1431-1447)

v.v.. liên-tục cho đến đầu Thế kỷ XX :

- PI X (1903-1914)
BENOIT XV (1914-1922)
PI XI (1922-1939)
PI XII (1939-1958)
JEAN XXIII (1958-1963)

PAUL VI (1963 —) (1)

— Sao lại có hai ông Giáo-

Hoàng trùng tên JEAN XXIII, Minh nhỉ ?

— Có lẽ tại vì ông JEAN XXIII của Tòa-thánh La-Mã (1958-1963) không nhìn-nhận ông JEAN XXIII ly-khai của Tòa-Thánh PISE, nên coi như ông này không có.

— Minh Ơi, em tưởng các ông Giáo-Hoàng phải là những ông già, sao lại có ông Giáo Hoàng mới 38 tuổi, như INNOCENT III là sao? Em tưởng phải tu già đời mới lên được Hồng-Y Giáo-Chủ, rồi mới lên Giáo-Hoàng được, chớ 38 tuổi thì « sức mấy » mà làm Giáo-Hoàng ?

— Có những ông Giáo Hoàng trẻ hơn nữa kia, em Ơi.

Nhưng ở thời Trung cổ, chẳng hạn như :

JEAN XII (955-964) mới có 16 tuổi.

BÉNOIT IX (1032-1044) mới có 12 tuổi.

GRÉGOIRE V (996-999), 23 tuổi,

— Sao mấy ông đó, chưa sạch cửu mũi mà được làm Giáo Hoàng ?

(1) Bản danh sách trên đây lấy theo hai bộ Liber Pontificalis và Annuario Pontificio.

— Đó là con cháu các vua chúa hoặc các nhà quyền-thế đương-thời, lấy thế-lực và vàng-bạc mua - chuộc chức-tước. Như GRÉGOIRE V sinh tại Roma năm 973, được tôn lên làm Giáo-Hoàng hồi 23 tuổi, (năm 996), là cháu ba đời của vua Đức Otton 1er và anh họ của vua Otton III. Chính ông vua này đang có thế-lực và quyền-uy vận-dộng cho Grégoire được bầu lên ngôi Giáo-Hoàng. Ông là vị Giáo-Hoàng đầu-tiên người Đức. Năm 997, ông bị vị Giáo-hoàng ly khai Jean XVI (997.998) đuổi ra khỏi La-Mã, nhưng rồi nhờ vua Otton III đem trở về ngôi Giáo-Hoàng được một năm thì chết.

Còn BENOIT IX, Giáo-Hoàng 12 tuổi, là cháu ruột của Giáo-Hoàng Benoit VIII (1012.1024) và Jean XIX (1024.1032)

Làm được bảy năm, đến 1039 bị đuổi, nhường chức Giáo-Hoàng cho SILRESTRE III, rồi đến năm 1045 được trở lại ngôi Giáo-Hoàng, lại bị bắt buộc phải thoái vị, nhường ngôi lại cho Giáo-Hoàng GRÉGOIRE VI. (1047)

Giáo-Hoàng JEAN XII, 16 tuổi được cha và Hoàng-thần Alberic II có thế-lực, vận-dộng Giáo-hội bầu lên ngôi Giáo-

Hoàng. Nhưng ông này truy-lạc ghê-gớm, trai gái lung-tung, và hung-dữ, nên bị Giáo-hội họp lại cách-chức ông năm 963, bầu Giáo-hoàng LÉON VIII lên thay thế. Nhưng năm sau, phe đảng của ông được thắng-lợi, ông trở lên ngôi Giáo-Hoàng, bắt giam Giáo-Hoàng LÉON VIII và đàn-áp thắng-tay các tín đồ theo phe LÉON VIII.

— Đây là các ông Giáo-Hoàng nhỏ tuổi còn trẻ măng. Còn những vị Giáo-Hoàng già ?

— Già tự khự thì có :

Đức Giáo-Hoàng CLÉMENT XII, (1730.1740), 92 tuổi.

LÉON XIII (1878-1903), 93 tuổi.

CELESTIN III (1191.1198), 100 tuổi.

HONORIUS III (1216.1227), 101 tuổi.

Đa số các vị Giáo-Hoàng đều từ 60 tuổi trở lên.

— Các vị Giáo-Hoàng chết là thành-Thánh phải không Minh ?

— Chưa chắc. Ông nào có đạo đức lắm kia, đời sống noi theo gương Chúa và được toàn-thể Đại-Hội Hồng-Y Giáo-chủ tôn lên bậc-Thánh thì mới được thành-Thánh. Chẳng hạn Đức Giáo-

Hoàng JEAN XXIII, mới chết 3 năm nay, vừa rồi đã được Giáo-Hoàng hiện kim, Paul VI, đề-nghị với Cộng-Đồng Vatican II tôn lên bậc-Thánh. Toàn-thể Giáo-hội, và cả Thế-giới đều tán-đồng mỹ-ý của Paul VI. Đồng-thời, đức Giáo-Hoàng Paul VI cũng đề-nghị tôn cổ Giáo-hoàng PIE XII (1939.1958) lên bậc-Thánh, nhưng coi bộ có một số Hồng-Y Giáo-chủ không tán-thành lắm. Dư-luận Thế-giới, nhất là ở Pháp, ở Anh, Ý, Mỹ, cũng không hoan-nghehnh, vì họ cho rằng Pie XII đã tở-ra lập-trường mập-mờ, phản-bội đồng-minh Anh, Pháp, Mỹ trong trận-thế-chiến đê-nhị vừa rồi, và có khuynh-lương ủng-hộ Hitler, đàn-áp Do-Thái. Lại như Giáo-Hoàng ALE. XANDRE VI của giòng họ BORGIA (1492.1503) đang ở ngôi Đại-diện tối cao của Chúa Christ, thế mà lấy vợ, có con, phạm đủ các thứ giới-luật của Giáo-hội ông đó muốn được thành-Thánh... còn khuya !

Vợ ông Giáo-Hoàng Alexandre VI. Borgia lấy trong lúc ông đang ở ngôi Giáo-Hoàng, là bà ROSA VANNOLZA DE CATTANEI, ăn ở với nhau không chánh-tức,

không làm lễ-cưới và có 5 người con, 4 trai 1 gái. Ông lại có cô-tình-nhân là JULIE FAR. NESE cũng ở trong tòa Thánh Vatican, người con trai của ông là CÉSAR BORGIA chiếm-lấy ngôi vua, làm một nhà-Đế-vương độc-tài, giết người em ruột là Giovanni Borgia vì tranh-giành địa-vị. Con gái của Giáo-Hoàng LUCRÈCE BORGIA, thay-đổi 3 đời chồng cũng vì quyền-lợi các Hoàng-tộc. Nàng khét-tiếng trong lịch-sử nước Ý là một dâm-phụ, y-như mụ Nhu của Việt-Nam đạo-nọ. Còn hơn thế-nữa. Trong số những đứa con rơi-rớt của nàng, có một người trai; được làm Bá-Tước NEPI, khai-sinh là con của nàng loạn-luân với César Borgia (anh ruột), nhưng César và dư-luân trong Triều và trong tòa Thánh Vatican thì cho rằng Bá-tước NEPI là con của Lucrece Borgia loạn-luân với Giáo-Hoàng Alexandre Borgia (cha ruột của nàng). (1) Lại trong sách sử khác, thì quả-quyết rằng Bá-tước NEPI chính

1) Tài-liệu chính-thức trong sách Sử-nước Ý và trong Bách-Khoa-Từ-điển Larousse Thế-kỷ XX.

MÌNH ƠI

là con của JULIE FARNESE (tình nhân của Giáo-Hoàng) loạn luân với César, (con trai của Giáo-Hoàng). Cho nên giấy khai sinh của Bà tước Nepi cứ bị sửa đổi hai ba lần, và lần cuối cùng mang tên cha là Giáo-Hoàng Alexandre VI Borgia, tên mẹ là Julie Farnese. Mặc dầu vậy, lịch sử chính thức vẫn chép là con của Lucrèce Borgia và cha ruột là Giáo-Hoàng.

Giáo-Hoàng ALEXANDRE VI có đời sống quá bẽ bối tồi bại như thế, cũng na ná như bên Phật giáo có một vài vị Thượng Tọa triệu phú, lấy vợ đẹp nhà giàu chủ hãng buôn, có con trai con gái, và đi xe hơi Huê-kỳ, ở thời Mạt-Pháp của cái xứ Việt-Nam quần quai khốn khổ nhà ta.

Bà Tú ngồi mơ màng ngó vòm trời xanh biếc, giòng sông chảy

bao la, thẽ dài một tiếng rồi kết luận :

— Mấy ông Giáo-Hoàng cũng như Hòa-Thượng-loại đồ, chết thành quỷ Dạ-xoa, chớ sức mảy mà thành Thánh ! Còn khuya ! Há Minh ?

Ông Tú châm diều thuốc hút, khẽ bảo :

— Dù sao, Giáo-Hoàng như Saint Pierre, như Grégoire I Le Grand, như Pie X, như Jean XXIII, v.v... là một vinh dự vĩ đại cho Thiên chúa giáo. Cũng như một Sư Vạn Hạnh, hay một Hòa-Thượng Thích Quảng Đức là cả một hãnh diện phi thường cho Phật giáo vậy. Phải không em ?

Diệu Huyền

KỀ TIẾP SỐ NOEL NÀY, SẼ LÀ

Số đặc biệt **PHỔ - THÔNG XUÂN**

Phát hành vào ngày 20-1-1967 — trên 350 trang

Với sự góp mặt đầy đủ các nhà văn, thơ đã cộng tác với PHỔ-THÔNG 9 năm qua.

**Những người
đàn bà
lừng danh
trong lịch-sử**

★ 23

**Hoàng
hậu**

SABA

(Tiếp theo P. 7. 134)

KHÔNG được gần người yêu, vị Hoàng hậu trẻ đẹp, rất lãng mạn và hãy còn trinh tiết, muốn trả thù lại bọn đàn ông bằng một chánh sách "trọng nữ khinh nam" vô cùng táo bạo, lần đầu tiên trong Lịch sử các nước Cận-Đông.

Nàng đặt ra luật lệ mới, ban cho phái phụ nữ rất nhiều quyền hành, trong gia đình cũng như ngoài xã hội. Chánh sách nữ quyền của nàng cực đoan đến nỗi dưới chế độ cai trị của nàng người phụ nữ được quyền bỏ tiền bạc ra mua đàn ông như người ta mua những kẻ nô lệ để sai khiến vậy. Người con gái nào cũng có thể mua người đàn ông vừa ý mình về để làm chồng, và người vợ làm chủ gia đình. Nàng động viên bọn đàn ông con trai khỏe mạnh trong nước, để thành lập một Quân đội trên ba trăm ngàn người do nàng chỉ huy. Nàng truyền lệnh đóng rất nhiều tàu thủy, thiết lập một đội Hải quân hùng mạnh nhất thời bấy giờ, gọi là "Đoàn chiến thuyền xanh", đặt dưới quyền điều khiển của Hoàng hậu.

Chuẩn bị đầy đủ binh sĩ và khí giới, nàng kéo đội quân ấy đi

chinh phục các xứ lân cận. Và nàng đánh đâu thắng đó. Lãnh thổ Ethiopie của nàng được mở rộng ra đến tận biên giới Egypte (Ai-Cập), bao gồm cả các vùng rộng lớn Kenya, Ouganda và Soudan. Xứ Ethiopie của Hoàng hậu Makéda trở thành một Đế quốc hùng cường, thu gồm cả miền Arabie của Đông Bắc Phi Châu. Nàng kéo quân đội của nàng đến tận bờ biển Hồng Hải, và muốn vượt bể sang đánh cả các xứ A-rập, chinh phục Á-châu.

Nói là làm. Nàng quyết thực hiện ý chí ấy trong cơn hăng say binh lửa để quên mọi tình tuyệt vọng. Nàng, một cô gái 21 tuổi, Hoàng hậu kiêu diễm của một Quốc gia mới sáng lập, vì luật pháp Triều đình của bọn Đạo sĩ già khắc khe cấm nàng không được yêu vị Hoàng tử đẹp trai Assadaron của nàng, thì nàng quyết cho con tim đau khổ hận thù của nàng say sưa trong máu lửa chiến tranh, trong cảnh giết chóc của hàng ngàn vạn binh sĩ đàn ông mà nàng kiêu hãnh dẫm lên xác chết dưới đôi bàn chân ngọc ngà, cạnh liệt. Nàng băng hái truyền lệnh đoàn quân viễn chinh xuống chiếc thuyền vượt Hồng Hải để đi lên vùng A-rập.

NHỮNG NGƯỜI ĐÀN BA

Sau ba năm chiến đấu khùng khiếp, Hoàng hậu Makéda trẻ đẹp chiếm được xứ Yémen. Một thiên đường thơm ngát của Arabie huyền linh ảo địa.

Lãnh-Thổ của nàng bấy giờ đã trở thành « Nhị-Châu Đế-Quốc » quê hương ở bên Phi-Châu, tân cương thổ ở Á-châu về phương Đông, ở giữa là biển Hồng-Hải. Nàng kéo quân vào đóng tại thủ đô Saba của Yémen, và đặt Saba làm Đông-Đô của Tân Đế-Quốc, trong lúc Axoum là Tây-Đô ở đất nhà.

Lịch sử Arabie còn đề lại những bức tả cảnh vô cùng linh động của Kinh-đô Saba huyền bí nơi đây. Hoàng-Hậu Makéda được suy tôn là Hoàng-hậu Saba. Nàng gọi các kiến trúc sư đến phán rằng :

« Ta muốn một thành phố mỹ lệ được xây dựng nơi đây.

« Ta muốn ở trung tâm thành phố, được cất lên ba vòng lầu hình bán nguyệt.

« Ta muốn ở ngay giữa bán nguyệt ấy được dựng lên một lầu đài thứ tư, cao vút lên mây xanh, để làm cung điện của Ta.

« Sau cùng, ta muốn rằng trên thượng tần Cung-diện của Ta, có một sân rộng đồ đất trồng cây, toàn những cây quý có hoa thơm và đẹp, thành vườn Thượng Uyển, để cho các người tứ xứ đi tàu trên bể Hồng-Hải từ xa ngược mắt lên đều thấy vườn cây cảnh của ta như treo lơ lửng trên trời xanh. »

Các kiến trúc sư cúi đầu vâng lệnh, ngày đêm lo xây cất, và một năm sau tôn ý của Hoàng-Hậu được thực hiện đúng y như điều mơ ước của nàng.

Nhưng... Hoàng-hậu Saba buồn rầu, chán nản, giữa Cung điện nguy nga, lầu đài tráng lệ ấy.

Nàng bước đi, một mình, trong thực tế lộng lẫy của vinh quang, phú quý, đầy mùi thơm ngào ngạt của trăm nghìn cánh hoa, đầy

**midol**

Tu các chứng đau nhức
và cảm cúm

CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY

1350/DT/DRUC

NHỮNG NGƯỜI ĐÀN BÀ

những kho vàng ngọc châu báu mà nàng thò tay vào hốt có thể vút tung nắm ra cửa sổ, cũng không bao giờ hết được.

Y phục rực rỡ, chói sáng kim cương, ngọc bích, trân châu, dây cò, dây tay, Hoàng-hậu Saba đứng trên góc vườn Thượng- Uyển, trên chín tầng mây xanh, ngó xuống thành phố lui nười lút nhút những người qua lại. Bỗng nàng thấy trong xóm nhà lao động rách nát, dưới một bóng cây dừa; một đôi trai gái nghèo nàn âu yếm hôn nhau.

Hoàng-hậu Saba gục đầu vào một chậu hoa quý, thẩn thức một mình. Nàng lầm bầm :

« Cặp tình nhân kia giàu hơn Ta ! »

o o

Hoàng-hậu Saba chạy nhanh vào Cung điện. Nàng đóng kín cửa, không cho các nô tỳ vào hầu hạ. Ngà gục xuống chiếc long sàng bằng gỗ hương trầm, châu ngọc, kim cương, nàng ôm chiếc gối thơm ngát nước hoa, khóc nức nức.

Nàng cảm thấy cả Cung Điện rộng không, chẳng có gì. Sau bao nhiêu đất đai, thành trì, dân chúng, thâu về bao nhiêu kho vàng,

kho ngọc, nàng thấy trái tim nàng vẫn trống trải, hoang liêu, vắng lặng như sa mạc Arabie.

Tiếng đàn tiếng sáo réo rắt du dương từ phòng nhạc chính vang lên, không làm cho tâm hồn nàng rạo rực êm đềm nữa. Nàng truyền lệnh :

— « Im đi ! »

Nàng đứng dậy, bước đi trong hành lang dài rộng mênh mông. Bóng nàng đơn độc, in lờ mờ trên các bức tường cẩm thạch thơm ngát nước hoa. Nàng gọi một nữ tỳ :

— Fadena !

Một cung nữ rất đẹp, độ 19 tuổi, từ một căn phòng thoắt thoắt chạy ra, quỳ xuống bên chân Hoàng-hậu. Nàng bảo :

— Gọi cho ta một viên chiêm tinh nổi tiếng nhất !

Fadena đứng dậy, cung kính nghiêng mình chào, rồi biến đi.

Một lát sau, chiêm tinh gia đến. Một ông già râu trắng nhều, đôi mắt sáng rực.

Ông ngồi trên sàn hoa, chân Hoàng-hậu. Nàng phán :

NHỮNG NGƯỜI ĐÀN BÀ

— Nhà ngươi xem tương lai của Trẫm như thế nào ?

Ông lão Chiêm tinh tươi cười và lễ phép đáp :

— Hoàng-hậu đang băn khoăn về một vấn đề tâm tư. Nhưng vấn đề sẽ được giải quyết một ngày rất gần đây. Thần xem các ngôi sao từ mấy đêm nay thấy triệu chứng Hoàng-hậu sắp chinh phục tài ba trí huệ bậc nhất trên hoàn cầu.

Hoàng-hậu Saba mỉm cười, hỏi :

— Quốc vương ở nơi nào thế ?

— Ngài ở hướng Bắc.

Hoàng-hậu khoác bàn tay mũm mĩm dịu dàng, ra lệnh cho chiêm tinh gia rút lui. Nàng đứng dậy, lên vườn Ngự Uyển, ngồi trên bờ một hồ nước soi mình vào ánh nước long lanh. Nàng còn trẻ lắm. Quả thật nàng đẹp và duyên dáng vô cùng.

Bỗng Fadena rón rén đến gần, quỳ xuống tâu :

— Tàu Hoàng-hậu, có một người đi buôn, tên là Tamrinn,

từ Jérusalem mới đến, xin vào yết kiến Hoàng-hậu.

— Có chuyện chi ?

— Tàu Hoàng-hậu, y có đem những trái sung ngon nhấ ở Arabie và một hộp ngọc kim cương đến dâng Hoàng-hậu, để tỏ lòng tôn kính.

— Cho y vào.

Tamrinn ngồi trên sàn hoa, được Hoàng-hậu ân cần hỏi han.

— Trẫm thường nghe danh tiếng lẫy lừng của quốc vương Salomon ở Jérusalem. Những tiếng đồn về Ngài có đúng sự thật không ?

— Muôn tâu Hoàng-hậu diễm kiều, oai nghi của xứ Saba, quả thật lời thiên hạ đồn đãi về Đại-vương Salomon không có gì đáng chút nào. Danh thơm của Ngài không những được thấm nhuần trong tim trong óc của bọn thường dân chúng tôi, của toàn xứ Israel mà còn bay ra khắp miền Palestine, khắp các xứ Arabie. Cho đến cả các nước ở hai bên bờ biển Địa-trung-hải đều nghe danh Salomon,



midol

Dược phẩm đau nhức
vô cùng cảm
có bán tại các nhà thuốc

đều nô nức khâm phục Salomon, đều sùng kính Salomon ! Con trai và kẻ vị của David vĩ đại, tiếp tục sự nghiệp vô cùng cao cả của David, và xây dựng đền Jérusalem thiêng liêng huyền bí làm nơi trung tâm thờ Chúa của loài người. Công đức của Salomon vô lượng vô biên ! Trí óc của Salomon, khôn ngoan và sáng suốt vô cùng. Không vị vua nào sánh kịp ! Toàn thể Israel, toàn dân Do-thái chúng tôi, đều nhờ ân huệ của Đại vương Salomon, con trai và kẻ vị của David !

Hoàng hậu Saba mỉm cười, khẽ bảo.

— Cảm ơn.

Rồi nàng truyền lệnh cho Tamrinn lui ra. Người lái buôn ở Kinh đô của Hoàng hậu Saba 7 ngày. Trước hôm y từ biệt Saba để trở về Jérusalem, y được Hoàng hậu triệu vào cung. Nàng gọi rất nhiều quý vật để dâng tặng Đại vương Salomon, trong số đó có một con sư-tử nhỏ bằng ngọc thạch. Nàng dặn người lái buôn :

— Con sư-tử này là một cái hộp đựng hai miếng ngà, trên mặt

ngà có khắc nhiều bức vẽ. Nếu quả thật trí óc của Đại vương Salomon khôn ngoan và sáng suốt đúng y như lời nhà người đã tán dương với ta, thì Ngài sẽ đoán nhiều ý nghĩa của những bức vẽ ấy. Ta mong sẽ được Ngài gọi cho ta xem ý nghĩa ấy như thế nào. Nhưng trước hết, Ngài phải tìm cho ra phương pháp mở con sư-tử này ra mà không đập vỡ nó.

Đây là bức vẽ trên mặt hai miếng ngà, do Hoàng-hậu Saba vẽ gọi cho vua Salomon :



Hoàng-hậu kiên nhẫn chờ trả lời.

Một thời gian sau, không quá một tháng, Hoàng-hậu phái đến một viên quan coi kho của vua với một đoàn tùy tùng rất đông đảo. Salomon gọi đến nàng 24 thùng đựng đầy các thứ báu vật : tơ lụa, các loài thuốc trường xuân, các loại nước hoa, và vàng bạc, trân châu, kim cương, bích ngọc, và sau cùng, một món quý nhất, và lạ nhất, là một cái hộp bằng gỗ hương trầm, chạm đúng kiểu mẫu hình đền Jérusalem.

Nhưng đây chỉ là cái nắp hộp. Mở nắp ra, Hoàng-hậu Saba ngạc nhiên thấy con sư-tử nhỏ bằng bích ngọc của nàng, được gọi trả về. Đại vương Salomon không tìm ra được bí pháp mở con sư-tử ra ? Nhưng nàng bấm một cái nút nhỏ ở dưới bụng con sư-tử thì con sư-tử mở ra. Trong bụng con sư-tử nơi mà nàng đã đặt hai miếng ngà, bấy giờ nàng thấy một cuộn giấy bằng lá cây papyrus, trên đó có ghi những lời của Vua gắng giải những bức vẽ bí mật của Hoàng

hậu như sau đây :

« Hoàng-hậu Saba, đội vương miện có 7 viên ngọc,

« Rực rỡ như con công,

« Trọng trắng như trân châu còn nguyên trinh trong lòng dạ đương.

« Hoàng-hậu của Nhị-Châu Di quốc có biện phân cách và nối liền ở giữa,

« Vàng bạc châu báu tràn ngập như một giòng kim ngân, chảy hoài không cạn,

« Nhưng Hoàng-hậu buồn khóc dưới bóng cây trắc bá cử cô đơn.

« Đêm, ngày, trái tim của Hoàng-hậu bị đè nặng dưới một khối u-sầu,

« Nhưng, một đêm, các vì sao trên trời chỉ ch. Hoàng-hậu biết Jérusalem rực rỡ từng bừng dưới triều vua Salomon,

« Công bằng và danh thơm bay khắp hoàn cầu

« Giờ đây, Hoàng-hậu Saba mong được gặp vua Salomon ở Jérusalem.

Dũng midol
thi các chứng đau nhức
và cảm cúm.
CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY
1360/BY.I/ĐRDC.

Vị Hoàng-hậu trẻ đẹp, lẫm liệt và trinh nguyên của Saba hồi hộp sung sướng vì tiếng nói thầm kín của con tim nàng, dù tương trưng bằng những nét vẽ bí hiểm như thế, chỉ có một người, độc nhất một người là Salomon đọc được, hiểu được mà thôi. Không như người yêu đầu tiên trước kia, hoàng-tử Assadaron tuy đẹp và trẻ, nhưng nàng gọi cho chàng những bức vẽ tỏ tình đau đớn mà chàng không biết trả lời, và chàng ra đi, không hề tỏ chút tình quyến luyến nhớ thương.

Salomon, dù lớn tuổi hơn nhiều nhưng trong vũ trụ này còn ai thấu hiểu rõ lòng nàng bằng Đại-vương? Salomon là người đàn ông độc nhất thông minh và khôn ngoan tuyệt vời, xứng đáng với tình yêu bằng trinh mà giờ đây nàng sẵn sàng dâng trọn vẹn cho Người.

Thế rồi, Hoàng-hậu Saba khởi hành qua Jérusalem để gặp mặt

Salomon; người kẻ vị oai nghiêm David, người thông minh nhất trên hoàn cầu, người đang hồi hộp vui mừng chờ đón Nàng bằng hai tay âu yếm.

Dù được làm vợ Salomon một lần thôi, trong cuộc thăm viếng thú này, cũng đủ là diễm phúc tuyệt vời của cả một đời nàng.

Kết quả cuộc tình duyên diễm tuyệt ấy là khi trở về Kinh đô Saba, Nàng đã có thai, và đứa con trai duy nhất của nàng là Menelik, sẽ kế vị nàng, trên ngôi Hoàng-đế xứ Ethiopie...

Đó là bậc Thủy-Tổ của triều đại Négus của đế quốc Ethiopie hiện nay đang phát triển văn minh ở trung tâm Phi-châu.

Một triều đại vẻ vang, oanh liệt liên tục hơn 3000 năm lịch sử khai nguyên do một triều đình cùng cảm động của một nàng Juliette Đông-phương!

Hỷ tín

Nhận được hồng thiếp của Ông Bà Trần-văn-Thông, 48 Huyền-Trân Công-Chúa, Huế, và Ông Bà Trương-Ngo-Lan, An-Cựu, Huế, báo tin lễ thành hôn của cậu TRẦN-HUYNH-ANH đẹp duyên cùng cô TRƯƠNG-THI-MINH-HƯƠNG, tôi xin thành thật mừng hai họ và mến chúc đôi tân-hôn được bền duyên cảm sát.

NGUYỄN - VỸ



Truyện dài tình cảm

Δ

THẨM THỆ HÀ

(Tiếp theo P.T. 182)

Hoàng hăng say tiếp:

— Cậu hẳn phản đối ngay kế-hoạch kỳ quái đó. Cậu cho đó là một chủ trương thương-mãi, phản sư-phạm và mị học sinh. Ông hiệu trưởng tái mặt. Bọn nịnh thần lật mặt nhìn nhau. Cậu chủ-trương: muốn lôi kéo học sinh, trường phải thiết kỷ luật nghiêm minh, giáo-sư phải dạy tận tâm và đúng phương-pháp giáo-khoa. Nuông chiều học-sinh một cách vô lối là gián-tiếp xúi chúng làm bậy. Trách nhiều sẽ về ai?

Bầu không-khí trở nên căng-thẳng. Vài giáo-sư đưa ra những biện pháp chiết-trung ôn hòa để giải quyết, một phần để thỏa mãn hiệu-trưởng một phần để vượt vẻ tự-ại và trấn tĩnh lương tâm. Riêng cậu vẫn giữ lập trường. Sau cùng viên giám học—một tên lưu manh chuyên ăn tiền dầu của các giáo-sư tập sự—đề-nghị với cậu như vậy: « Chúng tôi biết giáo-sư là người kỳ-cự ở trường này, vừa có uy-

tín vừa được cảm-tình học-sinh. Vậy năm nay, nhờ giáo-sư đảm-trách môn Việt-văn ở hai lớp Đệ nhị B và Đệ nhị D. Xin giáo-sư đem tất cả kinh nghiệm của mình mà tận tâm dìu dắt học-sinh hai lớp ấy ». Đó là một đề nghị mới nghe qua thật là nhã-nhận, nhưng sự thật nó chứa đựng một thâm ý nham-hiềm vô cùng. Trước nhất hẳn muốn loại bớt ảnh hưởng và cướp mất một phần quyền-lợi của cậu. Bao năm trước, cậu dạy ít nhất là năm lớp, năm nay hẳn cướp mất hết ba đề trao cho những giáo-sư tập sự mà hẳn ăn tiền. Thí dụ: cậu dạy mỗi giờ 200đ, một giáo-sư tập sự chỉ nhận 150đ. Thế là hẳn lợi mỗi giờ 50đ vì hẳn nó với hiệu trưởng rằng các giáo sư dạy đồng lớp đều đòi đồng giá. Ngoài ra, hẳn còn bảo các giáo sư tập sự phải chia cho hẳn 20 phần trăm tiền lương hẳn mới chịu giới-thiệu vào dạy. Không, thì có cả khối người xin vào.

Nghe đến đây, không dẫn được, Phụng cau-có nói.

— Thật không ngờ ở học đường lại có những phần tử lưu manh bỉ ổi đến thế.

Lệ-Chi lập-nghiem :

— Sâu từ trong ruột sâu ra mà.

Hoàng nói tiếp, quên cả mâm cơm đã nguội.

— Như thế chưa hết cái nham hiểm của hẳn. Cái thâm của hẳn là: muốn mượn tay học-sinh loại hết ảnh hưởng của cậu. Nguyên học sinh hai lớp hẳn giao cho cậu toàn là những phần tử bất hảo ở các lớp Đệ Tam năm rồi mà hẳn cố tình tập trung lại để đổ trút trách nhiệm cho những giáo-sư nào không chịu theo kế hoạch mới. Hẳn biết rằng đối với những học-sinh này, nếu cậu thiết kỷ-luật chặt chẽ chúng sẽ nổi loạn ngay, hẳn chờ đợi giờ phút đó.

Lệ-Chi tức giận:

— Sao cậu không xin thôi ngay ?

Hoàng điềm-tĩnh tiếp:

— Nếu cậu xin thôi, hóa ra cậu hèn nhát, dám nói mà không dám làm. Biết mưu thâm mà cậu vẫn nhận. Cậu muốn làm cho mưu thâm của hẳn gây một phản-tác-dụng lại với hẳn. Cậu phải làm sao chinh phục được học-sinh một cách đứng-dẫn, không cần những mảnh-khoé lừa bịp. Cậu phải làm sao cảnh giác chúng, xây-dựng chúng thành những phần tử tru-tử của học-đường hôm nay và của quốc-gia ngày mai. Được như thế cậu sẽ vui với lý tưởng của mình, cậu sẽ có một ảnh hưởng mạnh ở học-đường. Rồi chính ở những học sinh giác-ngộ kia sẽ lột mặt nạ bọn xách giày, liếm giép, những con chien ghẻ trà trộn trong giáo-giới, những sâu bọ ở học-đường.

Phụng bắn khoăn nói :

— Lý tưởng thì bay, nhưng thực hành thì khó lắm.

Hoàng say sưa nói :

— Thực-hành khó thật, nhưng cậu quyết thực hành. Các nhà cách mạng xưa nay muốn thành - công đều cần phải hội đầy-dủ ba yếu-tố : Thiên-thời, địa-lợi, nhân-hòa. Cậu chưa có yếu-tố nào cả. Cái khó là ở chỗ đó. Trong khi các giáo sư khác đều chịu theo thị-hiệu học-sinh, trong khi các lớp khác đều bừa bãi, rối loạn, vô kỷ luật, trong khi ngay ở lớp cậu những giờ do các giáo sư khác đảm-trách cũng vô trật-tự, cậu phải làm thế nào để cải-thiện được nếp sinh hoạt trên, làm thế nào để cứu vãn được tình thế ?

Ngay buổi đầu cậu bước vào lớp, có học-sinh đứng dậy chào, có học-sinh cúi gằm mặt giả bộ không thấy.

có học-sinh ngồi bệt giữa, có học-sinh còn nhai ngồm-ngồm một khúc bánh mì. Chúng đã quên tất ở các giờ học các nên cho cử-chỉ như thế là tự-nhiên.

Cậu dịu-dàng bảo những đứa đã đứng dậy hãy ngồi xuống. Cậu vui vẻ hỏi chúng : « Trước khi học, mấy em muốn nghe thầy kể một câu chuyện cổ tích hay không ? » Có một tiếng đáp vọng lên từ cuối lớp : « Xưa quá rồi, thầy. » Cậu mỉm cười hỏi : « Mấy em có muốn nghe một câu chuyện phim dợt sóng mới không ? » Vài đứa nhao nhao lên : « Phải đã, kể đi thầy. »

Cậu liền thao thao kể cho chúng nghe truyện phim « Bầy thú trước băng đen », gồm toàn thành-tích của những học-sinh du-đăng chuyên chọc thầy phá bạn. Chúng nghe lấy làm thích thú. Có đứa cười lên hô hố, có đứa cung tay nheo mắt như nhân vật trong truyện phim. Kể xong, cậu nghiêm giọng hỏi chúng :

— Mấy em có muốn thành bầy thú đó hay không ?

Tự ái khiến chúng đồng loạt thét lên :

— Không ! không !

Thầy gạt đầu ra về băng lòng :

— Thầy biết trước mấy em đều là những học sinh có tư-cách, biết tự trọng. Mấy em muốn làm người biết kính thầy, mến bạn, chớ không ai muốn làm con thú hung-bạo chỉ rước lấy họa và nhục vào thân. Vậy từ nay, khi bắt cứ giắc-sur nào vào lớp, mấy em phải đứng dậy chào đề biểu lộ sự kính mến, đồng thời tỏ ra mình là một học - sinh đứng đắn, lễ phép.

Biết bị cậu gài vào kỷ-luật, nhưng chúng không còn lý lẽ gì để phản-ứng. Tuy nhiên, có vài tiếng xì xào ở cuối lớp. Cậu chặn ngay mọi phản ứng bằng lời tuyên-bố quyết liệt :

— Thầy muốn lớp này là một lớp gương mẫu, về trị lẫn đức-dục, vậy mấy em hãy tỏ ra xứng đáng và nên thường-xuyên xây dựng lẫn nhau. Em nào không xứng đáng sẽ bị nghiêm-khắc kiểm thảo và trừng phạt nặng nề.

Phượng vỗ tay reo lên :

— Hay quá ! Cậu đánh một đòn tâm-ly thật tài-tình. Không còn con thú nào trọng lớp cậu được.

Lệ-Chi nhún vai :

— Chưa chắc ! Còn hồi sau phân giải mà bồ.

Hoàng nhịp nhịp dũa xuống bàn :

— Phải, còn hồi sau nữa, mà hồi sau này mới ly-kỵ hơn. Phương-pháp cậu dạy là bắt buộc học-sinh phải soạn bài, học bài, làm bài, phải chăm-chỉ nghe giảng và chú-th ch lời giảng. Cậu thường xuyên kiểm soát học-lực của chúng, không bỏ sót một em nào. Lúc đầu, nhiều em lười biếng không soạn, không học mà cũng không chịu làm bài. Ban giám-đốc lại không cho phạt cấm-túc và chép bài, cậu đành áp-dụng lối trừng-phạt bằng tâm-ly.

Cậu kêu những học sinh ấy lên bảng. Nữ sinh lười biếng thì để cho nam sinh kiểm thảo. Nam sinh lười biếng thì để cho nữ sinh kiểm thảo. Em nào tinh-nghịch thế mấy, bị kiểm-thảo một lần cũng muốn độn thổ cho rồi, đâu còn dám tái phạm.

Khép chúng vào kỷ-luật thì dễ nhưng làm cho chúng kính-phục, yêu mến mới là khó. Một khi chúng đã yêu, kính rồi, kỷ-luật không còn thành vấn-đề nữa. Cậu đang tiến vào giai-đoạn thứ nhì. Những đứa miên-cưỡng phải tôn-trọng kỷ-luật, luôn luôn tìm cách phá uy-tín của cậu. Chúng về nhà tìm quân-sur học những câu hỏi hóc búa để đến lớp dồn thầy vào lối bí.

Phương-pháp của cậu là phương pháp cỏi mở cho học sinh được trình-bày ý-kiến, nêu lên tất cả thắc mắc, miễn là đừng đi lạc xa quá vấn-đề đang mổ xẻ. Khi đã trình-bày xong vấn-đề nào rồi, cậu cho mở một cuộc thảo-

luận tập-thể bồ-túc những điều đã giảng và cho học-sinh học hỏi thêm. Vào những lúc ấy, mặc sức cho chúng đưa ra những câu hỏi hiểm-hóc để thử sức thầy.

Phải công nhận là lắm lúc chúng nêu ra một vài nhận xét kỳ lạ, bất ngờ, làm cho mình phải nhanh trí lắm mới giải-thích thông-suốt được. Cậu biết chắc rằng những nhận xét đó không phải tự chúng tìm ra, mà nhờ chúng đã đọc ở sách nào hoặc do quân-sư nào bày biểu. Tuy nhiên, trước khi làm sáng tỏ vấn-đề chúng nêu ra, cậu có vài lời khen ngợi chúng biết cách nhận-xét và lập-luận đúng phép. Rồi lần lượt cậu minh-giải từng thắc-mắc với những chứng-minh cụ thể, hùng-hồn. Giải-thích xong, cậu cho chúng tiếp tục chất-vấn, cậu lại tiếp-tục giải-thích, cho đến khi nào tất cả không còn lý lẽ gì để biện-bác nữa. Thế là chúng muốn dồn thầy vào ngõ bí nhưng chính chúng lại sa vào cái ngõ mà chúng đã dọn sẵn. Đến lúc đó, cậu lại vui vẻ khích-lệ tinh-thần học-tập của chúng, làm cho những kẻ có ác ý đến đâu cũng thấy nhẹ nhàng, thỏa-mãn. Vài lần như thế, chúng mới chịu phục, và từ sự phục đến sự kính-mến cũng không bao xa. Có thể nói rằng chỉ một quãng thời gian ngắn là hai tháng, cậu đã chinh-phục trọn vẹn học-sinh hai lớp mà cậu đảm-trách trong một hoàn-cảnh hết sức khó-khăn. Cậu đã hoán-cải được chúng, phá tan mưu-mò của những bàn tay ngấm-ngấm phá-hoại.

Nói đến đây, Hoàng ngừng lại, nâng cốc rượu bia đưa lên môi.

Phượng lấy làm đặc ý :

— Phượng biết cậu tài lắm mà. Cậu là một « cây » tâm-lý, những kẻ nào hộp-tộp bị cậu nện vài đòn là ngã sụm ngay đó.

Lệ-Chi vẫn giữ giọng trêu đùa láu-lỉnh :

Đường midol
Đi các chạng đẩu như
và cùn cùn
CÓ BÁN ĐU CÁC NHÀ THỜ

« 4.000 năm dân ca Việt Nam »

Tôi đang soạn bộ sách « 4000 năm Dân-Ca V.N » gồm góp đầy đủ những ca-dao, tục-ngữ của Dân tộc Việt-Nam từ xưa đến nay.

Công cuộc biên soạn gồm có 4 việc : gom-góp, phân-loại, tra-cứu và bình luận.

Tôi đã khởi đầu một phần lớn công-trình này từ Phồ-thông số 1, được một thời-gian khá lâu rồi phải tạm ngưng vì công việc trứ-tác bề-bộn.

Nay đến lúc tiếp-tục việc làm để hoàn-thành tác-phẩm ấy.

Công-tác đầu tiên là gom-góp ca-dao ở khắp các tỉnh, các quận, các xã trong Nước, phần nhiều do bạn đọc có hảo ý gửi về.

Từ 1958, Bạn đọc **Phồ-Thông** đã sốt-sắng giúp cho tôi được trên 3000 câu ca-dao, từ khắp ba miền Nam Trung Bắc, và một số nhiều đã đăng trong **Phồ-Thông** từ số 1.

Nhưng tôi lại nhờ Bạn đọc trung-thành của **PHỒ-THÔNG** vui lòng tiếp-tục giúp tôi, và chép gởi về cho tôi tất cả những câu

- Ca-dao
- hát ru em.
- hát hờ (giã gạo)
- hát hò
- bài lí (Bình định)
- về địa-phương
- hát trống quân
- tục-ngữ

v.v.. ở các miền thôn-quê, xưa và nay. Quý bạn có hảo-tâm thư

thập ít nhiều Dân-Ca, xin vui lòng ghi cả Quý-danh, tánh, địa chỉ, (rất cần nói rõ địa-phương xuất-xứ), để cho tôi được tiện việc tra cứu đến nguồn-gốc và so-sánh, giảng-giải.

Muốn được thiết dôi-dào, phong-phú, tôi mong mỗi quý Bạn nhất là ở Nông-Thôn, hỏi lại các bậc Bô Lão, các vị phụ-nữ, của thế-hệ trước hiện còn sống, và chép đúng nguyên văn các câu hát, đừng sửa chữa, mặc dầu có thể có những câu sai văn, hoặc những chữ thô tục. Có những tiếng lạ nay ít thông dụng, hoặc tôi nghĩa, xin vui lòng chú thích giùm cho rõ ràng. Những câu xưa chừng nào, hay chừng nấy.

Trong quyển « 4000 năm Dân Ca Việt-Nam » tôi sẽ ghi Danh-tánh và Địa-phương cư trú của quý Bạn Đọc giúp tôi trong việc góp-nhặt, tham khảo và biên soạn tác-phẩm này.

Bắt đầu từ số sau, tôi sẽ đăng trên Phở-thông những câu Dân-Ca do quý bạn có hảo tâm, lần-lượt gởi về.

Thành thật tạ ơn quý Bạn.

Thân mến,
★ N.V.

Chia buồn

Rất cảm-động thương-xót được tin mệnh-chung của Cụ HOÀNG-NGỌC-TẠO, Thánh-danh Hồng-Phước Minh Tra, ban Phở-Thông Giáo-lý Cao-Đại Việt-Nam, thân-phụ của các bạn Tuyết-Hoa, Tuyết-Vân, Tuyết-Nguyệt, Tuyết-Anh, và nhạc-phụ của bạn Đỗ-vàng-Lý, Cựu Đại-sứ Việt Nam tại Indonesia, Ấn Độ, và Hoa-Kỳ, chúng tôi đau-đớn phân-ưu cùng Cụ Bà Diệu-Long, cùng các Bạn thân-mến và tang quyến.

Chúng tôi thành-kính cầu nguyện Hương-Hồn Cụ Hồng-Phước được tiêu-diêu về Tiên-Cảnh.

NGUYỄN-VY

Luật-sư BUI-CHÁNH-THỜI

ĐÁP BẠN BON PHƯƠNG

★ ĐIỀU-HUYỀN

★ Bạn H.C. Trung Nữ Vương, Đà Nẵng

1) Bạn hỏi thẳng ngay mấy hiệu thuốc Au Mỹ.

2) Có thể dùng các loại thuốc của Nhật chuyên trị về môn ấy.

★ Bạn Bùi Cái, Lê Lai, Phan Thiết

— Về sự tích thần Apollon, trong Phở Thông, mục Thần thoại Hy Lạp đã có nói rõ trong một bài dài.

Bạn tìm xem lại các số cũ.

Δ Bạn Trần Sinh, Sinh viên Paris (Pháp).

1) Bản tuyên ngôn quốc tế Nhân quyền được Liên Hiệp-Quốc công bố ngày 10 tháng 12 năm 1948.

2) Bản Hiến chương Đại Tây Dương do Tổng Thống Mỹ Franklin D. Roosevelt và Thủ Tướng Anh Winston Churchill ký ngày 14 tháng 8 năm 1941, trên một chiến hạm đậu ở giữa Đại Tây-Dương.

— O.T.A.S.E. : Organisation des Territoires de l'Asie du Sud-Est,

— O.T.A.N. : Organisation du Traité de l'Atlantique Nord.

Δ Bạn Ng. v. Mười, Trần Quốc Tuấn—Mỹ Tho.

Rất tiếc đã có đủ.

★ Bạn Thanh Lệ Sương, Nữ Trung học L.V.D. Giadinh

Xem thư rất cảm động. Thành thật cảm ơn bạn. Mong bạn thông cảm về việc tác giả ít có thì giờ để viết thư riêng, tác giả cũng ít khi đến tòa soạn từ gần một năm nay. Vấn đề bạn nêu ra đó, tác giả vẫn đặc biệt chú ý, nhưng hoàn cảnh xã hội quá bẽ bối, chưa có đủ phương tiện hoạt động trên một bình diện sâu rộng. Cảm ơn bạn nhiều về thiện chí và cảm tình của bạn.

☐ **Bạn Nguyễn đức Đại nhân viên T.N.C.S. Quảng Trị**

24 tháng 3 năm Quý Mùi : 28-4-1943

14-9— năm giáp thân : 30-10-1944.

☐ **Bà Lê Thị Hoàn, Vĩnh-Long**

Bông « lay đơn », là bông *Glaïeul*, (đọc: gờ-la-i-ơn). Hoa « ti-gôn », là hoa *antigone* (âng-ti-gôn).

— Hoa « mimosa », gọi là hoa *Trinh nữ* không đúng. Vì những loại hoa này do Tây Phương nhập cảng, trong tiếng Việt không có tên, nên cứ gọi là *mi-mo-sa* thì hơn. (mi-mô-za)

— Cá sấu đẻ trứng, mỗi lần đẻ từ 20 đến 30 trứng. Trứng nó không tròn, mà dài, từ 5 đến 9 phân tây. Trứng đẻ trên một cái hang đào trên cạn hoặc trong bùn rồi bỏ đấy chứ không ấp, 7 hoặc 8 tuần lễ sau thì nở.

Cá sấu lớn có thể dài đến 10 thước Tây.

— Danh từ «*Nước mắt cá sấu*» có nghĩa là nước mắt giả dối của người nào vờ khóc lóc cho người ta thương hại để rồi lường gạt và làm hại người ta. Do điển tích của thời Thượng cổ Hy Lạp, La Mã cho rằng con cá-sấu nằm trong bụi để kiếm mồi, khi thấy người ta đi gần đến, nó giả vờ tiếng người khóc rên rỉ để người ta tò mò đến gần xem, nó sẽ phóng ra vồ lấy.

△ **Trung tá Trung Trí KBC 4769**

— 5-2- Tân-tị : 2-3-1941 — 19-4-1949 : 22 tháng 3, Kỷ Sửu.

— Bệnh cô em 17 tuổi có thể chữa bằng khoa châm cứu (phải do Bác sĩ châm cứu chuyên môn)

☐ **Bạn Nguyễn Tấn Dinh, Nha Trang**

Bạn cứ gửi thơ vào, chúng tôi sẽ liệu.

☐ **Cô Duyên Hương, Nữ Y Tá, Cam-Ranh**

1) Quyền truyện M.H.N.M không thấy bán ở Cam Ranh, theo thư cô nói, là do nhà xuất bản, chứ tòa soạn Phò Thông không phụ trách việc ấy. Cô trách chúng tôi thì cũng hơi oan đấy.

2) Cô gửi bưu phiếu 100đ nhờ chúng tôi gửi ra cô một quyển M.H.N.M, chúng tôi xin vui lòng mua gửi ra cô. Nhưng cô dặn gửi *bảo đảm* mà cô ghi địa chỉ như trên thì chắc chắn cô sẽ không nhận được sách, cô phải cho tên và họ theo trong căn cước, và số nhà, tên đường phố hoặc sở nào, nói cho rõ ràng.

Nhận được địa chỉ chắc chắn chúng tôi sẽ gửi ngay sách ra cô.

3) Tác giả đi vắng xa, không ở Saigon, nên chúng tôi rất tiếc không làm sao xin chữ ký của tác giả được. Vậy xin chờ dịp khác.

4) D.H. không có quyền ký tên tặng sách của NV.

☐ **Bạn Lâm văn Thoại, New orléans, Mỹ**

— Bạn cứ gửi bài về. Tòa soạn rất hoan nghênh.

△ **Cô Huyền, Ngô Quyền, Quảng Ngãi**

Xin miễn cho việc trả lời bằng thư riêng.

Chuyện cô hỏi về NV. thuộc phạm vi cá nhân. Và lại không quan trọng mấy.

△ **Cô Ngô thị Xuân Nga, Trung học Bồ đề, Nha Trang**

Bài thơ về «Trần Lê Xuân» không nên đăng, mặc dầu rất hay vì không nên quan trọng hóa người đàn bà ấy. Không phải một nhân vật lịch sử. Và lại người ta đã đi xa rồi, những chuyện kia đã cũ rồi, không còn hợp thời nữa.

△ **Bạn Nguyễn thị Nhung, Nha Trang**

— Trong tòa Đại sứ Mỹ, có nhân viên người Việt.

Và điều kiện xin làm ở đấy, chúng tôi không được biết, bạn có thể viết thư thẳng đến tòa đại sứ ấy.

— Chúng tôi không hiểu rõ tổ chức nội bộ của họ.

Nhưng chúng tôi không tin rằng có người Việt làm «Chief» một văn phòng.

● Ông Tạ Duy Cừ. Cần Thơ

Vấn đề «đóng cửa trường Tây», dính-lưu đến chính trị, và có ảnh hưởng đến chính sách chống Cộng của Miền Nam. Vì vậy, chúng tôi không muốn bàn đến trong lúc này.

Δ Ban Thành Hiệp, Giáo Sư—Long Xuyên

1) Xin xem câu trả lời trên (ông Tạ duy Cừ, Cần Thơ) về câu «Hoành Sơn nhất đái, vạn đại dung thân», của Trương Trình nói với Nguyễn Hoàng, không nên hiểu nghĩa đen của hai chữ «Vạn đại» là «muôn đời». Đúng như ông nói: «Nhà Nguyễn vào làm vua ở miền Trung chỉ đến Bảo Đại là sụp, chứ làm gì đến muôn đời?». Nhưng theo thiện ý của tôi, ô. Trương Trình muốn nói: Nguyễn Hoàng ở Miền Bắc sẽ bị họ Trịnh tiêu diệt, nếu vô miền Trung, họ Nguyễn sẽ sống lâu đời. Và lại, Trương Trình nói «dung thân» chứ có nói gì đến nghiệp đế vương đâu. Hiểu như vậy, thì lời tiên tri của Bạch Vân ẩn sĩ rất đúng với thực tế lịch sử.

✱ Bạn Ng. Chánh Trung, Quảng Ngãi.

Chứng bệnh của ông Cự, trong sách gọi là «bệnh Tề Tuyên» thuốc ta không có môn gì chữa được, nhất là một khi ông Cự không có thiện chí và nghị lực tự mình tu tính.

Nhưng bạn nên hỏi các bác sĩ chuyên môn Y khoa Âu Mỹ có những thuốc chích cho liệt dương, các loại «antihormones» làm suy nhược kích thích tố.

Δ Ông Nguyễn văn Kiềm, giáo học hồi hưu Tân-Châu

Chúng tôi hoan nghênh bài sưu khảo của ông về văn thơ của Cự Huấn đạo Nguyễn văn Khuê.

● Nhưng xin ông: 1) chép lại nguyên văn những bài thơ chữ Hán và chữ Nôm bằng mực Tàu (đen), chứ chép bằng bút chì nguyên tử không làm bản kẽm để in được.

2) Chép trên một tờ giấy bằng khuôn khổ trang báo Phở Thông. Mỗi trang Phở Thông đăng được 3 bài thơ. Đường Luật, nét chữ càng đậm càng làm bản kẽm rõ (viết tháu cũng được, miễn là nét chữ đậm, bằng mực đen)

● Bà Trần thị Liên, Châu Đốc

1) Bà Triệu Âu, tên thật là Triệu thị Chính. Nghĩa chữ «Âu» là đánh (âu đả) tên đó không phải đúng là hú danh của bà, mà do dân chúng miền Thanh Hóa lúc bấy giờ thấy bà cỡi voi đánh giặc Tàu xâm lăng, năm Mậu Thìn, (248 dương lịch), nên gọi là bà Triệu Âu, (bà Triệu đánh giặc). Vì tôn sùng nữ tướng nên họ gọi hăng «Bà» sự thực là mới có 20 tuổi và không có chồng.

2) Lời đồn nói là bà có «vú dài 7 thước», chắc là đồn sai, chứ tự cổ chí kim làm gì có gái 20 tuổi có vú dài 7 thước, có phải không ạ? Dù là do theo thước xưa!

3) Trưng Trắc, theo sử sách, thì đúng là họ Trưng. Tại sao ngày nay ít thấy có người họ Trưng tôi cũng không hiểu. Có lẽ tại vì giòng họ Trưng, bị tuyệt chủng từ thời ấy chăng?

— Quyền truyện M.H.N.M nhà xuất bản không in giấy loại tốt. Tác giả rất tiếc không thể làm theo ý mong muốn của bà về diêm đỏ và các diêm khác như bà nghĩ trong thư.— Xin thành thật cảm ơn những lời bà khen tặng.

● Một số phụ huynh học sinh Phan Thiết

Đơn của quý ông nhờ Phở Thông đăng giùm nhưng không có tên ký và không có địa chỉ nên không đăng được. Rất tiếc.



Cần Đến kinh kỳ, Bản hân đã được, hay là đang hành kinh mà đau bụng, uống: **Đôi Cống Hoàn «ÔNG TIỀN».** Hỏi các tiệm thuốc Hoa-Việt Saigon 228 [Lê-hánh-Tôn. Nhà thuốc «ÔNG TIỀN»] [Phủ-Lâm Cholon K.N. BYT. số 1 — 9-5-63]

Phong Ngứa, Ghê chốc, lở loét, gãi tới đâu lan tới đó không phải thoa phết sơ sài ngoài da mà **Sát-Độc-Hoàn «ÔNG TIỀN»** Giải Phong **30 năm sáng lập.** Hỏi các tiệm thuốc Hoa-Việt. **Thuốc Ông Tiễn, Phủ-Lâm Cholon (K.N. BYT. số 3 — 9-5-63)**

NGUỒN VUI = SỨC KHỎE

**của mọi người và
trong mọi gia - đình**



**NƯỚC NGỌT CON CỎ Ở ĐÀU
ĐÂY LÀ KHỎE MẠNH, SONG LÃO ĐỜI**

LE SECOURS

Công - Ty Bảo-Hiêm và tái Bảo-Hiêm những
tai nạn, hỏa-hoạn, hàng-hóa trộm cắp và tất cả các rủi ro.

Trụ sở chánh :

30 - 32, đường Laffite — Paris (9ème)

Chi-Cuộc Viễn-Đông

16, đại - lộ Nguyễn - Huệ — Saigon

Điện-thoại : 20.461

○ Bồi thường mau lẹ

● Nghi thức giản tiện

Khi hữu sự hãy hỏi thăm liền chớ ngần ngại. Mọi sự
đề dãi và tiếp rước niềm nở sẽ dành cho khách bảo-hiêm.

Nhà hàng ĐẠI - LA - THIÊN

Điện-thoại số. 26.893

31.33 Đường Lãn-Ông CHOLON

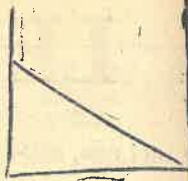
- Đặt biệt các món ăn Tiều
- Sạch sẽ vệ sinh và ngon miệng
- Bếp khéo, bồi giỏi và lễ phép
- Có máy điều hòa không khí

**Ở lầu 3 lộ-thiên có không-khí thiên-nhiên
trong một khung cảnh huy hoàng diễm ảo**

KINH-LÝ VĂN - PHÒNG

110, đại lộ Nguyễn-Huê—Saigon

Điện-thoại 23.187



Phạm-văn-Lạng

Giám-Định Trắc-địa-sư

Géometre — Expert

373. Phan-thanh-Giân

SAIGON



KON số 260 ngày 20-6-65

Giấy phép số 292 CDVTTND ngày 9-10-1961

Quản nhiệm : NGUYỄN-VỸ

In tại THƯ LÂM ẤN THƯ QUẢN
231.233, Phạm-Ngũ-Lão — Saigon

K.D. số 3380. ngày 31-12-66